



.hsc

VỮNG VÀNG

| Báo cáo thường niên 2021

MỤC LỤC

Báo cáo thường niên 2021

05	THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC
06	TỔNG QUAN VỀ HSC
08	Các chỉ số tài chính nổi bật
10	Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
11	Ngành nghề kinh doanh
12	Chặng đường phát triển
13	Danh hiệu và giải thưởng
15	Cơ cấu công ty
18	Hội đồng quản trị
19	Ban Kiểm soát
22	Thông tin cổ đông
26	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
28	Thị trường chứng khoán Việt Nam
28	Kết quả kinh doanh năm 2021
32	VẬN HÀNH
42	PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
44	Phát triển bền vững
76	BÁO CÁO TÀI CHÍNH
155	MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông,

Năm 2021 đánh dấu năm HSC đạt kết quả kinh doanh cao nhất từ khi thành lập với doanh thu 3.368 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 1.147 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 112% và 116% so với năm trước. Các con số này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh Covid-19 tiếp tục tạo nhiều khó khăn trong hoạt động và chúng tôi phải bảo đảm an toàn cho toàn thể nhân viên, trong khi vẫn duy trì các dịch vụ khách hàng với chất lượng tốt nhất. Bằng những biện pháp ứng phó kịp thời như hỗ trợ tài chính cho nhân viên và gia đình bị nhiễm vi-rút, đầu tư trang bị đầy đủ các phương tiện cho nhân viên để họ có thể làm việc từ xa trong thời gian cách ly xã hội và chào đón họ trở lại văn phòng một cách an toàn, chúng tôi đã không chỉ đạt, mà còn vượt xa các mục tiêu đề ra. Tôi tự hào về những nỗ lực mà đội ngũ nhân viên HSC đã thực hiện và tin tưởng rằng những nỗ lực đó đã giúp chúng tôi gia tăng đáng kể sự gắn kết của nhân viên với công ty.

Ngoài việc đạt kết quả kinh doanh ấn tượng, năm 2021 chúng tôi còn thực hiện thành công việc tăng vốn từ 4.440 tỷ đồng lên 7.325 tỷ đồng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tận dụng cơ hội thị trường. Ngoài ra, chúng tôi tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững qua việc hoàn thiện bộ khung quản trị doanh nghiệp, nâng cao chất lượng quản lý và quản trị rủi ro, cụ thể như thành lập Khối Quản trị rủi ro và Tuân thủ, thành lập các Ủy ban chuyên môn, và hoàn thiện việc tái cơ cấu bộ phận môi giới khách hàng cá nhân. Đây thực sự là những yếu tố then chốt quyết định sự thành công lâu dài của chúng tôi do quy mô hoạt động kinh doanh ngày càng lớn mạnh và tốc độ phát triển của thị trường.

Năm 2022, thị trường chứng khoán được kỳ vọng sẽ duy trì đà tăng trưởng khi nền kinh tế trong nước hồi phục. Triển vọng gia tăng lợi nhuận của doanh nghiệp rất khả quan. Tuy vậy, thị trường có thể sẽ đối mặt với một số thách thức như áp lực lạm phát và tình hình bất ổn địa chính trị. Với mô hình kinh doanh vững chắc, chiến lược đúng đắn, và nền tảng vững mạnh hơn, tôi tin rằng HSC sẽ tiếp tục đạt kết quả kinh doanh tốt trong năm 2022. Để tăng tốc và duy trì vị thế dẫn đầu qua đó mang lại giá trị cao nhất cho doanh nghiệp và Quý cổ đông, chúng tôi đã đặt ra kế hoạch rõ ràng để củng cố các nguồn lực về con người, công nghệ và vốn, cụ thể như sau:

- Về nhân lực, chúng tôi chúng tôi nâng cao hơn nữa tính gắn kết với nhân viên và thu hút các nhân sự chủ chốt mới chất lượng cao. Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi sẽ tiếp tục xây dựng môi trường làm việc ở HSC theo hướng chuyên nghiệp và tích cực, đặc biệt là việc áp dụng các chính sách thu nhập gắn liền với thành tích và mang tính dài hạn, bao gồm cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
- Về công nghệ, việc số hóa sẽ được tích hợp sâu rộng hơn nữa ở HSC. Chiến lược của chúng tôi là tự phát triển các công nghệ cốt lõi gắn liền với sản phẩm dịch vụ và quy trình hoạt động của mình, để từ đó nâng cao hơn nữa tính linh hoạt trong hoạt động của HSC.
- Về nguồn vốn, tăng trưởng quy mô vốn sẽ giúp chúng tôi đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng trong điều kiện thị trường chứng khoán phát triển nhanh chóng. Việc huy động vốn sẽ được xem xét kỹ lưỡng để tối ưu hóa lợi nhuận của cổ đông. Bên cạnh đó, HSC sẽ tiếp tục đa dạng hóa nguồn vốn, tìm kiếm các nguồn vốn vay có chi phí thấp để đạt cơ cấu vốn tối ưu.

Một điều chúng tôi muốn nhấn mạnh là các chính sách quản lý rủi ro nghiêm ngặt và quản trị doanh nghiệp tốt mà chúng tôi đã áp dụng trong nhiều năm sẽ cho phép chúng tôi triển khai các nguồn lực bổ sung để thúc đẩy tăng trưởng mà không ảnh hưởng đến khẩu vị và mức độ rủi ro của HSC.

Tôi rất lạc quan về một HSC lớn mạnh hơn rất nhiều trong 2022 và các năm tới.

Thay mặt toàn thể nhân viên của HSC, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của Quý Cổ đông. Với niềm tin mạnh mẽ vào triển vọng dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, tôi cũng rất tự tin vào khả năng của chúng tôi để luôn đi trước thị trường và tiếp tục tạo ra giá trị to lớn cho cổ đông HSC.

Trân trọng,


Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám Đốc

TỔNG QUAN VỀ HSC



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT

	2017	2018	2019	2020	2021	CAGR trong 5 năm
Kết quả hoạt động kinh doanh (Tỷ VND)						
Doanh thu	1.382	1.702	1.262	1.592	3.368	20%
Trong đó:						
Môi giới chứng khoán	602	759	478	621	1.390	22%
Hoạt động cho vay ký quỹ	439	523	496	550	1.179	
Đầu tư chứng khoán, góp vốn (*)	270	278	222	369	722	
Doanh thu hoạt động tư vấn	45	119	54	38	47	
Doanh thu khác	25	23	12	13	30	
Chi phí hoạt động	689	860	731	932	1.938	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	692	842	531	660	1.430	
Lợi nhuận trước thuế	693	842	531	660	1.430	
Lợi nhuận sau thuế	554	675	433	530	1.147	16%
Bảng cân đối kế toán (Tỷ VND)						
Tổng tài sản	6.681	5.256	7.489	12.489	24.369	30%
Vốn điều lệ	1.298	1.298	3.059	3.059	4.581	29%
Vốn chủ sở hữu	2.791	3.061	4.304	4.440	7.325	21%
Các chỉ tiêu tài chính						
Thu nhập trên tài sản trung bình (ROAA)	10,8%	11,3%	6,8%	5,3%	6,2%	-10%
Thu nhập trên vốn cổ phần trung bình (ROAE)	21,4%	23,1%	11,7%	12,1%	23,8%	2%
Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	129.570.368	129.554.168	305.516.173	305.041.845	457.211.949	29%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	4.289	5.214	1.596	1.738	3.685	-3%
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu - VND	21.542	23.624	14.088	14.557	16.022	-6%
Cổ tức - VND (**)	2.100	2.500	1.200	1.200	1.200	-11%
Giá thị trường thời điểm cuối năm - VND	60.100	46.850	21.350	31.400	45.500	-5%
P/E	14.0	9.0	13.4	18.1	12.1	-3%

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh

(**) Số liệu tạm tính năm 2021 và phụ thuộc vào sự chấp thuận sau cùng của Đại hội cổ đông

Doanh thu (Tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	Giá trị sổ sách của một cổ phiếu (Đồng)	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng)	Tổng tài sản (Tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (Tỷ đồng)
2021 3.368	2021 1.430	2021 16.022	2021 3.685	2021 24.369	2021 7.325
2020 1.592	2020 660	2020 14.557	2020 1.738	2020 12.489	2020 4.440
2019 1.262	2019 531	2019 14.088	2019 1.596	2019 7.489	2019 4.304
2018 1.702	2018 842	2018 23.624	2018 5.214	2018 5.256	2018 3.061
2017 1.382	2017 693	2017 21.542	2017 4.289	2017 6.681	2017 2.791

TỔNG QUAN VỀ HSC

TẦM NHÌN

Trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, và được đánh giá cao nhất trên thị trường, trong khi đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam.

SỨ MỆNH

Là Công ty chứng khoán dẫn đầu ngành chứng khoán và thị trường vốn tại Việt Nam trong những chuẩn mực về tính chuyên nghiệp, sáng tạo, sức khỏe tài chính và phát triển bền vững.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



CHÍNH TRỰC

Chúng tôi mang sự chính trực vào trong mỗi quyết định kinh doanh và hoạt động hằng ngày của công ty.

TÍCH CỰC

Chúng tôi thể hiện tinh thần tích cực, tôn trọng khi chia sẻ, tương tác với những người xung quanh.

CHUYÊN NGHIỆP

Chúng tôi liên tục sáng tạo và nâng cao năng lực để trở thành một công ty đầu ngành trong thị trường vốn.

TẬN TÂM

Chúng tôi làm việc tận tâm để cung cấp những dịch vụ tốt nhất và vượt kỳ vọng của những người xung quanh.

HỢP TÁC

Chúng tôi xây dựng những mối quan hệ hợp tác dựa trên sự tin tưởng, đồng cảm, và hỗ trợ lẫn nhau.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÔI GIỚI

Dịch vụ môi giới

- Mở tài khoản giao dịch
- Môi giới: Cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Phân phối chứng chỉ quỹ
- Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC
- Quản lý ủy thác
- Đại lý đấu giá IPO
- Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

Dịch vụ tài chính

- Giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán
- Môi giới, đấu thầu và repo trái phiếu chính phủ
- Tài trợ vốn ngắn hạn cho đấu thầu trái phiếu chính phủ

Giao dịch điện tử

- Web trading
- Mobile trading
- DMA & STP
- FIX
- OMGEO
- Contact center
- SMS

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp
- Tư vấn thoái vốn đầu tư cổ phần tại doanh nghiệp nhà nước
- Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp
- Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp
- Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK

Tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A)

Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước

- Tư vấn phát hành (đại chúng & riêng lẻ)
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn thoái vốn
- Tư vấn phát hành riêng lẻ



NGHIÊN CỨU

Báo cáo phân tích

- Vĩ mô & chiến lược
- Phân tích ngành
- Phân tích cổ phiếu
- Phân tích kỹ thuật
- Phân tích định giá cổ phiếu

Hỗ trợ khách hàng

- Tư vấn trực tiếp với chuyên viên phân tích
- Tổ chức cho khách hàng đi thăm doanh nghiệp
- Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài

ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tự doanh

- Cổ phiếu
- Trái phiếu
- Chứng chỉ quỹ
- Phái sinh
- Chứng quyền có bảo đảm

Tạo lập thị trường

CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN

“ Từ khi thành lập năm 2003 đến nay, những tăng trưởng liên tục về vốn và quy mô hoạt động đã đưa HSC vươn lên trở thành một trong những Công ty chứng khoán có hoạt động kinh doanh, tài chính tốt nhất Việt Nam.

2003 - 2008

- Chính thức thành lập với vốn điều lệ ban đầu 50 tỷ VND
- Tăng vốn điều lệ lên 395 tỷ VND.
- Phát hành cổ phiếu cho các Cổ đông chiến lược HDBank và FIDICO.
- Ra mắt hệ thống giao dịch trực tuyến VI-Trade cho phép giao dịch qua Internet.

2009 - 2014

- Chính thức niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu HCM
- Tăng vốn điều lệ lên 1.273 tỷ VND.
- Triển khai HSC Trade cho hệ điều hành Android, hoàn thiện hệ sinh thái giao dịch trực tuyến
- Kết nối trực tiếp với mạng lưới của Bloomberg và Reuters thông qua giao thức FIX (Financial Information Exchange - Trao đổi thông tin tài chính) - giao thức điện tử tiêu chuẩn quốc tế trong việc lưu thông thông tin trước và trong quá trình giao dịch.
- Được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2005 cho nghiệp vụ “Cung cấp dịch vụ giao dịch trực tuyến và môi giới chứng khoán” do TUV Rheinland (CHLB Đức) cấp.
- Nhận Bằng khen của Bộ Tài Chính cho những đóng góp xây dựng và phát triển Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội giai đoạn 2009 - 2014.
- Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì những thành tích nổi bật đóng góp vào sự phát triển chung của thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2010 - 2014.

2015 - 2020

- Tăng vốn điều lệ lên 3.058 tỷ đồng.
- Ra mắt kênh môi giới khách hàng online: www.online.hsc.com.vn
- Ra mắt ứng dụng mở tài khoản trực tuyến với định danh điện tử - eKYC
- Ra mắt hệ thống giao dịch mới myhsc – nền tảng số hỗ trợ nhà đầu tư giao dịch tất cả các sản phẩm tài chính trên cùng 1 ứng dụng.
- Tiên phong đóng góp xây dựng thị trường phái sinh Việt Nam với sản phẩm giao dịch đầu tiên là Hợp đồng tương lai chỉ số VN30.
- Tham gia tạo lập thị trường cho sản phẩm Chứng chỉ quỹ VFMVN Diamond ETF.
- Phát hành thành công 800 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp.
- Phát hành chứng quyền có đảm bảo.
- Tổ chức thành công sự kiện Emerging Vietnam, là cầu nối giữa hơn 40 công ty hàng đầu Việt Nam cùng 200 nhà đầu tư quốc tế.
- Bổ nhiệm ông Trịnh Hoài Giang – nguyên Phó tổng Giám đốc vào vị trí Giám đốc điều hành.
- Ra mắt Trung tâm Khách hàng tại Tầng 2, Tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. HCM.

2021

- Tăng vốn điều lệ lên 4.581 tỷ đồng
- Điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động, quy tụ các phòng giao dịch tại TP.HCM về 1 địa chỉ duy nhất tại: Tầng 2,5,6,7,11 và 12 toà nhà AB, 76A Lê Lai, quận 1, TP.HCM
- Nhận bằng khen của Mặt trận Tổ quốc cho những đóng góp lớn cho Nhà nước trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19
- Tổ chức thành công chuỗi hội thảo trực tuyến C2C – Connecting to customers - kết nối khách hàng cá nhân với các doanh nghiệp niêm yết hàng đầu Việt Nam
- Tổ chức thành công hội nghị trực tuyến Emerging Vietnam và chuỗi Investor Conference kết nối nhà đầu tư tổ chức quốc tế với các doanh nghiệp Việt Nam

DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG

GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ

**TRIPLE A COUNTRY**

Nhà môi giới tốt nhất Việt Nam các năm 2013, 2014, 2017, 2019, 2020, 2021
Nhà tư vấn M&A tốt nhất Việt Nam 2014

ASIAMONEY
ASIAMONEY

Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam 2012
Top 3 Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất Việt Nam 2014

THE ASIAN BANKER
STRATEGIC BUSINESS INTELLIGENCE FOR THE FINANCIAL SERVICES COMMUNITY
ASIAN BANKER

Nhà Môi giới được Quản trị Tốt nhất Khu vực Châu Á Thái Bình Dương 2014

**ALPHA SOUTHEAST ASIA**

Nhà môi giới khách hàng tổ chức tốt nhất tại Việt Nam 2019
Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam 2020

**FINANCE ASIA**

Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam 2021

GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC

**TOP 50 FORBES**

Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất thị trường chứng khoán Việt Nam 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2021

Forbes Vietnam
TOP THƯƠNG HIỆU DẪN ĐẦU

Top 25 thương hiệu tài chính dẫn đầu

**TOP 50 NHỊP CẦU ĐẦU TƯ**

Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021

**CUỘC BÌNH CHỌN DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT**

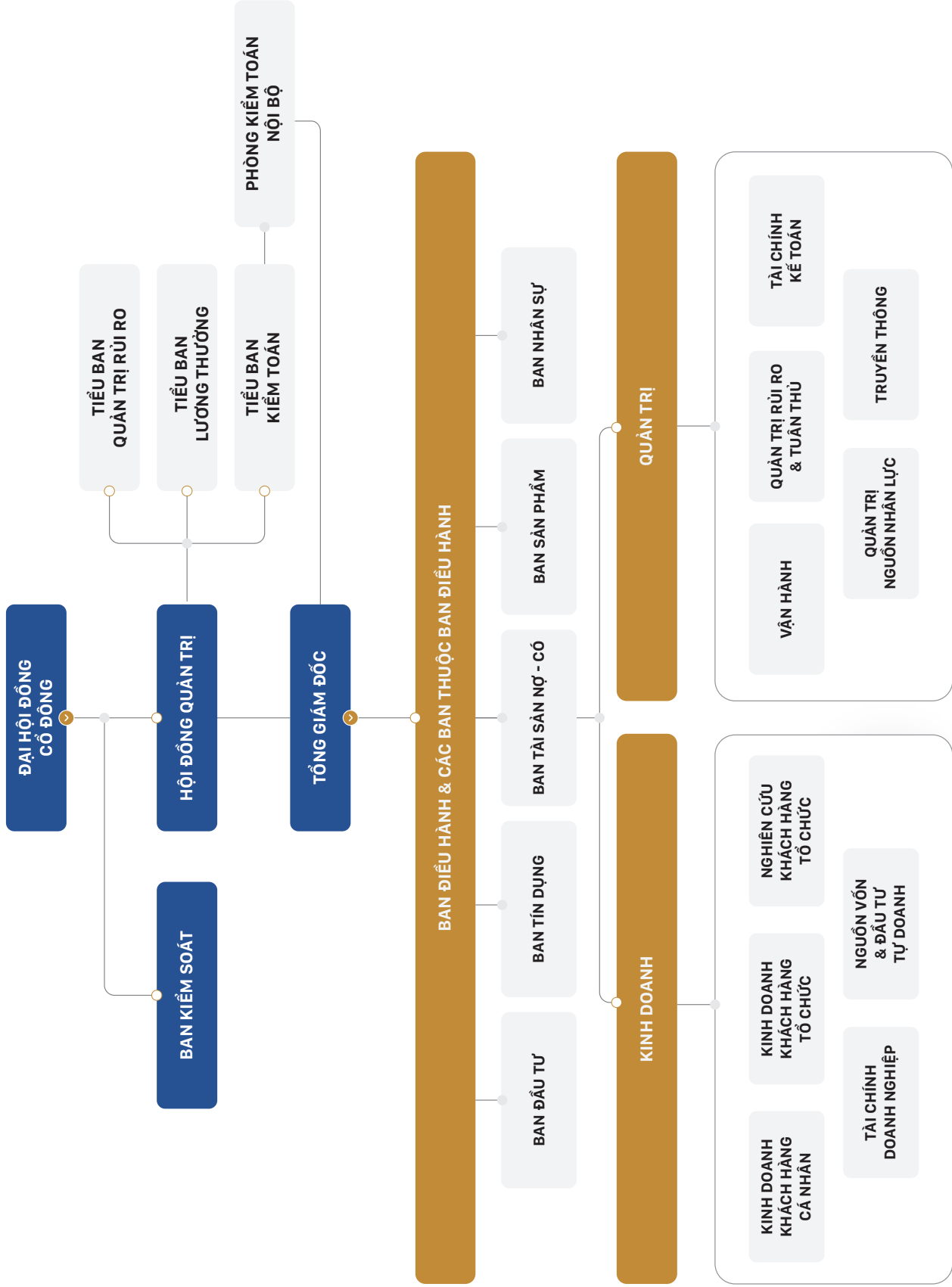
Báo cáo thường niên xuất sắc nhất 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019
Top 5 doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn quản trị công ty tốt nhất 2020, 2021

**QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ**

Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động Quan hệ nhà đầu tư được các Định chế Tài chính đánh giá cao nhất 2018, 2021
Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR được nhà đầu tư yêu thích nhất 2020



CƠ CẤU CÔNG TY



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông JOHAN NYVENE
Chủ tịch HĐQT

Ông Johan Nyvene được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty HSC từ tháng 04/2021. Ông có hơn 13 năm gắn bó với HSC trong cương vị là Tổng Giám đốc và là thành viên HĐQT tham điều hành từ 2007 đến tháng 03/2020. Dưới sự lãnh đạo của ông, HSC đã phát triển lớn mạnh, trở thành một trong những công ty chứng khoán lớn nhất Việt Nam. Trước đó, ông từng là người thành lập và điều hành Bộ phận Dịch vụ Chứng khoán của Ngân hàng HSBC Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÊ ANH MINH
Phó chủ tịch HĐQT
Thành viên HĐQT không điều hành

Ông Lê Anh Minh là thành viên HĐQT Công ty HSC trong suốt 13 năm qua, và được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT trong hai nhiệm kỳ liên tục, nhiệm kỳ IV (2011 – 2020) và nhiệm kỳ V (2021 – 2025). Ông hiện là Cố vấn cấp cao của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của trường Wharton, bang Pennsylvania, Mỹ.



Ông LÊ HOÀNG ANH
Thành viên HĐQT không điều hành

Ông Lê Hoàng Anh được bầu là thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2016. Hiện nay, ông là Trưởng Đại diện Văn phòng Đại diện Dragon Capital Management (HK) Limited tại TP. Hồ Chí Minh. Trước đó, ông đã có thời gian làm việc tại Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh và NLN Trading Company, Hungary với vai trò Chuyên viên kinh tế và phân tích tài chính. Ông có bằng Tiến sĩ kinh tế.



Bà NGUYỄN THỊ HOÀNG LAN
Thành viên HĐQT độc lập

Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan được bầu thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 4/2021. Bà từng là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) trong suốt 12 năm. Trước khi gia nhập HNX, bà đảm nhận nhiều vị trí khác nhau tại Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Bà nhận bằng Thạc sĩ Quan hệ Kinh tế Quốc tế tại Viện Kinh tế Plekhannov, Liên bang Nga vào năm 1995.

BAN KIỂM SOÁT



Ông PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc được bầu là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty HSC từ tháng 04/2021. Trước đó, ông đã có hơn 19 năm là thành viên HĐQT Công ty HSC và đã có những đóng góp thiết thực cho sự phát triển vượt bậc của HSC. Hiện tại, ông đang giữ các chức vụ Tổng Giám đốc Công ty TNHH Tầm nhìn và Liên danh (Vision & Associates); Chủ tịch Hội đồng Luật sư thành viên Công ty Luật TNHH Tầm nhìn và Liên danh; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cộng Hưởng. Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh và Cử nhân Luật.



Bà ĐẶNG NGUYỆT MINH
Thành viên Ban Kiểm soát

Được bổ nhiệm từ tháng 04/2011, bà Đặng Nguyệt Minh hiện đã có gần 10 năm là thành viên của Ban Kiểm soát HSC. Hiện tại, bà đang giữ chức vụ Chuyên viên phân tích cấp cao của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam (DCVFM). Trước đó, bà là Chuyên viên phân tích đầu tư của Văn phòng Đại diện Dragon Capital Management (HK) Limited và Dragon Capital Group (DCG) tại TP. Hồ Chí Minh. Bà có bằng Cử nhân khoa Kinh tế, Quản trị kinh doanh tại Trường Coe College, Mỹ.



Bà NGUYỄN THỊ THU THANH
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Thanh được bầu Thành viên Ban Kiểm soát Công ty HSC từ tháng 04/2021. Hiện tại, bà đang công tác tại Công ty Đầu tư Tài chính Nhà TP. Hồ Chí Minh (HFIC). Bà là chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán của HFIC từ năm 2016 đến nay. Bà có bằng Thạc sĩ Kinh tế phát triển của Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh theo Chương trình Việt Nam – Hà Lan và bằng Cử nhân Tài chính của Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.



Ông TRẦN QUỐC TÚ
Thành viên HĐQT không điều hành

Ông Trần Quốc Tú được bầu là thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2021. Ông là người đại diện vốn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC) tại HSC. Hiện nay ông đang là Trưởng Phòng Pháp chế của HFIC. Ông đã có trên 12 năm làm việc tại Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh với chức vụ Phó Trưởng phòng Kiểm tra văn bản và Phó Trưởng phòng văn bản pháp quy. Ông có bằng Cử nhân Luật Hành chính tại Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.



Ông NGUYỄN HỒNG VĂN
Thành viên HĐQT không điều hành

Ông Nguyễn Hồng Văn được bầu là thành viên HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2021. Ông là người đại diện vốn của Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HFIC). Ông tốt nghiệp hạng xuất sắc và nhận bằng Thạc sĩ Quản lý Xây dựng tại Đại học Reading, Anh theo Chương trình học bổng 300 của Thành ủy Ủy Ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.



Ông ANDREW COLIN VALLIS
Thành viên HĐQT độc lập

Ông Andrew Colin Vallis tham gia HĐQT Công ty HSC từ tháng 04/2021 với tư cách là thành viên độc lập. Ông có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại thị trường Châu Á và Châu Âu. Hiện tại, ông đang là thành viên HĐQT không điều hành Công ty Beta Media JSC và Công ty Beta Holdings JSC. Ông tốt nghiệp loại Danh dự chuyên ngành Luật tại Đại học Nottingham, Anh quốc đồng thời được chứng nhận là thành viên của Hiệp Hội Kế toán với PwC, London.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông TRỊNH HOÀI GIANG
Tổng Giám Đốc

Ông Trịnh Hoài Giang được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty HSC từ ngày 09/01/2020. Ông đã có 13 năm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, phụ trách Đầu tư và Vận hành của HSC. Trước HSC, ông là Giám đốc Nghiệp vụ tại Dragon Capital Group (DCG) từ năm 2005, và đã từng công tác tại phòng Quản lý Nguồn vốn của Ngân hàng Vietcombank. Ông có nhiều đóng góp cho sự phát triển của thị trường vốn Việt Nam với vai trò Phó Chủ tịch Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam từ năm 2010. Ông là học giả Fulbright và tốt nghiệp chương trình Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại Hoa Kỳ năm 2005.



Ông NGUYỄN CẢNH THỊNH
Giám đốc Điều Hành
Khối Khách hàng cá nhân

Ông Nguyễn Cảnh Thịnh được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Khối Khách hàng cá nhân từ tháng 3 năm 2019. Ông gắn bó với HSC ngay từ những năm đầu công ty thành lập và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng của Khối Khách hàng cá nhân. Với bề dày kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng, ông Thịnh đã thành công xây dựng đội ngũ kinh doanh chất lượng, đưa Khối Khách hàng cá nhân phát triển, đóng góp tích cực vào sự tăng trưởng doanh thu và xây dựng vị thế hàng đầu của HSC trong lĩnh vực hoạt động.



Ông PHẠM NGỌC BÍCH
Giám đốc Điều Hành
Khối Tài chính doanh nghiệp

Ông Phạm Ngọc Bích được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành Khối Tài chính Doanh nghiệp tại HSC từ 2016. Ông có 25 năm kinh nghiệm tại thị trường tài chính quốc tế. Trước khi gia nhập HSC, ông đảm nhiệm nhiều chức vụ cao cấp như: Phó Giám đốc - Giao dịch thị trường phái sinh tại Ngân hàng Credit Lyonnais Canada; Giám đốc Đầu tư Công ty Quản lý quỹ CIBC Global Asset Management tại Canada và Hồng Kông; CEO tại Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Việt Nam và Giám đốc Điều hành Khối Khách hàng tổ chức tại Công ty chứng khoán SSI.



Ông LÊ NGUYỄN BÌNH
Giám đốc Điều hành
Khối vận hành

Ông Lê Nguyễn Bình gia nhập HSC với vai trò Giám đốc Điều hành – Phụ trách Vận hành từ năm 2020. Trước khi gia nhập HSC, Ông Bình là Trưởng Bộ phận Quản trị quỹ của Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Việt Nam trong suốt 15 năm. Trước đó, Ông Bình là Chuyên Viên Tài Chính Cao Cấp của Tập đoàn Hóa chất Mitsui của Nhật Bản tại Việt Nam. Ông Bình cũng là thành viên của Tiểu ban Phát triển Thị trường của Hiệp hội Trái phiếu Việt Nam (VBMA) và Ban Soạn thảo Các chuẩn mực Báo cáo Kế toán cho Thị trường vốn do Bộ Tài chính chủ trì.



Ông TỐNG CÔNG CƯỜNG
Giám đốc Điều hành
Khối Quản trị Rủi ro & Tuân thủ

Ông Tống Công Cường gia nhập HSC với vị trí Giám đốc Điều hành Khối Quản trị Rủi ro & Tuân thủ từ 08/2021. Ông Cường có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực luật pháp, kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro thông qua nhiều chức vụ quan trọng như: Giám đốc Quản trị Rủi ro, Kiểm soát Nội bộ và Pháp chế tại Công ty Quản lý Quỹ Eastspring Việt Nam, Trưởng phòng Quản lý Tuân thủ của Ngân hàng HSBC Việt Nam. Ông tốt nghiệp Thạc sỹ Luật so sánh tại Trường Luật, Đại học Nagoya, Nhật Bản và hiện đang là luật sư của Đoàn Luật sư Tp. Hồ Chí Minh.



Ông STEPHEN JAMES MCKEEVER
Giám đốc Điều hành
Khối Khách hàng Tổ chức

Ông Stephen James McKeever gia nhập HSC từ năm 2018 và đảm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành Khối Khách hàng Tổ chức. Trước khi gia nhập HSC, ông McKeever là Giám đốc toàn cầu Khối kinh doanh (ngoại trừ Nhật Bản) của Công ty chứng khoán Mizuho Securities Asia và Giám đốc kinh doanh Khối Chứng khoán của Ngân hàng Standard Chartered Hong Kong. Bên cạnh đó, ông từng đảm nhiệm các vị trí quản lý trong lĩnh vực nghiên cứu và kinh doanh cổ phiếu tại Goldman Sachs và Lehman Brothers. Ông có bằng Cử nhân kinh tế xuất sắc tại trường London School of Economics.



Ông TRẦN TẤN ĐẠT
Giám đốc Điều Hành Phụ trách
Giao dịch Khối Khách hàng Tổ chức

Ông Trần Tấn Đạt được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Điều hành phụ trách Trading Khối Khách hàng tổ chức từ 2018. Ông đã có 15 năm gắn bó với HSC kể từ khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Quốc tế tại trường Đại học Hogeschool Zeeland. Cùng với các đồng sự, ông đã đưa Khối Khách hàng tổ chức HSC trở thành một trong những nhà môi giới lớn nhất cho các tổ chức đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và tiếp tục giữ vững vị thế cho đến hiện tại.



Ông CHRISTOPHER HUNT
Giám đốc Điều Hành
Khối Nghiên cứu

Ông Christopher Hunt gia nhập HSC với vai trò Giám đốc Điều hành – Khối Nghiên cứu từ 2019. Trước khi gia nhập HSC, Ông Christ Hunt có hơn 30 năm kinh nghiệm ở lĩnh vực nghiên cứu, tư vấn tài chính và phát triển sản phẩm. Ông từng đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Điều hành bộ phận Nghiên cứu tại các công ty chứng khoán và định chế tài chính hàng đầu như HSBC Securities, SG Warburg, PXP Management, CIMB, Standard Chartered.



Ông LÊ ANH QUÂN
Giám đốc Điều Hành
Phát triển Quan hệ Hợp tác

Ông Lê Anh Quân gia nhập HSC từ năm 2018. Ông có hơn 26 năm kinh nghiệm ở nhiều vị trí quản lý khác nhau như Giám đốc Khối Truyền thông và Marketing Ngân hàng Techcombank, Phó Tổng Giám đốc Marketing Kinh Do Group, Giám đốc Kinh doanh tại Công ty Media DID TV, Giám đốc Ngành hàng của Unilever Việt Nam, và Giám đốc Online Marketing Công ty Walt Disney tại Los Angeles, California. Ông Quân có bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Anderson School of Management thuộc Đại học Bang California tại Los Angeles (UCLA).



Ông LÂM HỮU HỒ
Giám đốc Tài chính

Ông Lâm Hữu Hồ đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính tại HSC từ 2007. Trước khi gia nhập HSC, ông có hơn 5 năm kinh nghiệm tại Công ty Kiểm toán KPMG Việt Nam và từng giữ vị trí Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ - Công ty Dầu thực vật Cái Lân giai đoạn 2003 – 2007.



Bà NGUYỄN LINH LAN
Giám đốc Điều Hành
Quản lý Nguồn nhân lực

Bà Nguyễn Linh Lan gia nhập HSC từ năm 2019 với vị trí Giám đốc Điều hành Quản lý Nhân sự. Trước HSC, bà có bề dày 25 năm kinh nghiệm và là chuyên gia trong các lĩnh vực như phát triển nhân tài, Tổ chức – Vận hành và tạo lập chiến lược tại các doanh nghiệp trong nước và quốc tế như AIA, M&P International, Vận tải Sài Gòn, Vận tải Katran và Mayer Brown – Công ty tư vấn pháp luật của Mỹ.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

LOẠI HÌNH SỞ HỮU

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I. Người nội bộ	534.960	247.560.738	248.095.698	54,16%
II. Cổ phiếu quỹ	-	840.418	840.418	0,18%
III. Cổ đông khác	2.276.199	206.840.052	209.116.251	45,65%
1. Trong nước	2.132.835	143.006.122	145.138.957	31,69%
1.1 Cá nhân	2.132.835	135.046.091	137.178.926	29,95%
1.2 Tổ chức	-	7.960.031	7.960.031	1,74%
Trong đó Nhà nước:	-	105.772.520	105.772.520	23,09%
2. Nước ngoài	143.364	63.833.930	63.977.294	13,97%
2.1 Cá nhân	143.364	1.610.909	1.754.273	0,38%
2.2 Tổ chức	-	62.223.021	62.223.021	13,58%
TỔNG CỘNG	2.811.159	455.241.208	458.052.367	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
A. Cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)						
1	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.Hồ Chí Minh (HFIC)	300535140	4/13/2010	33- 39 Pastuer, Quận 1, TP.HCM	105.772.520	23,09%
1.1	Nguyễn Hồng Văn	022992084	4/19/2011	20A Nguyễn Thị Diệu, phường 6, quận 3, TP.HCM	74.040.764	16,16%
1.2	Trần Quốc Tú	025878993	1/16/2014	1/26 đường 5A, Khu phố 21,Phường Bình Hưng Hòa A, Quận Bình Tân, TP.HCM	31.731.756	6,93%
Tổng cộng A:					105.772.520	23,09%
B. Cổ đông lớn đồng thời là cổ đông chiến lược (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)						
2	Dragon Capital Mar- kets Limited (DC)	C00001	7/27/2000	P.1501, Tầng 15, Mê Linh, Số 02 Ngõ Đức Kế, Q.1, TP.HCM	137.475.834	30,01%
2.1	Lê Anh Minh	079069012218	8/12/2019	349/169 Lê Đại Hành, Quận 11, TP. HCM	68.737.918	15,01%
2.2	Lê Hoàng Anh	001068013747	4/26/2018	318/A4 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	68.737.916	15,01%
Tổng cộng B:					137.475.834	30,01%
Tổng cộng (A+B):					243.248.354	53,10%

TỶ LỆ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	105.772.520	23,09%	1	1	-
2	Cổ đông lớn	137.475.834	30,01%	1	1	-
- Trong nước		-	-	-	-	-
- Nước ngoài		137.475.834	30,01%	1	1	-
3	Cổ phiếu quỹ	840.418	0,18%	-	-	-
4	Cổ đông khác	213.963.595	46,71%	29.833	165	29.668
- Trong nước		149.986.301	32,74%	29.407	96	29.311
- Nước ngoài		63.977.294	13,97%	426	69	357
TỔNG CỘNG		458.052.367	100,00%	29.835	167	29.668
Trong đó:						
- Trong nước		256.599.239	56,02%	29.408	97	29.311
- Nước ngoài		201.453.128	43,98%	427	357	70

CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	-	-	-	-	-
- Trong nước		-	-	-	-	-
- Nước ngoài		-	-	-	-	-
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	243.248.354	53,10%	2	2	-
- Trong nước		105.772.520	23,09%	1	1	-
- Nước ngoài		137.475.834	30,01%	1	1	-
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% vốn CP	66.127.196	14,44%	69	69	-
- Trong nước		5.861.351	1,28%	18	18	-
- Nước ngoài		60.265.845	13,16%	51	51	
TỔNG CỘNG		309.375.550	67,54%	71	71	

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng		Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ đại diện (%)
			ESOP 2018	Phân phối lại 2021				
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ								
1	Johan Nyvene	Chủ tịch	91.440	-	1.479.090	1.570.530	0,34%	-
2	Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch	-	-	68.891.806	68.891.806	0,03%	15,03%
	Số CP sở hữu riêng		-	-	153.888	153.888	0,03%	
	Số CP đại diện Dragon Capital Markets Limited (DC)			68.737.918	68.737.918		15,03%	
3	Lê Hoàng Anh	Thành viên	-	-	68.737.916	68.737.916	-	15,03%
	Số CP sở hữu riêng		-	-	-	-	0,00%	
	Số CP đại diện Dragon Capital Markets Limited (DC)	-	-	68.737.916	68.737.916		15,03%	
4	Nguyễn Hồng Văn	TV HĐQT	-	-	74.040.764	74.040.764	0,00%	16,19%
	Số CP sở hữu riêng							
	Số CP đại diện Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC) (Cổ đông nhà nước)			74.040.764	74.040.764		16,19%	
5	Trần Quốc Tú	Thành viên	-	-	31.731.756	31.731.756	-	6,94%
	Số CP sở hữu riêng							
	Số CP đại diện Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC) (Cổ đông nhà nước)			31.731.756	31.731.756		6,94%	
6	Andrew Colin Vallis	Thành viên						
7	Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên						
	CỘNG		91.440	-	244.881.332	244.972.772	0,38%	53,20%
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC								
1	Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc	91.440	128.500	1.323.586	1.543.526	0,34%	-
	CỘNG		91.440	128.500	1.323.586	1.543.526	0,34%	-
BAN KIỂM SOÁT								
1	Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Trưởng ban			375.000	375.000	0,08%	-
2	Đặng Nguyệt Minh	Thành viên						
3	Nguyễn Thị Thu Thanh	Thành viên						
	CỘNG				375.000	375.000	0	-
1	Lâm Hữu Hồ	Kế toán trưởng	46.440	51.500	669.743	767.683	0,17%	-
2	Lê Anh Quân	Giám đốc Điều hành Phát triển Quan hệ hợp tác	59.040	51.500	227.160	337.700	0,07%	
3	Thân Thị Thu Dung	Người phụ trách quản trị công ty	6.600	8.500	83.917	99.017	0,02%	
TỔNG CỘNG			294.960	240.000	247.560.738	248.095.698	1,06%	53,20%

CỔ PHẦN

TỔNG SỐ CỔ PHẦN:	458.052.367	CỔ PHẦN
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng	Cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ:	840.418	Cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	457.211.949	Cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	2.811.159	Cổ phần
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	454.400.790	Cổ phần



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2021



THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

- Năm 2021 thị trường chứng khoán Việt Nam đã tăng trưởng rất ấn tượng:

 - Chỉ số VNIndex tăng 35,7% và là một trong các chỉ số tăng trưởng tốt nhất Châu Á.
 - Giá trị giao dịch bình quân ngày đạt hơn 26,6 nghìn tỷ đồng, gấp 3,6 lần so với cùng kỳ. Thanh khoản tăng chủ yếu được thúc đẩy bởi giao dịch các nhà đầu tư cá nhân trong nước.
 - Nhu cầu vay ký quỹ cũng tăng mạnh theo thanh khoản của thị trường, dư nợ ký quỹ toàn thị trường cuối năm đạt gần 200.000 tỷ đồng, tăng hơn 2 lần so với thời điểm cuối năm 2020.
 - Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài chỉ còn chiếm 6,7% tổng giao dịch toàn thị trường (2020: 11,3%).
- Các nguyên nhân chính dẫn đến sự tăng trưởng mạnh mẽ của thanh khoản thị trường chứng khoán bao gồm:

 - Lãi suất huy động duy trì ở mức thấp và một lượng tiền mới từ khu vực sản xuất kinh doanh do khu vực này bị đình trệ từ ảnh hưởng của dịch bệnh;
 - Các nhà đầu tư cá nhân đã có thể tiếp cận kênh đầu tư chứng khoán một cách dễ dàng và nhanh chóng khi nhiều công ty chứng khoán triển khai hình thức mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Giá trị giao dịch thị trường cổ phiếu (tỷ VNĐ)	Năm 2021	Năm 2020	% Thay đổi
Giá trị giao dịch toàn thị trường	6.663.509	1.872.337	256%
Giá trị giao dịch bình quân ngày	26.654	7.430	259%
Giá trị giao dịch của nhà đầu tư trong nước	5.774.697	1.448.674	299%
% toàn thị trường	93,3%	88,7%	-
Giá trị giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài	888.812	423.663	110%
% toàn thị trường	6,7%	11,3%	-

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA HSC

- Năm 2021, HSC đạt kết quả tốt nhất kể từ ngày thành lập với lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 1.430 tỷ đồng, tăng 117% so với cùng kỳ và hoàn thành 119% kế hoạch năm.
- Doanh thu cả năm 2021 đạt 3.368 tỷ đồng, tăng 112% so với năm 2020 và là mức cao nhất từ trước đến nay.
 - Chi phí hoạt động tăng 108% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng 112% của doanh thu do chi phí cố định được kiểm soát tốt và chỉ tăng 26% so với cùng kỳ. Tỷ lệ chi phí trên doanh thu đạt mức 58%, tương đương năm 2020.
 - Thu nhập trên cổ phần (EPS) đạt 3.685 đồng, tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ.
 - Lợi nhuận trên vốn (ROE) đạt 23,8%, tăng mạnh so với mức 12,1% trong năm 2020.



Kết quả kinh doanh (tỷ VNĐ)	Năm 2021	Năm 2020	% Thay đổi	% Kế hoạch 2021
Doanh thu (*)	3.368	1.592	112%	126%
Chi phí hoạt động (*)	1.938	932	108%	132%
Lợi nhuận trước thuế	1.430	660	117%	119%
Lợi nhuận sau thuế	1.147	530	116%	119%
Thu nhập/Vốn cổ phần trung bình (ROAE)	23,8%	12,1%	-	139%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (CP)	457.211.949	305.041.845	50%	100%
Thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS) (VNĐ)	3.685	1.738	116%	180%
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (VNĐ)	16.022	14.557	10%	106%

(*) Lãi và lỗ từ hoạt động tự doanh được bù trừ với nhau để số liệu mang tính so sánh

Chi tiết kết quả hoạt động của từng mảng kinh doanh như sau:

DỊCH VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Doanh thu phí môi giới (tỷ VNĐ)	Năm 2021	Năm 2020	% Thay đổi	% Kế hoạch 2021
Tổng doanh thu phí môi giới	1.390	621	124%	134%
Doanh thu phí môi giới khách hàng cá nhân	969	379	156%	138%
Doanh thu phí môi giới khách hàng tổ chức	421	243	74%	126%

- Dịch vụ môi giới chứng khoán vẫn là mảng kinh doanh cốt lõi của HSC. Doanh thu phí môi giới đạt 1.390 tỷ đồng, chiếm 41% tổng doanh thu năm 2021 (2020: 39%), và tăng 124% so với cùng kỳ. Kết quả ấn tượng này chủ yếu là do phí môi giới cổ phiếu trên thị trường cơ sở tăng mạnh. Cụ thể:
- Môi giới khách hàng cá nhân tăng mạnh, đạt 969 tỷ đồng doanh thu phí, tăng 156% so với năm 2020. HSC vẫn duy trì vị thế của mình ở phân khúc khách hàng lớn nhờ vào các lợi thế như đội ngũ chuyên viên môi giới chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ cao và khả năng cho vay ký quỹ lớn.
 - Môi giới khách hàng tổ chức của HSC đạt 421 tỷ đồng doanh thu phí, tăng 74% so với năm 2020. Thị phần môi giới trong tổng giao dịch của các nhà đầu tư nước ngoài duy trì ở mức 24%.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA HSC

DOANH THU LÃI CHO VAY KÝ QUỸ ĐẠT GẦN 1.180 TỶ ĐỒNG, LÀ MỨC LÃI KỶ LỤC TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY CỦA HSC

CHO VAY KÝ QUỸ

Số dư cho vay ký quỹ của HSC tăng mạnh 59% so với cùng kỳ và đạt gần 13.700 tỷ đồng, chiếm khoảng 7% dư nợ cho vay toàn thị trường. Doanh thu lãi cho vay ký quỹ đạt gần 1.180 tỷ đồng, là mức lãi kỷ lục từ trước đến nay của HSC và chiếm 35% tổng doanh thu năm 2021.

HSC vẫn duy trì quan điểm thận trọng trong hoạt động cho vay ký quỹ và thường xuyên đánh giá rủi ro các mã chứng khoán trong danh mục cho vay. Danh mục cho vay của HSC hiện nay chỉ bao gồm 60 mã cổ phiếu lớn nhất thị trường, có thanh khoản cao và của các công ty có nền tảng cơ bản tốt.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Năm 2021 tiếp tục là một năm đầy thách thức đối với hoạt động Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp khi đại dịch Covid-19 làm gián đoạn tiến độ của hầu hết các thương vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp. Tuy vậy, doanh thu từ hoạt động tư vấn trong năm 2021 vẫn đạt mức khả quan là 46.5 tỷ đồng, tăng 23,6% so với cùng kỳ. Một điểm đáng ghi nhận là Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp đã ký kết thành công nhiều thương vụ mới, hứa hẹn tạo ra tăng trưởng doanh thu phí tư vấn trong năm 2022.

TỰ DOANH VÀ KINH DOANH NGUỒN VỐN

Hoạt động tự doanh của HSC phần lớn được phân bổ vào hoạt động tạo lập thị trường cho các quỹ chỉ số ETF và tạo lập thị trường cho chứng quyền có đảm bảo. Đây là hai mảng kinh doanh có mức độ rủi ro thấp nhưng có tiềm năng tạo ra mức sinh lời hấp dẫn. Tỷ suất sinh lời của cả danh mục tự doanh của HSC năm 2021 đạt 30%, tốt hơn mức 25% trong năm 2020.

Hoạt động tạo lập thị trường cho các quỹ chỉ số ETF và chứng quyền có đảm bảo

Hoạt động tạo lập thị trường cho các quỹ chỉ số ETF ghi nhận kết quả tốt trong năm 2021 và tạo ra 153 tỷ đồng lợi nhuận. Tại thời điểm cuối năm 2021, tổng giá trị tài sản (AUM) được quản lý bởi 2 quỹ mà HSC tham gia làm thành viên tạo lập là E1VFN30 và Diamond đạt khoảng 24.400 tỷ đồng.

Hoạt động phát hành chứng quyền có đảm bảo tăng trưởng ấn tượng trong năm 2021 với 162 tỷ đồng lợi nhuận, tăng hơn 5 lần so với 2020. Trong năm 2021, HSC đứng thứ 2 về thị phần giao dịch chứng quyền ở mức 23%.

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Trong năm 2021, hoạt động quản lý và kinh doanh nguồn vốn đã làm tốt vai trò huy động và điều tiết vốn để tối ưu hóa cơ cấu nguồn vốn và chi phí vốn. Cụ thể, hoạt động nguồn vốn đã huy động thành công gần 150 triệu USD khoản vay tín chấp từ các định chế tài chính nước ngoài, nâng tổng khoản vay tín chấp nước ngoài của HSC lên gần 200 triệu USD và đang tiếp tục làm việc với các đối tác về các khoản vay mới trong năm 2022.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- Tổng tài sản tại thời điểm cuối 2021 đạt 24.370 tỷ đồng, tăng gần 100% so với cuối năm 2020. Các tài sản chính trong cơ cấu tài sản là cho vay ký quỹ và tiền gửi đảm bảo thanh toán.
- Năm 2021 khi Công ty đẩy mạnh vay ngắn hạn, cả từ ngân hàng trong nước và quốc tế. Với vốn mới tăng từ phát hành thêm, hệ số đòn bẩy cuối năm đạt 2,3 lần, so với mức 1,8 lần vào cuối năm 2020.
- Việc tăng vốn chủ sở hữu trong năm 2021 được hoàn thành vào thời điểm cuối năm nên nguồn vốn chủ sở hữu mới sẽ bắt đầu được giải ngân và đóng góp vào kết quả kinh doanh trong năm 2022.



Bảng cân đối kế toán (tỷ VNĐ)	31/12/2021	31/12/2020	% Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	24.187	12.308	97%
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.199	207	3380%
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	2.372	3.061	-23%
Các khoản cho vay	13.690	8.586	59%
Các khoản phải thu khác	854	264	223%
Tài sản ngắn hạn khác	72	190	-62%
Tài sản dài hạn	182	181	1%
Tổng tài sản	24.369	12.489	95%
Nợ phải trả	17.044	8.048	112%
Tiền vay ngắn hạn	15.040	6.717	124%
Nợ phải trả khác	2.004	1.332	-75%
Vốn chủ sở hữu	7.325	4.440	65%
Tổng nguồn vốn	24.369	12.489	95%

VẬN HÀNH

VẬN HÀNH

Triết lý “Lợi ích của khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu” là trọng tâm trong chiến lược chuyển đổi mô hình vận hành của HSC

Năm 2021 khi đại dịch Covid-19 bùng phát trên diện rộng và ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty, phòng CNTT đã tiếp tục được đầu tư thêm về công nghệ để triển khai văn phòng làm việc từ xa và hỗ trợ mô hình làm việc tại nhà 100% cho tất cả nhân viên. Bên cạnh đó, phòng CNTT cũng tăng cường chuyển ứng dụng lên đám mây để tăng tốc độ và khả năng xử lý và đồng thời mở rộng thu thập dữ liệu nhằm hỗ trợ công việc báo cáo hoạt động cho toàn bộ các phòng ban kinh doanh và giúp ban điều hành nắm được tình hình và kết quả kinh doanh tại mọi thời điểm để có thể đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp. Ngoài ra phòng CNTT cũng đã tăng cường thêm đội ngũ phát triển ứng dụng để tăng tính chủ động trong việc phát triển các ứng dụng phù hợp với yêu cầu chuyên biệt hóa của khách hàng và nghiệp vụ phát sinh. Những nỗ lực này một lần nữa chứng minh cho triết lý lấy khách hàng làm trọng tâm của HSC.

Như chúng tôi đã nhiều lần khẳng định, thành quả hoạt động của HSC trong những năm qua được thúc đẩy bởi ba yếu tố chủ chốt bao gồm: tái cấu trúc mô hình vận hành, chuyển đổi số hóa công nghệ và đa dạng hóa sản phẩm theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm. Trong năm 2021, HSC tiếp tục phát huy chiến lược này. Bên cạnh đó, HSC đang hướng đến mô hình vận hành theo phương thức: Thiết kế – Thi công – Vận hành. Chúng tôi tin rằng mô hình này sẽ thể hiện rõ hơn các giá trị cốt lõi của HSC và gia tăng tính linh hoạt cho hoạt động của HSC. Do đó, mô hình vận hành này dự kiến sẽ được áp dụng cho tất cả các sản phẩm và dịch vụ của công ty. Cụ thể, chúng tôi đề ra các mục tiêu và kế hoạch hành động như sau:

01

Xây dựng và củng cố nguồn nhân lực nội tại để HSC hoàn toàn có khả năng chủ động hiện thực hóa các chiến lược và mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn. Đây là yếu tố quan trọng để HSC tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu trong ngành

02

Cung cấp kịp thời các sản phẩm và dịch vụ đầu tư có chất lượng cao và hiệu quả đầu tư tốt nhất đến với khách hàng

03

Thiết kế lại và chuẩn hóa các quy trình theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm để cung cấp cho khách hàng các trải nghiệm liền mạch

04

Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào chiến lược chuyển đổi số

05

Tăng cường công tác quản trị nhằm bảo vệ tốt nhất lợi ích của khách hàng

VẬN HÀNH

Quản trị an ninh thông tin, đảm bảo giao dịch thông suốt và an toàn

Với mục tiêu đảm bảo an toàn thông tin ở mức độ cao nhất, HSC tiếp tục tăng cường đầu tư vào quản trị an toàn thông tin trên toàn bộ hệ thống. Hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 27001:2013 tiếp tục được áp dụng xuyên suốt. Trung tâm vận hành bảo mật từng bước được kiện

Duy trì vị thế dẫn đầu về công nghệ trong ngành chứng khoán

Phòng công nghệ thông tin (CNTT), thành viên của Khối Vận hành, luôn chủ động phối hợp với phòng ban nghiệp vụ để tăng tốc triển khai việc chuyển đổi số trên toàn bộ các ứng dụng giao dịch của công ty nhằm đảm bảo cho mục tiêu hỗ trợ khách hàng thực hiện dịch vụ nhanh chóng, an toàn và tiện lợi khi đến với HSC. Các ứng dụng dành cho khách hàng phiên bản web và điện thoại (myhsc) đã được cải tiến toàn diện để giúp khách hàng sử dụng tiện lợi và phù hợp với các mục tiêu đầu tư và khẩu vị rủi ro của từng cá nhân. Với những cải tiến này, khách hàng có thể kiểm tra được tình trạng tài khoản và ra quyết định đầu tư một cách nhanh chóng và thuận tiện. Các công cụ hỗ trợ khách hàng trong và ngoài nước giao dịch thông qua chuẩn FIX do HSC xây dựng (Private fix connections) sẽ tiếp tục được triển khai trong năm 2022.

Tiếp nối thành công của năm 2021, HSC tiếp tục mở rộng khả năng cung cấp dịch vụ số để bước vào năm 2022 với vị thế cao hơn, mạnh mẽ hơn và phục vụ khách hàng tốt hơn. Nền tảng phục vụ khách hàng bán lẻ sẽ là sự kết hợp hoàn hảo của nền tảng giao dịch và dịch vụ trên hệ thống myhsc. Các hệ thống xử lý dịch vụ khách hàng sẽ dựa trên kiến trúc và hệ thống kỹ thuật mới do chính HSC xây dựng và phát triển. Nền tảng này sẽ được sớm đưa vào sử dụng trong quý 2 2022. Các tính năng giao dịch nâng cao dành cho khách hàng chuyên nghiệp sẽ được phát triển và hoàn thiện vào những tháng cuối năm 2022 nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng HSC.

Năm 2022 sẽ là năm quan trọng và có tính bản lề cho các kế hoạch kinh doanh dài hạn đã được đề ra. Một trong những kế hoạch quan trọng là HSC sẽ tiến tới tự chủ và có thể phát triển một cách có hệ thống về mặt số hóa công nghệ thông tin và hệ thống vận hành. Bên cạnh đó, HSC sẽ tiếp tục củng cố đội ngũ nhân sự, cải thiện và nâng cao chất lượng quản trị, quy trình nhằm mang đến những dịch vụ và sản phẩm có chất lượng cao nhất, đa dạng và sinh lợi tốt nhất cho khách hàng của chúng tôi.

toàn để tất cả những sự kiện có thể ảnh hưởng đến an toàn thông tin trên hệ thống được giám sát, phân tích, cảnh báo và xử lý kịp thời. Các rủi ro hoạt động gây mất an toàn thông tin, các xu hướng đe dọa, rủi ro an toàn được nhận diện và kiểm soát một cách chủ động.



**QUẢN TRỊ
RỦI RO**

QUẢN TRỊ RỦI RO

KHỐI QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ TUÂN THỦ (GRC)

Vào tháng 8 2021, bổ nhiệm ông Tống Công Cường làm Giám đốc Điều hành khối. Với sự bổ sung quan trọng này, khối GRC đã không chỉ nâng cao hiệu quả

hoạt động quản trị rủi ro mà còn tham gia tích cực hơn vào quá trình ra quyết định ở cấp chiến lược của Công ty.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

HSC đã bước đầu thành lập một số ban chuyên trách cấp cao để tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị công ty theo các chuẩn mực quản trị hiện đại. Với nhân sự là các lãnh đạo cấp cao nhất của Công ty, các ban này có trách nhiệm và đủ năng lực để thảo luận và ra các

quyết định quan trọng về hoạt động kinh doanh và quản lý một cách chính xác và kịp thời. Cụ thể, các ban chuyên trách cấp cao sau đây đã được thành lập trong năm 2021:

Ban Điều hành Rủi ro	Ban Đầu tư	Ban Tín dụng	Ban Tài sản Nợ - Có
Quyết định những vấn đề liên quan đến quản trị rủi ro và giám sát, đánh giá công tác quản trị rủi ro toàn công ty. Ban này hoàn toàn độc lập với Tiểu ban Quản trị Rủi ro trực thuộc Hội đồng Quản trị.	Quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư tự doanh, giao dịch chứng khoán, thực hiện bảo lãnh phát hành chứng khoán và các hoạt động kinh doanh có sử dụng vốn của Công ty.	Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động cho vay ký quỹ và hạn mức tín dụng.	Xem xét, quyết định và phê duyệt những vấn đề liên quan tài sản nợ - có trong bảng cân đối kế toán của Công ty.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

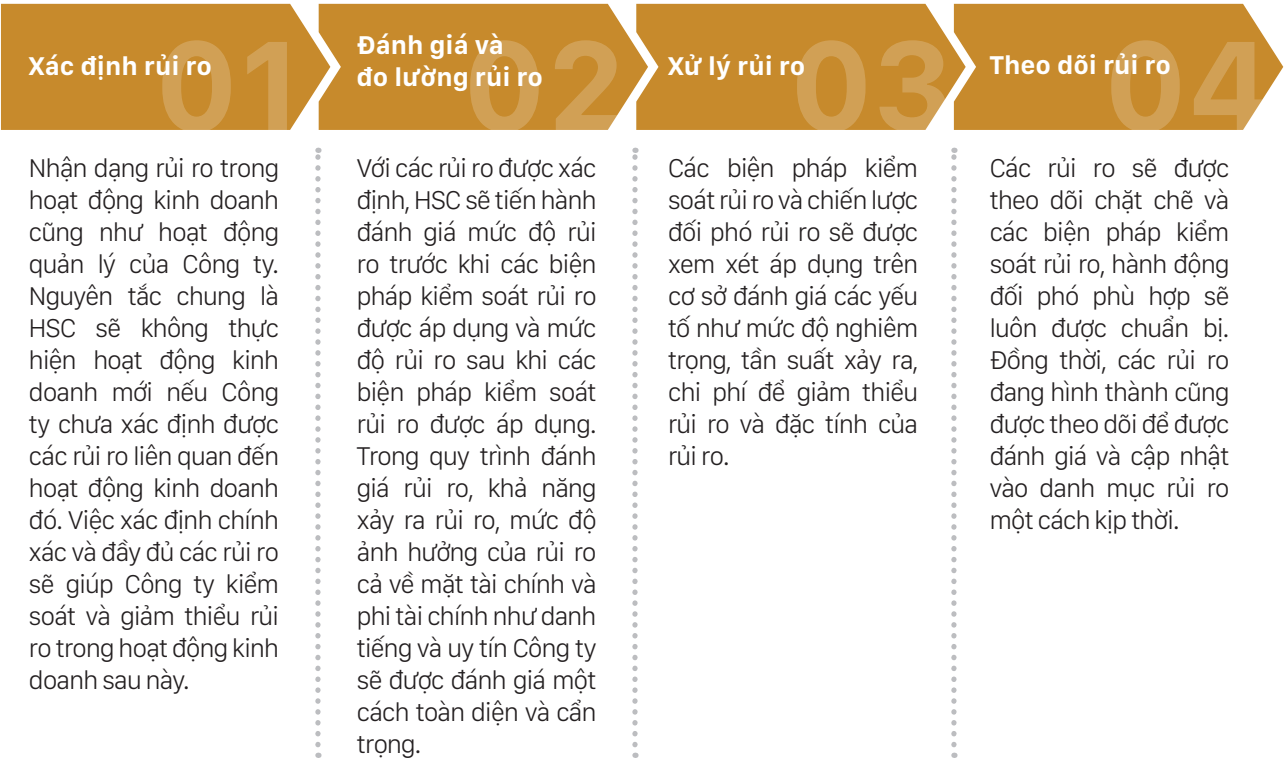
HSC tiếp tục áp dụng nghiêm ngặt mô hình ba tuyến phòng vệ trong quản trị rủi ro. Tuyến phòng vệ thứ nhất là các khối kinh doanh và quản lý, tuyến phòng vệ thứ hai là phòng Quản lý Rủi ro thuộc khối GRC và tuyến phòng vệ thứ ba là phòng Kiểm toán Nội bộ. Theo mô hình này và cách tiếp cận của HSC, quản trị rủi ro không phải là nhiệm vụ của riêng một khối nào mà là trách nhiệm của tất cả nhân viên. Chúng tôi cũng tin rằng việc phân chia trách nhiệm và duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ chặt chẽ và phù hợp sẽ giúp Công ty đạt được các kế hoạch kinh doanh và phát triển một cách bền vững:

- Áp dụng các nguyên tắc quản trị rủi ro một cách có hệ thống trong tất cả các hoạt động kinh doanh và quản lý hàng ngày của Công ty, đặc biệt trong việc ban hành các quyết định quan trọng;
- Đảm bảo quy trình quản trị rủi ro của Công ty được triển khai thông suốt và nhất quán;
- Tuân thủ chính sách và quy trình nội bộ và đáp ứng kịp thời các thay đổi về quy định pháp luật từ các cơ quan quản lý; và
- Hỗ trợ các bộ phận nghiệp vụ phát huy và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro.

HSC đặc biệt chú trọng việc xây dựng, cập nhật và áp dụng chính sách quản trị rủi ro. Trong năm 2021, Công ty đã tiến hành cập nhật Chính sách Quản trị Rủi ro một cách toàn diện để phù hợp với quy mô hoạt động và điều kiện thị trường. Theo đó, chính

sách này quy định nhiều nội dung chính yếu trong công tác quản trị rủi ro của HSC

Quy trình quản trị rủi ro của HSC bao gồm 4 bước sau đây:



HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ TUÂN THỦ

Trọng tâm hoạt động của GRC là đảm bảo hoạt động kiểm soát nội bộ, kiểm soát tuân thủ và giảm thiểu rủi ro được duy trì xuyên suốt trong mọi hoạt động của Công ty. Các nỗ lực không ngừng này đã giúp HSC luôn duy trì tính tuân thủ cao, cả các chính sách, quy trình nội bộ và các quy định pháp luật. Từ đó, giúp Công ty quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Một thành quả đáng ghi nhận là trong năm 2021 HSC không nhận bất kỳ quyết định xử phạt hoặc khiển trách nghiêm trọng nào từ các cơ quan quản lý.

Tương tự như các năm trước, nhiều chương trình kiểm soát nội bộ và tuân thủ tiếp tục được thực hiện và hoàn thành trong năm 2021. Các chương trình này được thực hiện ở nhiều bộ phận và khối

kinh doanh khác nhau nhưng chủ yếu tập trung vào hai khối kinh doanh chính là cho vay ký quỹ và tự doanh. Đây là hai hoạt động tạo ra lợi nhuận và tăng trưởng nhiều nhất cho HSC nhưng đồng thời cũng là các hoạt động chứa đựng nhiều rủi ro và vì vậy phải luôn được giám sát chặt chẽ.

Đối với các hoạt động nghiệp vụ, bộ phận kiểm soát nội bộ và tuân thủ thuộc khối GRC thực hiện cả tiền kiểm và hậu kiểm. Việc kiểm tra được thực hiện theo nguyên tắc đánh giá rủi ro đối với từng nghiệp vụ. Theo đó, nghiệp vụ có mức rủi ro cao hơn sẽ áp dụng tần suất kiểm tra nhiều hơn. Kế hoạch kiểm tra được xây dựng hàng năm và cập nhật khi có yêu cầu hoặc thay đổi.

QUẢN TRỊ RỦI RO

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ TUÂN THỦ

Các nội dung kiểm soát trong năm 2021 bao gồm:

a) Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan:

- Đảm bảo an toàn tài chính
- Tách biệt tài sản của khách hàng
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng
- Pháp luật về phòng, chống rửa tiền
- Công bố thông tin
- Hạn mức đầu tư
- Hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ
- Người hành nghề chứng khoán

b) Tuân thủ chính sách, quy trình, quy chế của Công ty:

- Điều lệ công ty
- Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông,
- Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị
- Chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ
- Chính sách quản trị rủi ro, chính sách tuân thủ
- Hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty
- Quy tắc về đạo đức nghề nghiệp

HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ DOANH NGHIỆP

Có thể nói năm 2021 là năm bản lề của hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về chứng khoán tại Việt Nam. Ngay từ ngày đầu năm 2021, một số văn bản pháp luật trọng yếu có hiệu lực pháp luật và được triển khai áp dụng, đến cuối năm 2021 và đầu năm 2022, một số văn bản pháp luật về chứng khoán mới tiếp tục được ban hành. Với phương châm hoạt động là luôn tuân thủ pháp luật một cách triệt để và chủ động, ngay khi các văn bản pháp luật được ban hành, HSC đã khẩn trương đánh giá tác động, thực hiện rà soát các hoạt động kinh doanh và nhanh chóng triển khai áp dụng quy định mới. Bộ phận Pháp chế của HSC đóng vai trò là đầu mối phối hợp với các khối, bộ phận có liên quan để triển khai các công việc cần thiết bao gồm việc cập nhật, thay đổi các chính sách, quy trình nội bộ, điều chỉnh hệ thống nhằm đảm bảo cho vận hành

HSC được thông suốt, an toàn và tuân thủ pháp luật. Hoạt động này đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố văn hóa quản trị rủi ro, nâng cao nhận thức về rủi ro pháp lý và góp phần vào chiến lược và định hướng phát triển bền vững của Công ty.

Chúng tôi hiểu rằng các quy định pháp luật mới được ban hành trong thời gian qua là nỗ lực của Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước để tiếp tục thúc đẩy thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển theo hướng lành mạnh, công bằng và bền vững phù hợp với xu thế chung của thị trường chứng khoán thế giới. Khối GRC đã, đang và sẽ tiếp tục đóng góp vào hoạt động góp ý kiến dự thảo xây dựng pháp luật qua đó thể hiện vị thế của HSC là một đơn vị đầu ngành và có ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

Với định hướng là xây dựng và áp dụng mô hình quản trị rủi ro, tuân thủ và pháp chế doanh nghiệp theo tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt nhất nhưng phù hợp và tuân thủ pháp luật Việt Nam, khối GRC sẽ tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động và xây dựng các kế hoạch hành động một cách chi tiết và toàn diện. Cụ thể, trong năm 2022, khối GRC sẽ tập trung vào các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Rà soát toàn diện và cập nhật điều lệ của Công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty, nguyên tắc hoạt động của HĐQT và nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát
- Tiếp tục hỗ trợ ban lãnh đạo thể chế hóa việc thành lập, ban hành quy chế, nguyên tắc hoạt động cho các ban chuyên trách thuộc Ban Điều hành
- Phối hợp với các khối xây dựng bộ danh mục rủi ro trọng yếu của Công ty và danh mục rủi ro của từng khối

- Tăng cường kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ khẩu vị rủi ro của HSC mà HĐQT đã xác định, các hạn mức kinh doanh đã được phê duyệt trên cơ sở cơ cấu vốn và quy mô tài sản mới của Công ty
- Hoàn tất và nghiêm túc thực hiện kế hoạch kiểm soát năm 2022 đối với toàn bộ các hoạt động quản lý và kinh doanh chủ yếu của Công ty, trong đó tăng cường kiểm soát những hoạt động có rủi ro cao
- Tiếp tục ban hành mới, rà soát và cập nhật các chính sách, quy trình, quy chế nhằm đảm bảo tuân thủ với các quy định của pháp luật và chuẩn mực thị trường, đồng thời chuẩn hóa thủ tục, quy trình, hình thức tài liệu
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn pháp luật, đánh giá tác động và triển khai áp dụng các văn bản pháp luật mới, đồng thời cũng rà soát, đối chiếu từng nghiệp vụ, hoạt động chủ yếu tại Công ty với yêu cầu, quy định trong các văn bản pháp luật trọng yếu



QUẢN TRỊ RỦI RO

KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Tại HSC, chức năng kiểm toán nội bộ hoạt động ở tuyến phòng thủ thứ ba và Bộ phận Kiểm toán Nội bộ được cơ cấu báo cáo trực tiếp cho Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo về tính độc lập của hoạt động kiểm toán nội bộ. Từ đó, Bộ phận Kiểm toán Nội bộ sẽ cung cấp sự đảm bảo phù hợp một cách khách quan về hiệu quả của các hệ thống quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát cũng như các giải pháp cải tiến.

Với sự thay đổi của hàng loạt quy định pháp luật, bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện công tác rà soát hoạt động tuân thủ của Công ty cả về các quy định luật hiện hành và áp dụng các thông lệ quốc tế về Kiểm toán Nội bộ. Thông qua đó, bộ phận Kiểm toán Nội bộ kiến nghị giải pháp điều chỉnh các quy định nội bộ của công ty nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động vận hành và hỗ trợ công

ty hạn chế các rủi ro pháp lý có thể phát sinh trong bối cảnh thay đổi về các quy định pháp luật. Phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ không chỉ đáp ứng yêu cầu kiểm tra tính tuân thủ mà còn kết hợp phương pháp kiểm toán định hướng theo rủi ro và phương pháp kiểm toán định hướng theo hiệu quả hoạt động. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ của HSC nỗ lực mang lại giá trị cho Công ty, tiếp cận với thông lệ tốt nhất ở giai đoạn mới. Phương pháp kiểm toán định hướng theo hiệu quả hoạt động tập trung rà soát mô hình hoạt động hiện tại của Công ty và đối chiếu với mô hình hoạt động tiên tiến trong ngành -nhằm đem lại giá trị gia tăng cho hoạt động vận hành của Công ty cũng như đảm bảo rằng các mục tiêu, định hướng chiến lược của Công ty đang được triển khai và quan trọng hơn là tìm ra được cơ hội cải tiến.



HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN “KẾT HỢP”

Thông qua hợp nhất các chức năng của hoạt động kiểm toán nội bộ trong việc cung cấp chức năng tư vấn và dịch vụ đảm bảo, bộ phận Kiểm toán Nội bộ luôn nỗ lực tăng cường giá trị và hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh cũng như cải tiến cơ chế quản trị, quản trị rủi ro, kiểm soát và tuân thủ của toàn Công ty. Ngoài ra, các năng lực đặc trưng và kỹ

năng chuyên môn cần thiết cho việc thực hiện kết hợp hai loại hình hoạt động kiểm toán đều đáp ứng được nhờ vào đội ngũ đồng kiểm toán nội bộ. HSC tiếp tục phối hợp chuyên môn các kiểm toán viên Công ty và đơn vị KPMG Việt Nam trong công tác đồng kiểm toán nội bộ. Trong năm 2021, các hoạt động kiểm toán nội bộ sau đây đã được thực hiện:

01	Kiểm toán nội bộ hoạt động phòng, chống rửa tiền
02	Rà soát mô hình hoạt động của Phòng Tài chính kế toán và Phòng Quản lý nguồn vốn (FTOM)
03	Theo dõi tiến độ thực hiện các phát hiện kiểm toán của các báo cáo kiểm toán nội bộ đã phát hành trong năm 2020 và triển khai trong năm 2021

Nhận định mô hình hoạt động tài chính của HSC đang cần có các cập nhật và đánh giá các rủi ro có thể cản trở việc đạt được mục tiêu đề ra cũng như đánh giá tính hiệu quả của quy trình nghiệp vụ hiện hành so với chiến lược kinh doanh, thông lệ tiên tiến trong ngành. Mô hình FTOM đã được tiến hành rà soát lần đầu. Mục tiêu của dự án kiểm toán là nhằm cung cấp cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đánh giá độc lập về quản trị rủi ro và kiểm soát trong mô hình hoạt động tài chính bao gồm: cơ cấu quản trị, kiểm soát chi phí, quản lý dòng tiền và nguồn vốn, lập kế hoạch, ngân sách và dự

báo tài chính, và lập báo cáo quản trị tài chính. Từ đó, Bộ phận Kiểm toán Nội bộ đưa ra các kiến nghị, các giải pháp nâng cao hoạt động của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát của mô hình FTOM đảm bảo thống nhất và kết nối với Mô hình hoạt động tổng thể (TOM) của HSC nhằm đạt được các mục tiêu về tăng trưởng và gia tăng giá trị cho cổ đông.

Hoạt động kiểm toán nội bộ trong năm 2022 sẽ tập trung vào các dự án:

01	Kiểm toán nội bộ Hoạt động phòng, chống rửa tiền
02	Dự án cung cấp dịch vụ tư vấn cho kế hoạch hành động của Ban Điều hành đối với Phòng Tài chính kế toán và Phòng Quản lý nguồn vốn
03	Dự án cung cấp dịch vụ đảm bảo cho các hoạt động vận hành rủi ro cao của HSC



**PHÁT TRIỂN
BỀN VỮNG**

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GIỚI THIỆU CHUNG

Giới thiệu định hướng phát triển bền vững của HSC

Từ những ngày đầu thành lập, HSC luôn định hướng ưu tiên tập trung các hoạt động kinh doanh xoay quanh các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường – yếu tố cần thiết đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong dài hạn.

HSC không ngừng nỗ lực theo đuổi các mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững gắn liền – với tầm nhìn “Trở thành một trong những định chế tài chính được ngưỡng mộ nhất, tin cậy nhất, và được đánh giá cao nhất trên thị trường, đồng thời đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội Việt Nam”. Mô hình phát triển bền vững của HSC được xây dựng dựa trên mục tiêu tạo ra ảnh hưởng tích cực cho ba (03) yếu tố: Kinh tế, xã hội và môi trường.

Năm 2021, HSC tiếp tục thực hiện Báo cáo Phát triển Bền vững tích hợp tham chiếu theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững – Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) – phiên bản mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards, tùy chọn cốt lõi. Đây là phiên bản có chuẩn mực quốc tế cao nhất liên quan đến việc lập Báo cáo phát triển bền vững, được nâng cấp và cấu trúc lại từ phiên bản GRI4 nhằm giúp doanh nghiệp thực hiện báo cáo thuận tiện và hiệu quả hơn. HSC chủ động định hướng và chia sẻ các hoạt động hướng tới sự phát triển bền vững cùng các bên liên quan, nhằm nhận diện các vấn đề cần được quan tâm



Mô hình phát triển bền vững của HSC

HSC xây dựng mô hình phát triển bền vững dựa trên các tác động từ hoạt động của HSC lên ba (03) yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường. Việc đánh giá sẽ

giúp Công ty có thể xác định vai trò, trách nhiệm và các hành động cần thực hiện trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Mô hình phát triển bền vững của HSC

Tác động tích cực KINH TẾ	- Duy trì hoạt động kinh doanh tăng trưởng ổn định và bền vững, từ đó đóng góp các nghĩa vụ tài chính cho ngân sách nhà nước - Nâng cao thu nhập và lợi ích kinh tế cho người lao động - Mang lại lợi ích kinh tế cho cổ đông thông qua chính sách trả cổ tức ổn định	- Thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro chặt chẽ nhằm bảo vệ quyền lợi công ty và khách hàng - Minh bạch trong quản trị công ty và cung cấp thông tin đến các đối tượng liên quan theo các thông lệ quốc tế cao nhất - Tích cực tham gia phát triển thị trường chứng khoán
Tác động tích cực XÃ HỘI	- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động - Tiếp tục đầu tư phát triển con người, hướng tới sự đóng góp tích cực cho công ty, cộng đồng - Luôn lấy ‘Khách hàng làm trọng tâm’ để không ngừng phát triển các sản phẩm đầu tư, hệ thống giao dịch mới, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. - Không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ khách hàng để mang đến cho khách hàng sự	- hài lòng, tin tưởng khi sử dụng các dịch vụ của công ty - Chủ động thực hiện các trách nhiệm cộng đồng thông qua các dự án phát triển giáo dục dài hạn - Tuân thủ nghiêm túc các quy định, văn bản hướng dẫn của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các hoạt động duy trì và xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ.
Tác động tích cực MÔI TRƯỜNG	Xây dựng môi trường làm việc tại công ty xanh, sạch, giảm thiểu các tác động từ tiêu dùng năng lượng và xả thải trong hoạt động hàng ngày.	Hưởng ứng tích cực các sáng kiến bảo vệ môi trường thông qua công tác truyền thông và sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường.

Mô hình quản trị bền vững của HSC

Hội đồng quản trị	Định hướng chiến lược của công ty về phát triển bền vững	Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động
Tổng Giám đốc và Ban điều hành	- Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu và kế hoạch hành động về phát triển bền vững - Truyền thông chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động của phát triển bền vững đến toàn công ty. - Phân công các Khối/ Bộ phận chuyên môn thực hiện kế hoạch hành động theo đúng vai trò và trách nhiệm	- Theo dõi sát sao để đảm bảo kế hoạch được thực hiện và đạt mục tiêu đề ra - Đưa ra các giải pháp kịp thời đối với những khó khăn, rủi ro trong quá trình thực hiện. - Báo cáo HĐQT kết quả thực hiện kế hoạch phát triển bền vững
Các Khối và Bộ phận chức năng	- Triển khai kế hoạch phát triển bền vững theo đúng sự phân công. - Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu về phát triển bền vững của HSC	Tích cực đóng góp các sáng kiến cải thiện kế hoạch phát triển bền vững.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2021 TẠI HSC

Đối tượng & mục tiêu của các hoạt động phát triển bền vững

Trong kế hoạch hành động phát triển bền vững năm 2020, dựa trên 3 yếu tố chủ động ảnh hưởng tích cực là kinh tế, xã hội, và môi trường, HSC xác định rõ các đối tượng liên quan và mục tiêu của các hoạt động phát triển bền vững lên từng đối tượng, cụ thể:

Đối tượng	Mục tiêu	Các hoạt động phát triển bền vững
Khách hàng	Nâng cao trải nghiệm khách hàng	- Nỗ lực xây dựng thương hiệu công ty chứng khoán ‘tin cậy’ nhất trong ngành - Tiếp tục phát triển và giới thiệu các sản phẩm đầu tư, dịch vụ tài chính có chất lượng cao. - Không ngừng nâng cao chất lượng khách hàng thông qua việc tổ chức các hội thảo trực tuyến định kỳ để duy trì, chủ động kết nối với khách hàng trong bối cảnh dịch bệnh
Nhân viên	Tạo động lực và nuôi dưỡng nhân tài	- Đảm bảo mức lương phù hợp và thu nhập ổn định với các quyền lợi nâng cao - Chuyển đổi việc quản lý nhân sự bằng công nghệ số - Xây dựng động lực làm việc và môi trường gắn kết nhân viên - Nuôi dưỡng và phát triển năng lực đội ngũ nhân sự - Thu hút nhân tài phục vụ phát triển kinh doanh
Cổ đông, nhà đầu tư	Tối ưu hóa giá trị cổ đông	- Hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững - Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông - Công bố thông tin minh bạch
Cộng đồng địa phương	Tích cực thực hiện vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội	- Hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động - Hỗ trợ đào tạo và sử dụng nhân lực địa phương - Tích cực thể hiện trách nhiệm doanh nghiệp thông qua các dự án phát triển giáo dục cộng đồng, thiện nguyện - Tích cực tham gia hỗ trợ cộng đồng phòng chống dịch Covid-19
Cơ quan quản lý	Tuân thủ và đóng góp tích cực	- Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng - Hoàn thành tốt các nghĩa vụ thuế với nhà nước

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

**Khách hàng:
Nâng cao trải nghiệm khách hàng**

Năm 2021, HSC tập trung cải thiện chất lượng dịch vụ, qua đó nâng cao trải nghiệm của khách hàng, đồng thời nỗ lực thay đổi và thích ứng kịp thời với bối cảnh dịch bệnh.

Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng

Dịch bệnh Covid-19 xảy ra và kéo dài thay đổi mạnh mẽ hành vi của khách hàng, đặc biệt là sự chuyển dịch sang xu hướng giao dịch, tiêu dùng trực tuyến. Nắm bắt sự thay đổi đó, HSC đã và đang tiến hành mạnh mẽ các sáng kiến chuyển đổi số nhằm thu hút khách hàng tiềm năng và giữ chân khách hàng hiện tại.

Năm 2021, HSC tiếp tục nghiên cứu và nâng cấp hệ thống giao dịch myhsc, cập nhật nhiều tính năng, giao diện thân thiện với người dùng hơn nhằm nâng cao trải nghiệm giao dịch trực tuyến của khách hàng.

Ra mắt nền tảng đào tạo trực tuyến

Năm 2021, làn sóng nhà đầu tư chứng khoán F0 bùng nổ trên thị trường chứng khoán Việt Nam, thấu hiểu nhu cầu của khách hàng, HSC ra mắt nền tảng đào tạo kiến thức trực tuyến HSC Edu – đây là nền tảng đào tạo chứng khoán trực tuyến hỗ trợ các nhà đầu tư mới tham gia vào thị trường với các kiến thức từ căn bản đến nâng cao được giảng dạy bởi các chuyên gia hàng đầu của HSC. Các khóa học được cá nhân hóa tùy theo nhu cầu của học viên. Các bài giải được số hóa và trực quan sinh động, giúp nhà đầu tư dễ dàng nắm bắt và lĩnh hội kiến thức. Chương trình học giúp nhà đầu tư trang bị các kiến thức tài chính cá nhân trước khi tham gia vào các kiến thức chứng khoán cơ bản, nâng cao và tiến tới trở thành nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trên thị trường.

Đến cuối năm 2021, nền tảng này đã chạm mốc 10.000 học viên tham gia tích cực và hài lòng với chất lượng đào tạo.

Chủ động kết nối khách hàng

Một trong những khó khăn của các nhà đầu tư cá nhân khi tham gia vào thị trường chứng khoán là tầm nhìn tổng thể về một ngành, lĩnh vực kinh doanh cho dù họ có thể hiểu rất rõ về 1 doanh nghiệp cụ thể. Điều này ảnh hưởng đến khả năng phân tích, quyết định thời điểm mua bán của nhà đầu tư để

đạt hiệu quả cao. Hội thảo Kết nối khách hàng với Doanh nghiệp (Connecting to Customers - C2C) mà HSC tổ chức dành cho khách hàng cá nhân là một sự kiện định kỳ (hàng tháng) với mục tiêu làm cầu nối thông tin chất lượng nhất giữa các chuyên gia phân tích cao cấp của HSC và các doanh nghiệp đầu ngành với các nhà đầu tư. HSC đặt ra mục tiêu là thiết kế 1 chương với những điểm khác biệt so với các hội thảo trực tuyến khác, mang lại giá trị vượt trội, đồng hành dài hạn cùng nhà đầu tư trên hành trình đầu tư tài chính. C2C mang đến cho nhà đầu tư một câu chuyện xuyên suốt từ nền kinh tế vĩ mô thế giới và Việt Nam, đánh giá chuyên sâu những tác động lên các ngành nghề hoạt động trong nền kinh tế và triển vọng trong ngắn hạn, dài hạn của doanh nghiệp. C2C cũng cung cấp những nhận định tổng quan về diễn biến của thị trường chứng khoán thông qua phân tích cơ bản và kỹ thuật, phân tích sự vận động dòng tiền của từng cổ phiếu, từ đó HSC đưa ra khuyến nghị danh mục cổ phiếu tiềm năng cho nhà đầu tư cá nhân trong từng giai đoạn. Trong năm 2021, HSC đã tổ chức 4 kỳ hội thảo C2C với hàng ngàn nhà đầu tư tham dự và hưởng ứng.

Liên tục nâng cao chất lượng tư vấn

HSC hiểu rõ giá trị to lớn của việc gắn kết khách hàng hiện hữu sử dụng sản phẩm và dịch vụ của HSC lâu dài. Năm 2020, HSC đã thiết lập Trung tâm Dịch vụ khách hàng (TT DVKH) với chức năng là ‘tuyến đầu’ nhận các yêu cầu, phản hồi của khách hàng về việc đăng ký và sử dụng các dịch vụ, sản phẩm của HSC. Bên cạnh việc lên trực tiếp TT DVKH của HSC để thực hiện các yêu cầu, khách hàng có thể liên hệ qua số điện thoại hotline, email hoặc phần mềm trực tuyến. Năm 2021, HSC tiếp tục mở rộng các hình thức tư vấn và tiếp cận yêu cầu của nhà đầu tư thông qua các cầu nối trực tuyến như: mạng xã hội facebook, youtube, podcast, bản tin hàng ngày qua email và các nhóm tư vấn 24/7. Nội dung được cập nhật liên tục, mang tính thời sự, chăm sóc khách hàng nhanh chóng, chất lượng tư vấn hiệu quả luôn là tiêu chí hàng đầu của HSC. Thông qua việc mở rộng, đa dạng hóa các hình thức tiếp cận khách hàng, HSC đã và đang tiếp cận đến nhiều khách hàng hơn và nhận được sự ủng hộ, tin tưởng, hài lòng của đại đa số các nhà đầu tư.

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

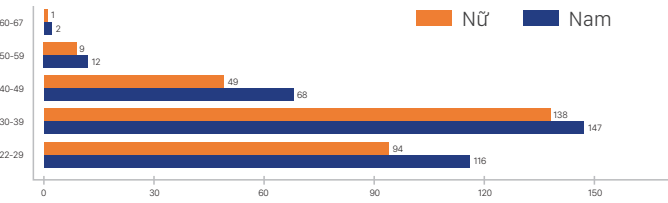
**Nhân viên:
Tạo động lực và nuôi dưỡng nhân tài**

Đại dịch đã gây ra nhiều ảnh hưởng sâu sắc, trực tiếp và gián tiếp, đến sức khỏe và tâm lý của người lao động và người thân của nhân viên. Trong bối cảnh đó, ban lãnh đạo HSC đã có những quyết sách kịp thời, chính xác và mang tính nhân văn cao để giúp Công ty duy trì hoạt động xuyên suốt và đảm bảo thu nhập, phúc lợi và sức khỏe của toàn thể nhân viên HSC. Đây được xem là một trong những thành công lớn nhất của HSC trong năm 2021.

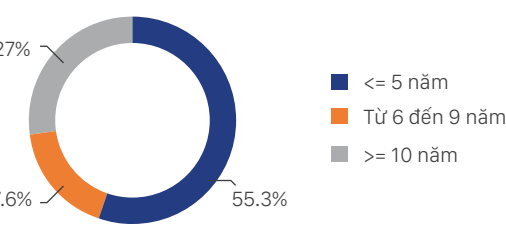
Công ty đã tiếp tục triển khai nhiều chương trình xây dựng sự gắn kết và giữ chân đội ngũ lao động. Về mặt tiền lương và phúc lợi, Ban lãnh đạo HSC đã tiến hành cải tiến toàn diện các chính sách tiền lương và phúc lợi để phù hợp với xu thế mới và nhằm nâng cao động lực của đội ngũ cũng như tính cạnh tranh của HSC trên thị trường lao động. Đặc biệt, trong giai đoạn khó khăn nhất của dịch bệnh Covid-19, Ban lãnh đạo đã thông qua chính sách hỗ trợ nhân viên và người thân trong thời gian bị ảnh hưởng của dịch bệnh. Với chính sách này, Công ty đã kịp thời hỗ trợ về mặt tài chính cho 62 nhân viên và 127 người thân bị nhiễm Covid-19. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên phối hợp với các đơn vị y tế chuyên môn có uy tín để thực hiện phổ biến và tư vấn trực tuyến kiến thức phòng chống Covid-19 và bảo vệ sức khỏe cá nhân đến tập thể nhân viên HSC. Bên cạnh việc chăm lo cho đội ngũ nhân sự hiện có, trong năm 2021, HSC cũng đã tuyển dụng thêm nhiều vị trí, từ chuyên viên cho đến quản lý cấp cao để tiếp tục nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân sự HSC và phục vụ cho chiến lược tăng trưởng trong tương lai.

Với những nỗ lực không ngừng này, HSC đã ngày càng gia tăng sự gắn kết của nhân viên, là chìa khóa cho sự phát triển của doanh nghiệp nói chung và HSC nói riêng. Điều này được thể hiện rõ qua kết quả khảo sát mức độ gắn kết của nhân viên trong năm 2021 với sự tham gia của gần 90% nhân viên HSC. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ số gắn kết của nhân viên HSC tăng tích cực hơn so với đợt khảo sát gần nhất được tiến hành trong năm 2019. Hầu hết các nhân viên HSC đều tự hào về môi trường làm việc ở Công ty và cho rằng mối quan hệ cởi mở và gắn kết giữa các đồng nghiệp, sự hỗ trợ và tính trung thực giữa nhân viên và quản lý cấp trên là yếu tố quan trọng nhất giữ chân họ ở ngôi nhà HSC và thúc đẩy họ nỗ lực hơn nữa để đóng góp vào sự thành công và phát triển của Công ty.

Giới tính và độ tuổi CBNV HSC



Tỷ lệ thời gian làm việc



Tiền lương và các chi phí nhân sự khác	2019	2020	2021
Tiền lương	168.938.720.045	174.180.269.605	200.591.661.180
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN và kinh phí công đoàn	23.055.812.952	23.309.844.700	24.232.853.700
Thù lao, tiền thưởng khác	106.258.169.671	164.069.223.042	365.016.398.189
Chi phí hỗ trợ nhân viên và người thân bị nhiễm Covid-19 và các hoạt động hỗ trợ khác	-	-	2.732.594.000
Tổng cộng	298.252.702.668	361.559.337.347	592.573.507.069

Phong cách lãnh đạo chiếm đa số tại HSC



Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Truyền thống đào tạo phát triển nguồn nhân lực và tinh thần học hỏi trau dồi kiến thức ở HSC tiếp tục được phát huy trong năm 2021. Các lớp đào tạo nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng vẫn được triển khai trong năm 2021 nhưng toàn bộ ở hình thức trực tuyến để đảm sức khỏe của nhân viên và tuân thủ yêu cầu phòng chống dịch bệnh của Chính phủ. Cụ thể, tổng cộng 18 khóa học được triển khai cho các phòng ban và cá nhân với toàn bộ chi phí được tài trợ bởi Công ty. Trong đó, 80% khóa học triển khai trực tuyến tại HSC E-Learning và 20% thông qua các nền tảng họp trực tuyến như Zoom và Microsoft Teams. Hệ thống HSC E-Learning đã cán mốc 2.125 lượt truy cập và 98% nhân viên tham gia trong năm qua. Kho dữ liệu đào tạo bao gồm 1.969 phim và 568 tài liệu được xây dựng và lưu trữ trên nền tảng E-Learning. Thông qua nền tảng này, nhân viên HSC có thể tiếp cận nhiều tài liệu hữu ích để nâng cao chuyên môn và các kỹ năng khác cũng như cập nhật các chính sách và quy định mới nhất của Công ty.

Bên cạnh đó, để nâng cao chất lượng công tác đánh giá hiệu quả công việc, HSC đã tiến hành số hóa công tác này thông qua việc xây dựng và hoàn thiện Hệ thống Đánh giá Hiệu quả Công việc EPM trong 2021. Với hệ thống này, các cá nhân có thể chủ động tra cứu thông tin và các cấp quản lý được cập nhật kịp thời về tiến độ công việc của đơn vị do mình phụ trách một cách thuận tiện nhất. Do đó,

nhân viên các cấp ở HSC đã có thể tiết kiệm rất nhiều thời gian liên quan đến việc theo dõi và đánh giá chất lượng công việc so với trước đây, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của toàn công ty.

Thu hút nhân tài

Trong bối cảnh thị trường lao động ngành tài chính ngày càng cạnh tranh gay gắt, việc đảm bảo nguồn nhân lực chất lượng cao được HSC đặt lên hàng đầu. Trong năm 2021, thông qua những khảo sát sâu rộng bên trong và bên ngoài công ty, chúng tôi đã định vị được các giá trị cốt lõi mà HSC mang lại cho nhân viên của Công ty (Employee Value Proposition – EVP) là “Cuộc Sống Cân Bằng và Thịnh Vượng”. Theo đó, HSC đặt ra hai sứ mệnh cho chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty là đảm bảo nhân viên HSC có được sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống và có tương lai thịnh vượng. Đây được xem là nét độc đáo nổi bật để HSC gia tăng sự gắn kết giữa Công ty và đội ngũ nhân sự hiện hữu một cách bền vững và thu hút ứng viên chất lượng cao trên thị trường lao động. Chúng tôi tin rằng đây là hai yếu tố mang tính quyết định đến sự thành công của HSC trong tương lai. Dựa trên sứ mệnh và giá trị cốt lõi của HSC, chúng tôi cũng đã đưa ra thông điệp tuyển dụng “Gắn Kết Các Giá Trị Để Thành Công” nhằm lan tỏa những nét đẹp về văn hóa và môi trường của HSC đến với những ứng viên tiềm năng nhất trên thị trường.

Với các giá trị cốt lõi này cũng như sự nỗ lực của tập thể Khối Quản trị nguồn nhân lực, chúng tôi tiếp tục đạt được nhiều kết quả khả quan trọng việc xây dựng hình ảnh nhà tuyển dụng thân thiện, chuyên nghiệp trên thị trường lao động và thu hút sự quan tâm của các ứng viên. Cụ thể trên các nền tảng mạng xã hội, trang thông tin doanh nghiệp của HSC trên nền tảng LinkedIn ghi nhận 2.800 người dùng theo dõi, tăng trưởng 350% so với kế hoạch năm 2021, trang Fanpage “Life at HSC” trên nền tảng Facebook ghi nhận hơn 9.000 lượt theo dõi, tăng 18% so với kế hoạch năm. Trong thời gian tới, chúng tôi sẽ tiếp tục lan tỏa thông điệp tuyển dụng và thông điệp về giá trị cốt lõi của HSC nhằm thu hút nhân tài đến với HSC qua nhiều phương thức khác nhau. Chúng tôi cũng sẽ đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ vào việc thu hút nhân tài và phát triển thương hiệu tuyển dụng để tối ưu hóa quy trình tuyển dụng và khẳng định tác phong chuyên nghiệp của HSC trên thị trường lao động Việt Nam.

Các nội dung chính trong kế hoạch thu hút và phát triển nhân tài trong năm 2022

- Triển khai chương trình hoạch định nhân sự kế thừa để chọn lọc các ứng viên tiềm năng có thể đảm nhiệm các vị trí trọng yếu trong tương lai và xây dựng kế hoạch đào tạo để giúp các ứng viên này phát triển và trau dồi các kỹ năng cần thiết.
- Xây dựng lộ trình đào tạo kiến thức và kỹ năng (learning map) dựa trên hệ thống nấc thang nghề nghiệp (career ladder) để giúp đội ngũ nhân viên ngày càng nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm.
- Tiếp tục cải thiện chính sách, quy định, quy trình nghiệp vụ nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai của HSC.
- Tiếp tục xây dựng các chương trình gắn kết nội bộ, nâng cao tinh thần tập thể thông qua các hoạt động ngoại khóa và hoạt động thể thao.

**Nhà Đầu tư:
Tối ưu hóa giá trị cổ đông**

Duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả và bền vững

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, HSC có tổng cộng 29.835 cổ đông, trong đó 176 cổ đông là nhà đầu tư tổ chức và 29.659 cổ đông là nhà đầu tư cá nhân. Kể từ khi niêm yết (năm 2009), HSC luôn duy trì chính

sách chi trả cổ tức bằng tiền mặt ổn định 12-25%/năm. Riêng năm 2021, HSC đã chi trả 366 tỷ đồng cổ tức, tính trên số vốn điều lệ 3.050 tỷ (12% trên vốn điều lệ). Đây là cam kết của HSC trong nỗ lực liên tục gia tăng giá trị cho cổ đông thông qua sự cam kết về lợi ích kinh tế, đảm bảo thu nhập cho cổ đông đặc biệt trong khủng hoảng kinh tế do Đại dịch Covid-19. Bên cạnh đó, HSC chú trọng phát triển sức mạnh nội tại của Công ty để gia tăng giá trị Công ty, đồng thời có chiến lược tăng vốn điều lệ phù hợp, minh bạch thông tin để thị trường đánh giá đúng giá trị thực của cổ phiếu HCM.

Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông

Hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư (IR) được chú trọng thực hiện một cách bài bản và được quy chuẩn hóa. HSC dành một nguồn lực đáng kể cho hoạt động Quan hệ Nhà Đầu Tư nhằm đảm bảo quyền lợi Cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các Cổ đông. Hoạt động Quan hệ Nhà Đầu tư của HSC được thực hiện bởi phòng Truyền thông. Thông qua các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và Báo cáo Thường niên, cổ đông của HSC được nhận đầy đủ thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của HSC và tất cả các hoạt động về phát triển chiến lược của Công ty, bao gồm cả các sáng kiến và hoạt động phát triển bền vững.

Các quyền khác của Cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của Cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ & quy chế quản trị công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.

Công bố thông tin minh bạch & chủ động kết nối với nhà đầu tư

Công bố thông tin minh bạch và kịp thời là ưu tiên hàng đầu của HSC nhằm đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư trong việc tiếp cận các thông tin có liên quan một cách chính xác và kịp thời. HSC có quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, và tuân thủ chặt chẽ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính và cập nhật theo Thông tư 96/96/2020/TT-BTC hiệu lực từ ngày 01/01/2021. Các thông tin đều được công bố song song bằng tiếng Việt – tiếng Anh trên Cổng Thông tin Điện tử của Sở, UBCKNN cũng như trang thông tin điện tử HSC, đảm bảo sự

NỘI DUNG BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG

**Nhà Đầu tư:
Tối ưu hóa giá trị cổ đông**

bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các Cổ đông trong và ngoài nước. Trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp, HSC vẫn nỗ lực duy trì kết nối với nhà đầu tư và cơ quan báo chí thông qua hội nghị trực tuyến được tổ chức định kỳ hằng quý, thông báo kết quả hoạt động kinh doanh quý và cung cấp các thông tin chính xác, kịp thời đến các bên hữu quan. Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý được soạn thảo bằng hai ngôn ngữ Anh – Việt và gửi tới từng Cổ đông qua email giúp Cổ đông dễ dàng tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, có

**Cộng đồng:
Tích cực thực hiện vai trò trách nhiệm của doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng xã hội**

Đồng hành cùng chính phủ trong công tác phòng chống dịch Covid-19

Năm 2021, Việt Nam đối mặt với làn sóng Covid-19 phức tạp nhất, gây thiệt hại nặng nề về người và của. Nhằm góp phần cùng Chính phủ và nhân dân cả nước chung tay phòng chống dịch bệnh, đồng thời hưởng ứng lời kêu gọi của Chính phủ :“Toàn dân đoàn kết, ra sức phòng, chống dịch bệnh COVID-19”, tháng 5/2021, HSC cùng với Công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital Việt Nam đã trao tặng 50 tỷ đồng để đóng góp quỹ mua vaccine phòng chống dịch Covid-19. Tiếp theo đó, tháng 7/2021, tại Chương trình tiếp nhận hỗ trợ trang thiết bị y tế phòng, chống dịch Covid-19, HSC đã trao tặng thêm 3 xe cứu thương với tổng trị giá 7.5 tỉ đồng với mong muốn hỗ trợ củng cố, tăng cường nguồn lực chống dịch của đội ngũ y tế Thành phố Hồ Chí Minh. Trước những đóng góp kịp thời và nhiệt tình của HSC, đại diện Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc – Ban vận động, tiếp nhận và phân phối Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 Thành phố Hồ Chí Minh cũng đã gửi lời tri ân, cảm ơn đến HSC đã luôn dành sự quan tâm, ủng hộ các chương trình an sinh xã hội, vì sự phát triển của Thành phố.

nhận định chính xác nhằm đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.
Chủ động trước dịch bệnh

Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp buộc doanh nghiệp phải chủ động đổi mới, tìm các cách tiếp cận mới để đảm bảo quá trình kết nối, thông tin đến cổ đông luôn được diễn ra liên tục và xuyên suốt. Năm 2021, HSC đã hoàn thành xây dựng quy trình tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông trong mọi hoàn cảnh.

Quỹ thiện nguyện ‘PCD Thịnh Vượng’

Quỹ PCD Thịnh Vượng được thành lập vào ngày 29.11.2018 với thông điệp chính ‘CÙNG TRAO YÊU THƯƠNG- ƯƠM MẦM THỊNH VƯỢNG’, nhằm tạo môi trường kết nối những cá nhân tâm huyết với hoạt động thiện nguyện hướng đến đối tượng chính là người già và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Trong nhiều năm qua, quỹ tổ chức đều đặn chương trình hàng tháng với tổng số hơn 38 chương trình trải khắp các tỉnh thành cả nước như TP. Hồ Chí Minh, Bến Tre, Tiền Giang, Đồng Nai, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Cà Mau... Quỹ tặng quà cho các mái ấm, nhà mở, trung tâm nuôi dưỡng các trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ. Những lần đến thăm, bên cạnh việc tặng quà, Quỹ tổ chức các trò chơi, vui đùa cùng các em ..,cùng các em ươm mầm năng khiếu ca hát, nhảy múa, giúp các em gieo trồng các hạt giống tử tế thông qua các tranh nhân quả, khơi gợi ước mơ tương lai và nuôi dưỡng ước mơ cho các em từ truyện tranh vĩ nhân...

Năm 2021, những chuyến xe chở yếu thương của PCD Thịnh Vượng cũng liên tục chở những chuyến xe lương thực 0 đồng hỗ trợ bà con khó khăn ở khu vực cách ly tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bất chấp rủi ro về sức khỏe, những con người HSC vẫn ngày đem mang tình yêu thương, tấm lòng hướng về cộng đồng, hy vọng góp phần sức nhỏ xoa dịu những nỗi đau, những khó khăn vất vả do dịch bệnh gây ra.



Đầu tư cho giáo dục, phát triển tương lai

Chương trình tặng máy tính cho các trường học tại Quảng Bình

HSC quan niệm rằng bồi dưỡng, trau dồi kiến thức cho thế hệ trẻ là một việc rất quan trọng và cần thiết cho sự phát triển của đất nước. Do vậy, HSC luôn dành sự quan tâm, đầu tư cho giáo dục, đặc biệt là đối với trẻ em ở các tỉnh thành khó khăn, giúp các em tiếp cận gần hơn với kiến thức. Quảng Bình là một trong những địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề trong cơn bão miền Trung năm 2020, trong năm 2021, HSC đã chuyển nhiều máy tính đã qua sử dụng nhưng đảm bảo chất lượng tốt đến trường THCS Lưu Lữ (huyện Bố Trạch, Quảng Bình) và Phổ thông Dân tộc Bán trú Tiểu học Trường Sơn (huyện Quảng Ninh, Quảng Bình). Phần quà của HSC mang ý nghĩa thiết thực, giúp các em học sinh có cơ hội nâng cao tri thức thông qua việc tiếp cận công nghệ hiện đại.

Với sứ mệnh lan tỏa “Ảnh hưởng tích cực” đến cộng đồng, HSC sẵn sàng tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội nhằm đóng góp những giá trị thiết thực nhất cho sự phát triển đất nước, đặc biệt là chuỗi các hoạt động sẽ chia hưởng về đồng bào miền Trung ruột thịt, góp phần phát triển thế hệ tương lai nước nhà.



**Cơ quan quản lý nhà nước:
Tuân thủ và đóng góp tích cực**

Tuân thủ các Luật, Quy định, Hướng dẫn được đề ra bởi các cơ quan chức năng

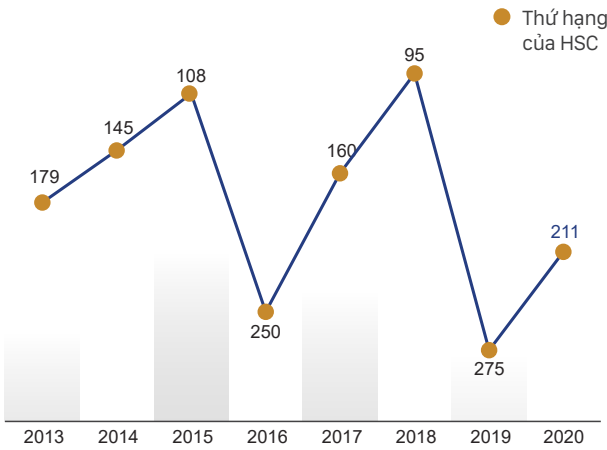
Tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan đến ngành chứng khoán – tài chính là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của HSC, được toàn thể Ban Lãnh đạo, nhân viên Công ty cam kết thực hiện. HSC hiểu rằng, việc không tuân thủ luật pháp và các quy định trong lĩnh vực kinh tế – xã hội sẽ không thể đảm bảo phát triển bền vững cho chính doanh nghiệp, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, lợi ích tài chính và uy tín Công ty. HĐQT và Ban Lãnh đạo HSC đặc biệt coi trọng vấn đề này nên không chấp nhận bất cứ rủi ro pháp lý nào do việc cố tình vi phạm các quy định pháp lý gây ra.

Năm 2021, toàn thể nhân viên HSC đã tuân thủ nghiêm túc luật pháp và các quy định liên quan đến hoạt động doanh nghiệp, HSC không ghi nhận biên bản, thông báo nào liên quan đến vi phạm pháp luật, quy định trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước

Làm tròn nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước là cam kết của HSC trong việc góp phần vào sự phát triển, tăng trưởng ổn định của nền kinh tế và xã hội Việt Nam. Tổng đóng góp cho ngân sách Nhà nước trong năm 2021 của HSC đạt gần 887 tỷ đồng, bao gồm các đóng góp từ thuế thu nhập doanh nghiệp và tạm đóng hộ cho nhà đầu tư. Theo V1000 – Bảng xếp hạng Top 1000 doanh nghiệp đóng góp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, xếp hạng về đóng góp Ngân sách nhà nước của HSC ngày càng cao qua các năm, năm 2020 HSC là doanh nghiệp thứ 211 đóng góp nhiều nhất cho ngân sách Nhà nước.

Thuế & các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021

Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021

Năm 2021, Việt Nam phải đối mặt với những thách thức, khó khăn chưa từng có tiền lệ, đặc biệt đại dịch Covid-19 ảnh hưởng không nhỏ tới nền kinh tế. Tuy nhiên, thị trường chứng khoán (“TTCK”) Việt Nam năm 2021 đã ghi nhận thời khắc lịch sử khi liên tiếp xác lập các kỷ lục mới, tăng trưởng bùng nổ về mọi phương diện, từ chỉ số cho tới thanh khoản, số lượng tài khoản chứng khoán... Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán được mở mới tăng mạnh cho thấy triển vọng và tính hấp dẫn của TTCK Việt Nam với công chúng đầu tư, góp phần trong việc duy trì thanh khoản của thị trường. TTCK Việt Nam đã thực sự trở thành một kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho doanh nghiệp và nền kinh tế. Năm 2021 còn là năm đánh dấu sự chuyển mình trên TTCK Việt Nam, khi Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX) đã đi vào hoạt động, bắt đầu tiến trình cơ cấu lại hoạt động theo hướng chuyên nghiệp. TTCK Việt Nam đã được ghi nhận là một trong những thị trường thành công nhất trên thế giới trong năm 2021.

Kết quả kinh doanh năm 2021

TTCK Việt Nam phục hồi mạnh ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết thúc năm 2021, HSC đạt 3.368 tỷ đồng doanh thu, tăng 112% và 1.430 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 117% so với năm 2020, hoàn thành 119% kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020 (“ĐHĐCĐ 2020”) thông qua.

DOANH THU

3.368

TỶ ĐỒNG

HOÀN THÀNH 119% KẾ HOẠCH

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (“TGD”) và Ban Điều hành (“BDH”) trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT như sau:

Phương pháp giám sát

HĐQT kết hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát (“BKS”) và các Tiểu ban trực thuộc HĐQT để nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty cũng như đánh giá tính khả thi của các kế hoạch để từ đó đưa ra những giải pháp mang tính thực tiễn, phù hợp nhằm hỗ trợ TGD và BDH hoàn thành tốt các trách nhiệm được giao.

HĐQT ban hành các nghị quyết sau các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp theo yêu cầu để thông qua các kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, sáu tháng và cả năm và những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Đồng thời theo thẩm quyền, HĐQT nhận định tình hình thị trường và tình hình kinh tế tổng quan để hỗ trợ rà soát các kế hoạch kinh doanh cho quý tiếp theo. HĐQT thường xuyên trao đổi với TGD và BDH nhằm giám sát việc triển khai kế hoạch và điều chỉnh khi cần thiết giúp đạt được các mục tiêu chiến lược đề ra.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

Kết quả giám sát

Kết quả kinh doanh năm 2021 với các chỉ số tài chính cơ bản như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% Thay đổi	Kế hoạch năm 2021	% Hoàn thành kế hoạch 2021
Doanh thu	3.368	1.592	112%	2.669	126%
Lợi nhuận trước thuế	1.430	660	117%	1.203	119%
Lợi nhuận sau thuế	1.147	530	116%	963	119%

Kết luận

Căn cứ vào Điều lệ, các chính sách và quy trình đã ban hành, HĐQT ủy quyền cho TGD và BDH quản lý các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty và tổ chức thực hiện các quyết định, chiến lược theo kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động của HĐQT và ĐHĐCĐ giao. Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ mỗi quý về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình hoạt động hàng ngày của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá rằng TGD và BDH đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng

quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp và liêm chính đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và các cổ đông. TGD và BDH đã nỗ lực hết mình để hoàn thành và vượt kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ thông qua. Đồng thời, TGD và BDH đã tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng môi trường kinh doanh dựa trên nền tảng phát triển bền vững, nâng cao công tác quản trị công ty, nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro.



Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

TTCK năm 2022 có nhiều tín hiệu khả quan, tuy nhiên có thể phải đối mặt với một số thách thức do rủi ro về lạm phát và căng thẳng địa chính trị. Chất lượng của TTCK Việt Nam trong năm 2022 sẽ tiếp tục được cải thiện, cụ thể với các kế hoạch phát triển sau:

- Cơ cấu lại các thị trường cổ phiếu, trái phiếu và phái sinh theo hướng chuyên nghiệp hóa.
- Xây dựng và đưa vào hoạt động thị trường giao dịch trái phiếu riêng lẻ.
- Triển khai T+0 và mô hình bù trừ thanh toán trung tâm – CCP, các sáng kiến phát triển thị trường vốn.
- Tái cấu trúc hoàn thiện cơ chế quản lý và tổ chức vận hành TTCK thông qua việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX).
- Hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh mọi hoạt động của TTCK, trong đó các thể hệ Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán cơ bản phù hợp với thực tế vận động của thị trường và thực tiễn đời sống kinh tế đất nước, bảo đảm cho quá trình giao dịch, vận hành và quản lý TTCK thông suốt, an toàn, công bằng, công khai, minh bạch và hiệu quả.

TTCK Việt Nam đã tích lũy được thành quả cả về lượng và chất, tăng khả năng chống chịu với yếu tố bên ngoài. Do đó, với những yếu tố khách quan hỗ trợ và bản thân nội lực, TTCK Việt Nam trong trung và dài hạn có triển vọng tiếp tục phát triển tích cực. Với nhận thức và nhận định TTCK năm 2022 như trên, HĐQT tập trung vào các hoạt động sau trong năm 2022:

- Xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh theo mô hình chuyển đổi số phù hợp xu hướng phát triển mạnh mẽ của TTCK, tạo nên những thay đổi tích cực.
- Tập trung vào các yếu tố nền tảng để không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, đón đầu xu hướng phát triển thị trường thông qua việc phát triển nguồn nhân lực tài năng và toàn diện, tiến hành mạnh mẽ các sáng kiến chuyển đổi số để nắm bắt cơ hội và nhận diện rủi ro.
- Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, trách nhiệm quản lý và kiểm soát rủi ro trong quản lý tài chính, kế toán và kiểm toán, nâng cao năng lực và vai trò của các tiểu ban trực thuộc HĐQT và thành viên HĐQT độc lập.
- Xây dựng kế hoạch chiến lược cho các hoạt động trách nhiệm xã hội nhằm nâng cao tính minh bạch, tăng lợi thế cạnh tranh và phát triển bền vững.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021

Quản trị công ty tốt là một trong những yếu tố quan trọng xây dựng nền tảng công ty vững mạnh, mang lại giá trị bền vững, tạo lợi thế cạnh tranh dài hạn cũng như mang lại danh tiếng cho công ty. Chính những lợi thế này tạo điều kiện cho Công ty dễ dàng tiếp cận thị trường vốn, qua đó thúc đẩy phát triển thị trường tài chính nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Mục tiêu quản trị công ty của chúng tôi trong năm 2021 đó là nuôi dưỡng và phát huy nội lực, tận dụng hiệu quả ngoại lực trong từng giai đoạn để phát triển Công ty khi phải đối mặt với những thách thức, khó khăn chưa từng có tiền lệ, đại dịch Covid -19. Chính nhờ sự phát triển của TTCK đã giúp hình thành nên một chuẩn mực mới về tính công khai, minh bạch trong hoạt động của chúng tôi và nâng cao chất lượng quản trị công ty theo thông lệ quốc tế. Nhờ vậy, Công ty đã tạo được lòng tin của nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Chúng tôi cam kết đạt được sự xuất sắc trong các tiêu chuẩn quản trị công ty, điều mà chúng tôi xem là nền tảng cho sự bền vững trong hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Để tối đa hóa giá trị công ty, HSC không chỉ quan tâm đến mục tiêu phát triển kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, mà từng bước tập trung nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế, đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực và tận dụng mọi cơ hội tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo việc áp dụng chuẩn mực quản trị công ty tốt nhất xuyên suốt trong toàn Công ty. HĐQT đã, đang và sẽ thực thi chuẩn mực quản trị công ty tốt nhất trong "Bộ Nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất" từ cấp quản trị cao nhất là HĐQT và BĐH đến từng nhân viên HSC như là nền tảng để đạt được những mục tiêu Công ty đề ra, đảm bảo tối đa quyền lợi cho cổ đông và các bên liên quan cũng như nâng cao giá trị doanh nghiệp.

HĐQT chịu trách nhiệm trước cổ đông về toàn bộ hoạt động của Công ty. HĐQT không những làm tròn trách nhiệm của mình khi thực hiện chiến lược phát triển Công ty và quản trị rủi ro hiệu quả mà còn cùng sát cánh bên nhân viên, cổ đông, cộng đồng vượt qua một năm thăng trầm với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid -19.

Chúng tôi cam kết đạt được sự xuất sắc trong các tiêu chuẩn quản trị công ty, điều mà chúng tôi xem là nền tảng cho sự bền vững trong hoạt động kinh doanh của chúng tôi

Cơ cấu và thành viên của Hội đồng quản trị

Cơ cấu HĐQT nhiệm kỳ V (2021 – 2025) của HSC gồm bảy (07) thành viên và theo mô hình có BKS theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2021 của ĐHĐCĐ 2020.

Thành viên HĐQT tuân thủ và đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về tài chính, chứng khoán, pháp luật, quản trị điều hành cũng như sự cân đối giữa thành viên độc lập và thành viên không điều hành.

Thay đổi trong HĐQT

Bảy (07) thành viên HĐQT của nhiệm kỳ V (2021 – 2025) được ĐHĐCĐ bầu tại cuộc họp ĐHĐCĐ 2020, tổ chức vào ngày 22/04/2021. Trong đó có ba (03) thành viên tái trúng cử và bốn (04) thành viên mới. Trong bốn (04) thành viên mới có hai (02) thành viên độc lập và hai (02) thành viên không điều hành. Như vậy, HĐQT nhiệm kỳ V (2021 – 2025) có bảy (07) thành viên gồm Chủ tịch, hai (02) thành viên độc lập và bốn (04) thành viên không điều hành.

Thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT không điều hành

Đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT độc lập

Đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT độc lập không chỉ dựa vào yếu tố năng lực, kinh nghiệm, đạo đức, thấu hiểu hoạt động kinh doanh của Công ty mà còn phải dựa vào tính liêm chính, khách quan, độc lập đảm bảo trung thành với lợi ích chung của Công ty cũng như đưa ra quyết định đúng đắn bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số.

Việc hai (02) thành viên độc lập được bầu vào HĐQT nhiệm kỳ V (2021 – 2025) không chỉ đáp ứng việc tuân thủ các quy định mang tính pháp lý, mà Công ty còn mong muốn đón nhận những nguồn tư tưởng đổi mới để ngày càng nhiều thông lệ quản trị quốc tế được áp dụng tại Công ty giúp Công ty phát triển bền vững và hiệu quả

Đánh giá sự độc lập của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

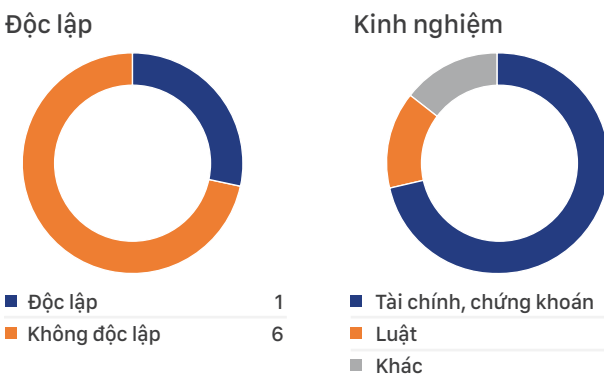
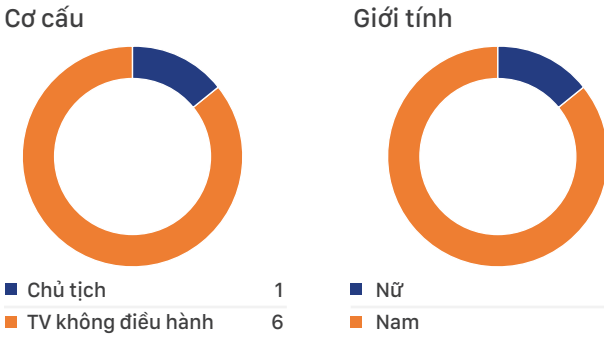
Thành viên HĐQT không điều hành tại HSC là những đại diện vốn của hai (02) cổ đông lớn là cổ đông Nhà nước – Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. Hồ Chí Minh (HIFIC) và cổ đông Chiến lược – Dragon Capital Markets Limited (DC).

Đánh giá sự độc lập của thành viên HĐQT không điều hành tại HSC dựa vào kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm về tài chính, chứng khoán, pháp luật cũng như những kỹ năng mềm và tính cách của từng thành viên. Họ luôn là người đưa ra những ý kiến độc lập mang tính đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty. Mặc dù mang trên vai hai trọng trách đó là người đại diện vốn và thành viên HĐQT nhưng họ đã tách biệt hoàn toàn hai vai trò này và luôn hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng Giám đốc

Sự tách biệt về vai trò của Chủ tịch HĐQT và TGD thể hiện sự độc lập và phân chia trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và BĐH nhằm đảm bảo sự phân chia quyền hạn trong việc ra quyết định, tăng trách nhiệm và nâng cao tính độc lập trong hoạt động của HĐQT. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT cũng như của TGD được nêu rõ trong Điều lệ Công ty.

Chủ tịch từng là Tổng Giám đốc Công ty từ năm 2007 đến năm 2020. Ông được bổ nhiệm làm Chủ tịch vào nhiệm kỳ V (2021 – 2025).



Vai trò của Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty, HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

Theo đó, vai trò lớn nhất của HĐQT:

- Lập kế hoạch chiến lược phát triển công ty
- Xây dựng chính sách quản trị rủi ro và tuyên bố khẩu vị rủi ro
- Xây dựng năng lực cạnh tranh
- Phản ứng với các thách thức chính
- Củng cố và phát triển năng lực cốt lõi
- Tối đa hóa giá trị cho các bên liên quan

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021

Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã có nhiều nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị Công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế. Cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả.
 - Xác định rõ ràng vai trò của từng thành viên nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi của tất cả các cổ đông và đảm bảo sự công bằng cho cổ đông nhỏ.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
 - Giám sát hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT để đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc hoạt động và Điều lệ Công ty.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham gia tất cả các cuộc họp HĐQT trong năm. Trong trường hợp có thành viên không thể tham dự họp, thành viên đó phải gửi cho HĐQT thông báo nêu rõ lý do và có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT khác hay người khác tham dự.

Thông báo và chương trình họp được gửi email chậm nhất mười lăm (15) ngày cho các thành viên HĐQT và tài liệu họp được gửi trước chậm nhất bảy (07) ngày trước khi tổ chức họp. Đối với các cuộc họp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản thông qua email, nội dung lấy ý kiến được trình bày cụ thể tại các tờ trình và thời gian đề nghị các thành viên HĐQT gửi ý kiến phản hồi chậm nhất là bảy (07) ngày sau ngày gửi tờ trình.

Trong năm 2021, HĐQT tổ chức năm mươi hai (52) cuộc họp, trong đó có bốn (04) cuộc họp định kỳ, hai mươi tám cuộc họp bất thường và hai mươi (20) cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Để đảm bảo tính kịp thời trong việc ra quyết định nhưng vẫn tuân thủ quy định phòng, chống dịch Covid-19, các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT được tổ chức trên nền tảng trực tuyến.

Chức danh	Thành viên	Ngày bổ nhiệm	Cuộc họp			Tỷ lệ
			Định kỳ	Bất thường	Lấy ý kiến bằng văn bản	
Chủ tịch	Johan Nyvene	22/04/2021	4/52	28/52	20/52	100%
Phó Chủ tịch	Lê Anh Minh	22/04/2021	4/52	28/52	20/52	100%
TV không điều hành	Lê Hoàng Anh	22/04/2021	4/52	28/52	20/52	100%
	Nguyễn Hồng Văn	22/04/2021	2/52	23/52	12/52	97%
	Trần Quốc Tú	22/04/2021	2/52	24/52	12/52	100%
TV độc lập	Andrew Colin Vallis	22/04/2021	2/52	24/52	12/52	100%
	Nguyễn Thị Hoàng Lan	22/04/2021	2/52	24/52	12/52	100%

Tại các cuộc họp trong năm, HĐQT thông qua kết quả hoạt động kinh doanh từng quý, sáu tháng và cả năm, nhận định thị trường, rà soát các kế hoạch chiến lược cho quý tiếp theo và phê duyệt các vấn đề khác thuộc thẩm quyền để hoạt động của Công ty luôn được kiểm soát và quản trị tốt nhất. Định kỳ tại phiên họp đầu tiên của năm tài chính, HĐQT nhận định tình hình thị trường trong nước và quốc tế để từ đó xem xét sự phù hợp của tầm nhìn và sứ mệnh

Công ty đối với tình hình thực tiễn. Và tại phiên họp cuối cùng của năm tài chính, HĐQT lên lịch họp để xác định thời gian họp HĐQT trong năm tài chính tiếp theo phù hợp với tất cả thành viên HĐQT.

HĐQT đã thực hiện đúng cam kết hoàn thành trách nhiệm và vai trò của mình trong việc tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT cũng như đưa ra các quyết định trọng yếu trong năm 2021. Các nghị quyết chỉ được thông qua khi đa số các thành viên tham dự tán thành.

Những hoạt động chính của HĐQT trong năm 2021

Vai trò của HĐQT	Hoạt động của HĐQT năm 2021
Tài chính	
Giám sát tình hình hoạt động tài chính	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, Q1.2021, Q2.2021. Q3.2021.
Giám sát việc vay vốn tại các ngân hàng	Thông qua các hạn mức vay vốn tại các ngân hàng trong tổng hạn mức đã được phê duyệt.
Đề xuất và thực hiện tăng vốn	Lấy ý kiến ĐHĐCĐ thông qua việc Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Thông qua các quyết định liên quan đến việc phát hành.
Quyết định đầu tư	Trái phiếu tăng vốn cấp 2 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).
Quyết định phát hành chứng quyền	Thông qua các đợt phát hành chứng quyền.
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021	Thông qua tỷ lệ và ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền.
Quản trị rủi ro	
Rà soát và thông qua quy chế của các Tiểu ban trực thuộc HĐQT	Quy chế hoạt động của Tiểu ban Quản trị rủi ro, Quy chế hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán, Quy chế hoạt động của Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng.
Thông qua quy chế của các Ban trực thuộc BDH	Quy chế hoạt động của Ban Điều hành rủi ro.
Quyết định tổng nợ thực vay	Tăng tổng nợ thực vay.
Quyết định tổng hạn mức tín dụng ngân hàng	Tăng tổng hạn mức tín dụng tại các ngân hàng.
Chấp thuận ký kết các hợp đồng và giao dịch	Chấp thuận nguyên tắc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan dự kiến phát sinh trong năm 2021.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021

Vai trò của HĐQT	Hoạt động của HĐQT năm 2021
Quản trị doanh nghiệp	
Nhân sự	Bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ V (2021 – 2025). Cơ cấu của Tiểu ban Quản trị rủi ro, Tiểu ban Kiểm toán, Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng. Thay đổi Người đại diện Chi nhánh Hà Nội.
Địa điểm kinh doanh	Điều chỉnh địa chỉ Trụ sở chính. Thay đổi địa chỉ Chi nhánh Hà Nội.
Tổ chức Đại hội cổ đông	ĐHĐCĐ thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua Phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020.
Đóng góp Cộng đồng	Đóng góp Quỹ vaccine phòng, chống Covid-19 của Chính phủ Việt Nam. Mua xe cứu thương ủng hộ ngành Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và BKS

Bảng chi trả thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và BKS năm 2021

Nội dung	Số tiền (đồng)
Quỹ hoạt động của HĐQT & BKS tồn đầu năm 2021	1.870.087.893
Quỹ hoạt động của HĐQT & BKS năm 2021 (trích 1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2020)	7.979.741.160
Chi phí hoạt động của HĐQT & BKS	8.165.040.291
Thù lao HĐQT	3.787.645.667
Thù lao BKS	1.280.000.001
Tiền thưởng HĐQT & BKS	0
Chi phí hoạt động khác	3.097.394.623
Quỹ hoạt động của HĐQT & BKS năm 2021 chưa sử dụng	1.684.788.762

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT

Hiện tại các chế độ quyền lợi về chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty; chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chế độ khám sức khỏe định kỳ và các khoản mục khác theo các chính sách của Công ty...) chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT. Các thành viên HĐQT còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có).

Sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị trong chương trình quản trị Công ty

Các thành viên mới được bầu tại ĐHĐCĐ 2020 sẽ sắp xếp tham gia khóa học “Quản trị công ty” trong thời gian tới.

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT đã thành lập ba (03) tiểu ban trực thuộc HĐQT là Tiểu ban Quản trị rủi ro (Tiểu ban QTRR), Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (Tiểu ban KT) và Tiểu ban Nhân sự – Lương thưởng (Tiểu ban NSLT).

Nhiệm vụ của các tiểu ban là tư vấn và hỗ trợ cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động kiểm soát nội bộ Công ty. Thành viên của cả ba tiểu ban là các thành viên không điều hành và Chủ tịch của Tiểu ban QTRR và Tiểu ban NSLT là các thành viên độc lập.

Họ và tên	Chức vụ	Tiểu ban QTRR	Tiểu ban KT	Tiểu ban NSLT
Johan Nyvene	Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	✓		✓
Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch TV HĐQT không điều hành	✓	✓	✓
Lê Hoàng Anh	Thành viên TV HĐQT không điều hành	✓	✓	
Andrew Colin Vallis	Thành viên TV HĐQT độc lập	Chủ tịch	✓	
Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên TV HĐQT độc lập			Chủ tịch
Đặng Nguyệt Minh	Thành viên Ban Kiểm soát		Chủ tịch	



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Tiểu ban Quản trị rủi ro (Tiểu ban QTRR)

Tiểu ban QTRR được thành lập vào năm 2013, là cơ quan giúp việc cho HĐQT thực hiện một số quyền hạn và nhiệm vụ liên quan đến công tác quản trị rủi ro của HĐQT.

Năm 2021 có thể nói là một năm hoàn thiện về nhân sự và hoạt động của Tiểu ban QTRR. Chủ tịch của Tiểu ban là một thành viên HĐQT độc lập vừa được bầu tại ĐHĐCĐ 2020, vừa đáp ứng tuân thủ theo quy định của pháp luật vừa có kinh nghiệm quốc tế về quản trị rủi ro trong lĩnh vực tài chính.

Tiểu ban Kiểm toán (Tiểu ban KT)

Tiểu ban KT được thành lập vào năm 2014, là cơ quan giúp việc cho HĐQT thực hiện một số quyền hạn và nhiệm vụ liên quan đến công tác kiểm toán nội bộ của HĐQT.

Bộ phận Kiểm toán nội bộ (Bộ phận KT) đồng thời được thành lập, là bộ phận độc lập, hỗ trợ HĐQT thông qua Tiểu ban KT. Hiện tại, Bộ phận KT tiếp tục đồng kiểm toán nội bộ với đơn vị tư vấn Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng (Tiểu ban NSLT)

Tiểu ban NSLT thành lập vào năm 2016, là cơ quan giúp việc cho HĐQT thực hiện một số quyền hạn và nhiệm vụ liên quan đến công tác nhân sự cấp cao, tiền lương, thưởng và phúc lợi nhân viên của HĐQT.

Hoạt động của Tiểu ban QTRR trong năm 2021:

- Phê duyệt Quy chế hoạt động của Tiểu ban QTRR và Quy chế hoạt động của Ban Điều hành rủi ro được sửa đổi, bổ sung trước khi trình HĐQT thông qua.
- Phê duyệt Chính sách QTRR trước khi trình HĐQT thông qua.
- Xem xét Báo cáo kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro định kỳ hàng tháng, quý, sáu tháng và cả năm.
- Rà soát và phê duyệt các giao dịch trong giới hạn thẩm quyền của mình.

Hoạt động của Tiểu ban KT trong năm 2021:

- Phê duyệt Quy chế hoạt động của Tiểu ban KT được sửa đổi, bổ sung trước khi trình HĐQT thông qua.
- Điều chỉnh Sổ tay Kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ tiên tiến.
- Xem xét Báo cáo hoạt động phòng chống rửa tiền, Mô hình hoạt động của Phòng Tài chính Kế toán và Phòng Quản lý nguồn vốn do Bộ phận KTNB phát hành.

Hoạt động của Tiểu ban NSLT trong năm 2021:

- Phê duyệt Quy chế hoạt động của Tiểu ban NSLT được sửa đổi, bổ sung trước khi trình HĐQT thông qua.
- Xem xét cẩn trọng ứng cử viên HĐQT và BKS cho nhiệm kỳ V (2021–2025) theo tiêu chí và quy trình lựa chọn trước khi trình HĐQT xem xét để đưa vào danh sách ứng cử viên chính thức bầu tại ĐHĐCĐ 2020.
- Phê duyệt thù lao của từng thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ V (2021–2025) trước khi trình HĐQT thông qua.

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CỔ ĐÔNG & NHÀ ĐẦU TƯ

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Cổ đông được cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ và kịp thời trên các phương tiện thông tin bao gồm các Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo thường niên cũng như những thông tin đã được công bố và tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp ĐHĐCĐ là cơ hội quan trọng để Công ty được gặp gỡ và đối thoại trực tiếp với cổ đông và nhà đầu tư. Tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT trình kết quả hoạt động kinh doanh trong năm qua, kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo và những nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Cuộc họp ĐHĐCĐ 2020 được tổ chức vào ngày 22/04/2021. Trình tự thủ tục đã được HSC thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho cổ đông.

- Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng 17/03/2021 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (“VSD”) cung cấp nhận được đầy đủ và rõ ràng các thông tin liên quan đến ĐHĐCĐ 2020 trong Thông báo mời họp. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ 2020 ghi rõ thời gian, địa điểm, chương trình họp và những thông tin cơ bản về việc đăng ký tham dự Đại hội. Toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ 2020 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của HSC bằng cả hai (02) thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) trong hai mươi một (21) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2020. Danh sách ứng cử viên tham gia đề cử, ứng cử vào thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ V (2021 – 2025) kèm sơ yếu lý lịch của từng ứng cử viên được công bố mười (10) ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ 2020 để cổ đông có thời gian lựa chọn những ứng viên không những đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn mà còn có kinh nghiệm và tâm huyết cho sự phát triển bền vững của Công ty. Bên cạnh đó, Thông báo mời họp ĐHĐCĐ 2020 cũng được đăng trên Báo Đầu tư Chứng khoán ngày 05/04/2021.

- Để đảm bảo an toàn sức khỏe và hạn chế sự lây lan của dịch bệnh Covid-19, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa thích hợp như phát khẩu trang và xịt dung dịch rửa tay khử khuẩn cho tất cả cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ 2020. ĐHĐCĐ 2020 được tổ chức vào ngày làm việc trong tuần và các bàn kiểm tra tư cách cổ đông được mở sớm hơn một (01) tiếng trước giờ khai mạc Đại hội. HSC đã sử dụng hệ thống mã QR để kiểm tra tư cách cổ đông cũng như thống kê tỷ lệ của từng nội dung biểu quyết.
- Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, Chủ tịch các Tiểu ban và TGD làm chủ tọa đoàn cuộc họp ĐHĐCĐ 2020. Ngoài ra, đại diện kiểm toán độc lập cũng có mặt tại Đại hội và đại diện cổ đông thiểu số được ứng cử vào Ban Kiểm phiếu tại Đại hội.
- Chủ tọa đoàn sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của cổ đông xoay quanh các hoạt động của Công ty trong khung giờ cho phép và tiếp tục trả lời thông qua email những câu hỏi chưa được giải đáp. Chủ tọa đoàn khuyến khích cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đóng góp ý kiến để cùng nhau xây dựng HSC ngày càng vững mạnh.
- Tất cả các nội dung HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua đều được tách riêng từng nội dung để cổ đông biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu của từng nội dung được công bố ngay và ghi vào Biên bản họp.
- Phương thức bầu cử, cách thức tiến hành bầu cử, kiểm phiếu bầu cử và công bố kết quả bầu cử được thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành và Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ V (2021 – 2025).
- Biên bản họp, Biên bản kiểm phiếu, Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên BKS và Nghị quyết ĐHĐCĐ 2020 được đăng trên trang thông tin điện tử của HSC bằng hai (02) thứ tiếng (tiếng Việt và tiếng Anh) hai mươi bốn (24) giờ sau khi kết thúc Đại hội.

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CỔ ĐÔNG & NHÀ ĐẦU TƯ

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức được HĐQT xem xét hàng năm nhưng luôn đảm bảo tỷ lệ cổ tức được trích trên năm mươi phần trăm (50%) lợi nhuận sau thuế. Tùy theo tình hình kinh doanh mỗi năm mà tỷ lệ cổ tức dao động từ mười hai phần trăm (12%) đến trên hai mươi phần trăm (20%). HSC luôn đưa ra quyết định chi trả cổ tức với thông tin chi tiết, minh bạch và đặc biệt nêu rõ ngày thanh toán cổ tức được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày sau khi được ĐHĐCĐ thông qua. HSC luôn đảm bảo thời gian thanh toán đúng, tỷ lệ cổ tức bằng hoặc cao hơn tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên hàng năm thông qua.

Tại ĐHĐCĐ 2020, ĐHĐCĐ đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021 dựa trên cơ sở phân bổ toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2021 sau khi Công ty đã thực hiện trích lập các Quỹ và các ngân sách hoạt động theo quy định Pháp luật và Điều lệ HSC. Kế hoạch và việc thực hiện thanh toán cổ tức năm 2021 được tóm tắt như sau:

- Công ty đã thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ năm phần trăm (5%) và đã thanh toán cho cổ đông vào ngày 06/01/2022, đúng tiến độ đã thông báo tại Nghị quyết số 47/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021.

ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI TẤT CẢ CỔ ĐÔNG

Chỉ định người đại diện được ủy quyền trong cuộc họp ĐHĐCĐ

HSC tạo mọi điều kiện thuận lợi để cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, nhưng trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không thể ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ, cổ đông đó có quyền ủy quyền một trong số các thành viên thuộc HĐQT hoặc BKS thay mặt cổ đông quyết định tất cả các nội dung trong chương trình Đại hội.

- Trên cơ sở đảm bảo nguồn thu nhập từ đầu tư vốn của cổ đông, HĐQT sẽ kiến nghị tỷ lệ chia cổ tức đợt 2 tại ĐHĐCĐ 2021 với tỷ lệ phù hợp với kết quả kinh doanh năm 2021 và chính sách cổ tức của HSC.

Quan hệ nhà đầu tư

Công ty luôn chủ động kết nối với nhà đầu tư để cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác thông qua một số kênh thông tin có sẵn như trang thông tin điện tử của Công ty, các buổi công bố Báo cáo tài chính, tại các diễn đàn đầu tư hay các hội thảo chuyên đề, ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và gửi thông tin qua email đến từng nhà đầu tư.

Tất cả các kênh kết nối với nhà đầu tư không bị gián đoạn bởi đại dịch Covid 19 do HSC thực hiện qua các nền tảng trực tuyến với các khung giờ linh động, cho phép cổ đông trong nước cũng như nước ngoài có thể tham gia.

Công ty luôn khuyến khích cổ đông, nhà đầu tư cũng như đối tác đặt những câu hỏi hay đóng góp ý kiến xây dựng Công ty thông qua địa chỉ email của kênh thông tin Báo chí- Quan hệ cổ đông – Trách nhiệm xã hội.

Biểu quyết tại ĐHĐCĐ hay biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Biểu quyết tại ĐHĐCĐ

Mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền khi tham dự ĐHĐCĐ được phát Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết theo mẫu của Công ty. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết đều sử dụng mã QR để việc kiểm phiếu được thực hiện chính xác và nhanh gọn. Cổ đông dùng Thẻ biểu quyết để thông qua các vấn đề chung tại ĐHĐCĐ. Cổ đông phải xác nhận ý kiến của mình đối với các nội dung chính bằng việc đánh dấu chéo vào một trong ba ô vuông: “tán thành”, “không tán thành” và “không có ý kiến” trong Phiếu biểu quyết và ký tên xác nhận việc biểu quyết này.

Biểu quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Mỗi cổ đông được gửi Phiếu lấy ý kiến bằng thư bảo đảm và email (nếu có) đến địa chỉ đã đăng ký với VSD. Để đảm bảo quyền lợi cho tất cả cổ đông được tham gia biểu quyết, HĐQT đã gửi Phiếu lấy ý kiến và tài liệu để cổ đông xem xét và biểu quyết mười lăm (15) ngày trước ngày gửi lại Phiếu lấy ý kiến đã biểu quyết cho HSC.

Bầu thành viên HĐQT

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT phải được ĐHĐCĐ thông qua. Việc lựa chọn ứng cử viên và bầu thành viên mới vào HĐQT được thực hiện theo đúng quy trình chính thức được nêu rõ ràng và minh bạch trong Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế bầu cử của Công ty.

Việc bầu thành viên HĐQT đã được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín và theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/ đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Danh sách ứng cử viên đính kèm sơ yếu lý lịch được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty mười (10) ngày làm việc trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ để cổ đông có thời gian xem xét lựa chọn những ứng cử viên hội đủ các tiêu chuẩn trở thành thành viên HĐQT của Công ty.

Quản trị xung đột về lợi ích

Nhận thức việc xây dựng những chính sách, quy trình nội bộ và cơ chế giám sát về các tình huống “xung đột lợi ích” đối với Người quản lý & điều hành Công ty không những góp phần ngăn ngừa, giảm thiểu các biểu hiện vụ lợi cá nhân mà còn mang lại sự bình đẳng đối với cổ đông.

Hiện tại, Công ty đang tuân thủ theo chuẩn mực “tránh xung đột lợi ích” của pháp luật Việt Nam. Công ty đang trong quá trình xây dựng Quy chế nội

bộ về tránh xung đột lợi ích với mục tiêu là đưa ra các phương pháp tiếp cận để xác định và ngăn chặn hoặc quản lý các xung đột lợi ích có thể phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Chính sách giao dịch với các bên liên quan đang được xây dựng như là một phần trong Quy chế nội bộ về tránh xung đột lợi ích để đảm bảo mọi xung đột lợi ích tiềm ẩn trong giao dịch với các bên liên quan được kiểm soát nghiêm ngặt.

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan

Người nội bộ và người có liên quan của đối tượng này khi thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua HCM phải công bố Thông báo giao dịch tối thiểu trước ba (03) ngày làm việc và công bố Báo cáo kết quả giao dịch trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Người nội bộ và người có liên quan của đối tượng này phải thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và họ không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh này vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người nội bộ và người có liên quan của đối tượng này, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

Công ty không được thực hiện các giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với Người nội bộ và người có liên quan của đối tượng này hoặc cổ đông, người ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người liên quan của họ, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.



QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VÀ CỔ ĐÔNG & NHÀ ĐẦU TƯ

Kênh thông tin liên hệ

Các kênh thông tin được phân chia theo nhu cầu mang lại sự dễ dàng khi liên hệ. Thông tin được chuyển đến đúng bộ phận chịu trách nhiệm xử lý. Các kênh thông tin về Tuyển dụng, Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp, Dịch vụ Khách hàng Tổ chức, Dịch vụ Khách hàng Cá nhân, Hoạt động Báo chí – Quan hệ Cổ đông – Trách nhiệm xã hội tại HSC hoàn toàn đáp ứng nhu cầu của cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng, đối tác và các bên liên quan khi cần hỗ trợ thông tin.

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Chính sách và việc thực hiện công bố thông tin

Chính sách công bố thông tin tại HSC được thực hiện đúng theo các quy định pháp luật, minh bạch và hiệu quả. Thông tin công bố thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Chính xác, đầy đủ, rõ ràng và đúng thời hạn.
- Đúng theo quy định pháp luật hiện hành.
- Bình đẳng trong việc truy cập thông tin cho tất cả cổ đông và các bên có quyền lợi liên quan khác.

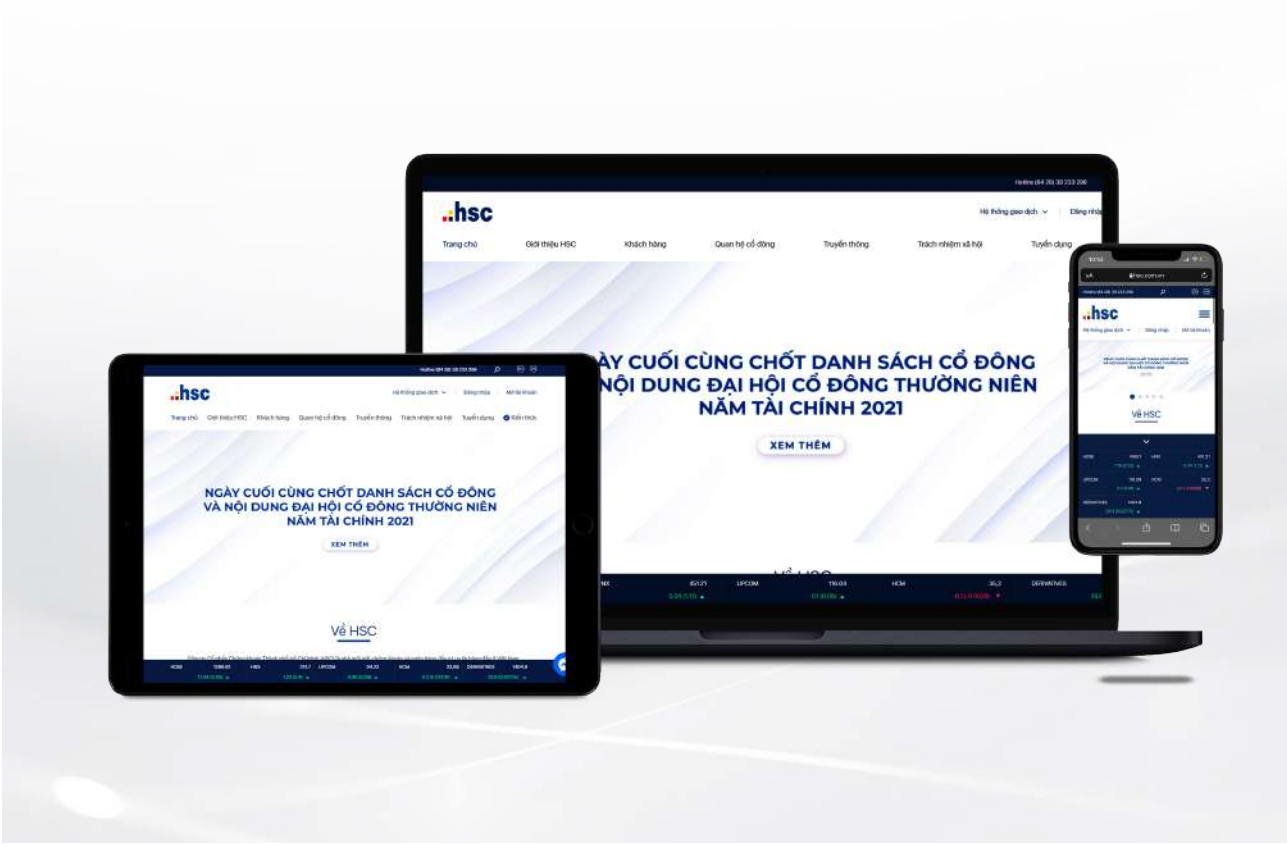
Ngôn ngữ công bố thông tin

HSC cam kết ngôn ngữ công bố thông tin là ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh, để cổ đông và nhà đầu tư nước ngoài có thể cập nhật được thông tin thuận tiện và nhanh nhất.

Phương tiện công bố thông tin

HSC duy trì kênh công bố thông tin bằng nhiều hình thức:

- Trang thông tin điện tử (website) của HSC.
- Hệ thống công bố thông tin của SSC.
- Trang thông tin điện tử (website) của HOSE.
- Trang thông tin điện tử (website) của VSD.



VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÁC GIAO DỊCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu, quyền mua HCM của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

Trong năm 2021, người nội bộ và tổ chức có liên quan của người nội bộ đã thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua HCM. HSC đã thực hiện công bố thông tin Thông báo giao dịch cổ phiếu HCM của người nội bộ và tổ chức có liên quan với người nội bộ cho các cơ quan chức năng ba (03) ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch và Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu HCM trong thời hạn năm (05) ngày làm việc sau khi kết thúc giao dịch. Cụ thể như sau:

STT	Tổ chức/ cá nhân	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Dragon Capital Markets Limited (DC)	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Lê Anh Minh—Phó Chủ tịch HĐQT và Ông Lê Hoàng Anh—TV HĐQT	91.650.556	30,05	137.475.834	30,05	Đăng ký mua 91.650.556 quyền mua (tương đương 45.825.278 cổ phiếu) (10/11/2021-07/12/2021), hoàn thành giao dịch ngày 03/12/2021-06/12/2021 (*).
2	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Nguyễn Hồng Văn—TV HĐQT và Ông Trần Quốc Tú—TV HĐQT	72.975.180	23,86	105.772.520	23,07	Đăng ký bán 10.475.180 cổ phiếu (05/10/2021-03/11/2021), không thực hiện giao dịch. Đăng ký bán 10.475.180 cổ phiếu (07/12/2021-05/01/2022), không thực hiện giao dịch.Đăng ký và thực hiện giao dịch mua 32.797.340 cổ phiếu vào ngày 16/12/2021 (**).
3	Công ty Cổ phần Cộng Hường	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc—Trưởng Ban Kiểm soát	691.030	0,23	570.045	0,12	Đăng ký bán 200.000 cổ phiếu (25/12/2020-22/01/2021), giao dịch 191.000 cổ phiếu. Đăng ký bán 200.000 cổ phiếu (24/05/2021-22/06/2021), giao dịch 120.000 cổ phiếu Đăng ký mua 380.030 quyền mua (tương đương 190.015 cổ phiếu) (30/11/2021-07/12/2021), hoàn thành giao dịch ngày 30/11/2021 (*).
4	Công ty Cổ phần Phi Thuyền Đầu tư	Tổ chức có liên quan đến người nội bộ Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc— Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	0	0	Đăng ký bán 350.000 cổ phiếu (25/12/2020-22/01/2021), không thực hiện giao dịch.
5	Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Trưởng Ban Kiểm soát	460.000	0,15	375.000	0,08	Đăng ký bán 160.000 cổ phiếu (25/12/2020-25/01/2021), giao dịch 110.000 cổ phiếu. Đăng ký mua 200.000 cổ phiếu (24/05/2021-23/06/2021), không thực hện giao dịch. Đăng ký bán 100.000 cổ phiếu (05/07/2021-03/08/2021), hoàn thành giao dịch ngày09/07/2021. Đăng ký mua 250.000 quyền mua (tương đương 125.000 cổ phiếu) (30/11/2021-17/12/2021), hoàn thành giao dịch ngày 30/11/2021 (*). Đăng ký mua 21.500 cổ phiếu (16/12/2021 - 17/12/2021), không thực hiện giao dịch (**).
6	Ông Johan Nyvene	Chủ tịch HĐQT	1.333.020	0,44	1.575.030	0,34	Giao dịch bán 40.000 cổ phiếu (03/03/2021- 13/4/2021) Đăng ký bán 300.000 cổ phiếu (23/4/2021-21/5/2021) không thực hiện giao dịch. Đăng ký bán 300.000 cổ phiếu (06/5/2021-04/6/2021), giao dịch 243.000 cổ phiếu Đăng ký mua 1.050.020 quyền mua (tương đương 525.010 cổ phiếu) (30/11/2021 -07/12/2021), hoàn thành giao dịch ngày 06/12/2021 (*). Đăng ký mua 32.000 cổ phiếu (16/12/2021-17/12/2021), không thực hiện giao dịch (**).
7	Ông Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	102.592	0,03	153.888	0,03	Đăng ký mua 102.592 quyền mua (tương đương 51.296 cổ phiếu) (ngày 30/11/2021-07/12/2021), hoàn thành giao dịch ngày 30/11/2021 (*).
8	Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên HĐQT	0	0	0	0	Đăng ký mua 32.000 cổ phiếu (16/12/2021-17/12/2021), không thực hiện giao dịch (**).

VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

CÁC GIAO DỊCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu, quyền mua HCM của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

STT	Tổ chức/ cá nhân	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
9	Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc	943.351	0,31	1.543.526	0,34	Đăng ký mua 943.351 quyền mua (tương đương 471.675 cổ phiếu) (30/11/2021-07/12/2021), hoàn thành giao dịch ngày 06/12/2021 (*). Đăng ký mua 161.500 cổ phiếu (16/12/2021-17/12/2021), giao dịch 128.500 cổ phiếu ngày 16/12/2021 (**).
10	Ông Lâm Hữu Hổ	Giám đốc Tài chính/ Kế toán trưởng	478.789	0,16	769.683	0,17	Đăng ký mua 478.789 quyền mua (tương đương 239.394 cổ phiếu) (30/11/2021-07/12/2021), hoàn thành ngày 01/12/2021 (*). Đăng ký mua 61.500 cổ phiếu (16/12/2021-17/12/2021), hoàn thành giao dịch 51.500 cổ phiếu ngày 16/12/2021 (**).
11	Ông Lê Anh Quân	Người được ủy quyền công bố thông tin	196.800	0,06	337.700	0,07	Đăng ký mua 196.800 quyền mua (tương đương 98.400 cổ phiếu) (30/11/2021-07/12/2021) , hoàn thành giao dịch ngày 03/12/2021 (*). Đăng ký mua 61.500 cổ phiếu (16/12/2021-17/12/2021), hoàn thành giao dịch 51.500 cổ phiếu ngày 16/12/2021 (**).
12	Bà Thân Thị Thu Dung	Người phụ trách quản trị công ty/ Thư ký công ty	60.345	0,02	99.017	0,02	Đăng ký mua 60.345 quyền mua (tương đương 30.172 cổ phiếu) (30/11/2021-07/12/2021), hoàn thành giao dịch ngày 30/11/2021 (*). Đăng ký mua 10.500 cổ phiếu (16/12/2021-17/12/2021), giao dịch 8.500 cổ phiếu ngày 16/12/2021 (**).

Ghi chú:
(*) Thực hiện quyền mua trong đợt phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 186/GCN-UBCK ngày 22/09/2021.
(**) Thực hiện giao dịch theo Danh sách nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu trong đợt phát hành chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng số 186/GCN-UBCK ngày 22/09/2021

Giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty

Trong năm 2021, HSC thực hiện giao dịch với tổ chức có liên quan với vai trò là tổ chức tạo lập thị trường cho Quỹ DCVFMVN30 và DCVFMVN DIAMOND được quản lý bởi DCVFM. Cụ thể như sau:

STT	Tổ chức	Quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH	Địa chỉ	Thời gian giao dịch với Công ty	Tên CCQ	Nội dung			
							Số đầu kỳ (01/01/2021)		Số cuối kỳ (31/12/2021)	
							Số lượng	Giá trị mệnh giá	Số lượng	Giá trị mệnh giá
1	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM)	Tổ chức có liên quan	45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009	Tầng 17, Mê Linh Point, Số 2 Ngõ Đức Kế, quận 1, Tp.HCM	Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021	DCVFMVN30	602.720	6.027.200.000	1.463.770	14.637.700.000
						DCVFMVN DIAMOND	133.141	1.331.410.000	2.401.476	24.014.760.000

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Năm 2021, Ban Kiểm Soát (“BKS”) đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ HSC, Quy chế quản trị về tổ chức và hoạt động của BKS, góp phần cùng Ban Điều hành (“BDH”) HSC triển khai kế hoạch kinh doanh và các nội dung liên quan được Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua. BKS bao gồm 3 (ba) thành viên, trong đó có 1 (một) thành viên độc lập đồng thời là Trưởng BKS, với tư cách là đại diện cổ đông tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại HSC. Trong năm 2021, hoạt động của BKS bao gồm:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020
- Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2021
- Giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2021

Giám sát hoạt động của HĐQT và tình hình thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020

Trong năm 2021, HĐQT tổ chức năm mươi hai (“52”) cuộc họp trong đó có ba mươi hai (“32”) cuộc họp tập trung/ trực tuyến và hai mươi (“20”) cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Tại các cuộc họp, BKS đã nắm bắt tình hình hoạt động thực tế của HSC và đóng góp ý kiến cùng với HĐQT, BDH trong việc thúc đẩy các mục tiêu đã được phê duyệt vào ĐHĐCĐ năm 2020.

Các vấn đề trọng tâm được bàn bạc trong các cuộc họp HĐQT bao gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cả năm 2020 và hàng quý trong năm 2021.
- Thông qua toàn bộ các vấn đề liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020.
- Thông qua chủ trương/ phương án/ kết quả của việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn cổ phần.
- Nhận đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2016 – 2020) và bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ V (2021 – 2025).
- Thông qua cơ cấu và quy chế hoạt động của Tiểu ban Quản trị rủi ro/ Tiểu ban Kiểm toán/ Tiểu ban Nhân sự - Lương thưởng.
- Thông qua thay đổi Người đại diện Chi nhánh Hà Nội/ thay đổi địa điểm Phòng Giao dịch Hoàn Kiếm và Chi nhánh Hà Nội.
- Phương án sử dụng vốn trong từng mảng hoạt động

và nhu cầu vốn trong các năm tới, đề xuất vay vốn tại ngân hàng.

- Thông qua việc phát hành các chứng quyền trong năm 2021.
- Thông qua việc tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền với tỷ lệ 5%.
- Thông qua các đợt đóng góp Quỹ vaccine phòng, chống Covid-19 của Chính phủ Việt Nam và đóng góp ủng hộ ngành y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Các ý kiến đóng góp của BKS với tư cách giám sát viên và đại diện của cổ đông đều được tôn trọng và cân nhắc trong các quyết định của HĐQT.

Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2021

Năm 2021, cùng các thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán (TBKT), BKS đã tham dự hai buổi họp giữa niên độ và kết thúc niên độ với Kiểm toán độc lập của HSC - Công ty TNHH PwC (Việt Nam) để trao đổi về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán, và các vấn đề được nêu trong Thư quản lý. Theo đó, các hoạt động của HSC rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính, cũng như quy trình hoạt động.

Trong năm, PwC cung cấp dịch vụ kiểm toán cho HSC, với tổng chi phí kiểm toán là 1.005.400.000 Việt Nam đồng (Một tỷ năm triệu bốn trăm ngàn đồng) (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng). Ngoài ra, trong năm 2021, PwC còn phát hành Báo cáo vốn đầu tư của chủ sở hữu khi Công ty hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 186/GCN-UBCK ngày 22/09/2021 với phí dịch vụ là 49.500.000 Việt Nam đồng (Bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng). Ngoài các dịch vụ cung cấp nêu trên, PwC không cung cấp thêm bất kỳ dịch vụ tư vấn nào khác.

Ngoài ra, BKS đã tiến hành phân tích Báo cáo tài chính hàng quý/ cuối năm tài chính, Báo cáo soát xét tỷ lệ vốn khả dụng. Về mặt an toàn tài chính, HSC đạt tiêu chuẩn cao về tính thanh khoản và các tỷ lệ liên quan đến cơ cấu vốn. Tỷ lệ an toàn tài chính của HSC theo quy định của Bộ Tài Chính vào cuối tháng 12/2021 đạt 707% (tại ngày 31/12/2020 là 658%), cao hơn 3,9 lần so với yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ở mức 180%.

Về kết quả kinh doanh, doanh thu của HSC năm 2021 đạt 3.368 tỷ đồng, tăng 112% so với năm 2020 và đạt 126% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 1.147 tỷ đồng, tăng 116% so với năm 2020 và đạt 119% kế hoạch.

Đây có thể nói là là kết quả hoạt động kinh doanh thành công nhất của HSC trong suốt chặng đường hơn 18 năm hoạt động. BKS đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành và toàn thể nhân viên Công ty đã đồng lòng và nỗ lực thực hiện mục tiêu kế hoạch đề ra. Đặc biệt, đây lại là năm diễn biến dịch bệnh Covid trở nên phức tạp và giãn cách xã hội kéo dài. Góp phần lớn vào một năm hoạt động kinh doanh thành công của HSC, có thể tính đến sự thuận lợi đến từ thị trường chứng khoán và sự tham gia các nhà đầu tư mới. Trong năm, thanh khoản thị trường trung bình đạt đến 26.654 tỷ đồng/ngày, tăng hơn 3,6 so với năm 2020. Số lượng NĐT cá nhân trong nước mở mới năm 2021 là 1.532.637 tài khoản gấp rưỡi tổng số tài khoản mở mới trong 4 năm 2017 – 2020 (tổng 4 năm đạt được là 1.039.490 tài khoản).

BKS ghi nhận sự tăng trưởng đồng đều ở hầu hết các mảng kinh doanh của HSC. Cụ thể như sau:

- Doanh thu phí môi giới đạt 1.390 tỷ đồng, tăng 759 tỷ đồng tương đương tăng 120% so với năm 2020 và chiếm 41% tổng doanh thu của HSC.
 - Trong đó: phí môi giới chứng khoán cơ sở đạt 1.331 tỷ đồng, tăng 127% và phí môi giới phái sinh đạt 59 tỷ đồng, tăng 35%.
- Doanh thu từ các hoạt động cho vay ký quỹ đạt 1.179 tỷ đồng, tăng 629 tỷ đồng tương đương tăng 114% so với cùng kỳ và chiếm 35% tổng doanh thu của HSC.
 - Lãi suất cho vay margin trung bình giảm 5% xuống mức 10,1%/năm so với mức 10,7%/năm trong năm 2020. Mức giảm lãi suất cho vay margin nằm trong kế hoạch năm 2021 của HSC nhằm tăng sức cạnh tranh của mảng kinh doanh cho vay margin.
 - HSC, nằm trong nhóm năm (05) Công ty Chứng khoán (CTCK) có dư nợ cho vay lớn nhất thị trường vào thời điểm cuối năm 2021, vẫn tiếp tục đi theo định hướng cho vay an toàn với rủi ro cổ phiếu tốt, có tính thanh khoản cao, có vốn hóa lớn.
 - Do tiến độ thực hiện đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng không đạt được như kế hoạch, điều này đã có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cho vay ký quỹ của HSC bởi các yêu cầu hạn chế về vốn chủ sở hữu cho hoạt động kinh doanh này (trong khi nhu cầu của khách hàng thì rất lớn).
- Hoạt động đầu tư tự doanh đạt doanh thu ấn tượng với 722 tỷ đồng với tỷ suất sinh lời bình quân đạt 31%/năm, tăng 353 tỷ đồng tương đương tăng 95% so với năm 2020 và đóng góp 21,4% vào tổng doanh thu của HSC.

- Doanh thu từ mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 47 tỷ đồng, tăng 9 tỷ đồng tương đương tăng 23% so với năm 2020.
 - Năm 2021, HSC ghi nhận nguồn doanh thu từ khoản phí tư vấn thành công các thương vụ ngành ngân hàng, bất động sản và tài chính.

Tổng chi phí hoạt động trong năm của HSC tăng 32% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu là do doanh thu năm tăng 26% so với kế hoạch dẫn đến các khoản chi phí đi kèm doanh thu cũng phát sinh tăng tương đương.

BDH nhận định rõ, việc đẩy mạnh chiến lược định vị thương hiệu ngày càng trở nên quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của HSC trong việc phát triển các khách hàng mục tiêu của tất cả các khối. Năm 2021, HSC đã tiến hành các hoạt động lấy khách hàng là trọng tâm như sau:

- Hoàn tất hệ thống văn phòng mới đáp ứng yêu cầu phục vụ khách hàng tập trung tại Tòa nhà AB ở HCM và Red River ở Hà Nội vào Quý 1/2021.
- Giới thiệu với khách hàng và đưa vào hoạt động myhsc phiên bản 3.0, nền tảng số đầu tiên của HSC, vào đầu tháng 4/2021.
- Khối Khách hàng Cá nhân:
 - Xây dựng và tổ chức thành công chuỗi sự kiện C2C để phục vụ khách hàng hiện tại và phát triển khách hàng mới, bao gồm Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB), Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM (HDB), Công ty CP Cơ điện lạnh (REE), công ty cổ phần Vinhomes (VHM).
 - Xây dựng và tổ chức lại Phương thức phục vụ thông tin tư vấn và nhận định thị trường theo theo phân khúc khách hàng.
- Khối Khách hàng Tổ chức:
 - Tổ chức hội thảo trực tuyến, kết hợp với với Goldman Sachs.
 - Tổ chức hội thảo thường niên trực tuyến Emerging Vietnam.

Thị phần chứng khoán cơ sở của HSC ở mức 6,6% trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX). Thị phần sản phẩm phái sinh chiếm 15,4% trên Sở Giao dịch Phái sinh Việt Nam (HNX). BKS khuyến nghị HSC cần đẩy mạnh số hóa toàn bộ hoạt động vận hành của Công ty gắn liền với hoạt động kinh doanh hiện tại giúp Công ty đạt được mục tiêu thị phần kế hoạch cũng như mục tiêu tăng trưởng trong tương lai.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020
1	Tỷ lệ an toàn tài chính	707%	658%
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
a	Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,4	1,5
b	Hệ số Nợ so với Tổng tài sản (lần)	0,7	0,6
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
a	Hệ số vốn chủ sở hữu so với Tổng nguồn vốn (lần)	0,3	0,4
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
a	ROAE (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu)	23,8%	12,1%
b	ROAA (Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	6,2%	5,3%

Giám sát hoạt động Kiểm toán nội bộ năm 2021

Đối với riêng hoạt động Kiểm toán nội bộ (KTNB), BKS đặt ra các yêu cầu về việc cập nhật và xây dựng Bộ khung quy chế và quy trình hoạt động KTNB nhằm phù hợp với thực tiễn vận hành kinh doanh hiện tại của HSC và quy định mới của pháp luật Việt Nam cũng như áp dụng các thông lệ quốc tế về KTNB. BKS ghi nhận

Bộ khung quy chế và quy trình này đã được TBKT trực thuộc HĐQT phê duyệt và bắt đầu hiệu lực thực hiện từ đầu năm 2022.

Trong năm 2021, bộ phận KTNB đã phát hành các báo cáo kiểm toán sau:

STT	Quy trình kiểm toán
1	Báo cáo hoạt động Phòng chống rửa tiền
2	Rà soát Mô hình hoạt động của Phòng Tài chính Kế toán và Phòng Quản lý Nguồn vốn (FTOM)
a	Theo dõi tiến độ thực hiện các phát hiện kiểm toán cho các báo cáo kiểm toán đã phát hành

Nhận định mô hình hoạt động tài chính của HSC đang cần có các cập nhật và đánh giá các rủi ro có thể cản trở việc đạt được mục tiêu đề ra cũng như đánh giá tính hiệu quả của quy trình nghiệp vụ hiện hành so với chiến lược kinh doanh, thông lệ tiên tiến trong ngành. Mô hình FTOM đã được tiến hành rà soát lần đầu. Mục tiêu của dự án kiểm toán là nhằm cung cấp cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành đánh giá độc lập về quản trị rủi ro và kiểm soát trong hoạt động tài chính kế toán bao gồm: cơ cấu quản trị, kiểm soát chi phí (bao gồm chi phí hoạt động và chi phí tài chính), quản lý dòng tiền và nguồn vốn, lập kế hoạch, ngân sách và dự báo tài chính, và lập báo cáo quản trị tài chính kế toán. Công ty TNHH KPMG Việt Nam (“KPMG”) tiếp tục là đơn vị đồng kiểm toán độc lập đồng hành cùng bộ phận KTNB trong việc thực hiện các dự án kiểm toán mang tính chuyên biệt và cần các ý kiến chuyên môn cao của các chuyên gia.

Trong năm, KPMG chỉ cung cấp dịch vụ đồng kiểm toán nội bộ cho HSC và không bao gồm bất kỳ dịch vụ tư vấn nào khác, với tổng chi phí đồng kiểm toán nội bộ là 1.081.176.250 Việt Nam đồng (Một tỷ tám mươi mốt triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) (đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng).

BKS ghi nhận không có phát hiện ở mức nghiêm trọng đối với đợt Rà soát Mô hình hoạt động của Phòng Tài chính Kế toán và Phòng Quản lý Nguồn vốn. Tuy nhiên, BKS cho rằng HSC đang thiếu nguồn lực cần thiết cho hoạt động vận hành theo mô hình FTOM. Đồng thời, BKS khuyến nghị HSC nên rà soát mô hình tổ chức của chức năng Tài chính Kế toán và nâng cao Khung quản trị nguồn vốn, quản lý rủi ro tài chính đảm bảo thống nhất và kết nối với Mô hình hoạt động tổng thể (TOM – Target Operating Model) của HSC nhằm đạt được các mục tiêu về tăng trưởng và gia tăng giá trị cho cổ đông.

Trên cơ sở đánh giá của KTNB, trong năm 2021, Tổng Giám đốc đã tiến hành thiết kế lại tổng thể cơ cấu tổ chức, xây dựng lại bộ khung chức năng nhiệm vụ không chỉ riêng Phòng Tài chính Kế toán và Phòng Quản lý Nguồn vốn mà trên phạm vi toàn bộ các chức năng hoạt động của Công ty. Đồng thời, TGD đã xây dựng mới mô hình tài chính cho HSC và nhận được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị cho việc thực hiện. BKS ghi nhận các kế hoạch hành động của TGD đã được thực hiện bắt đầu từ Quý 3 năm 2021.

Thù lao của Ban Kiểm Soát trong năm 2021

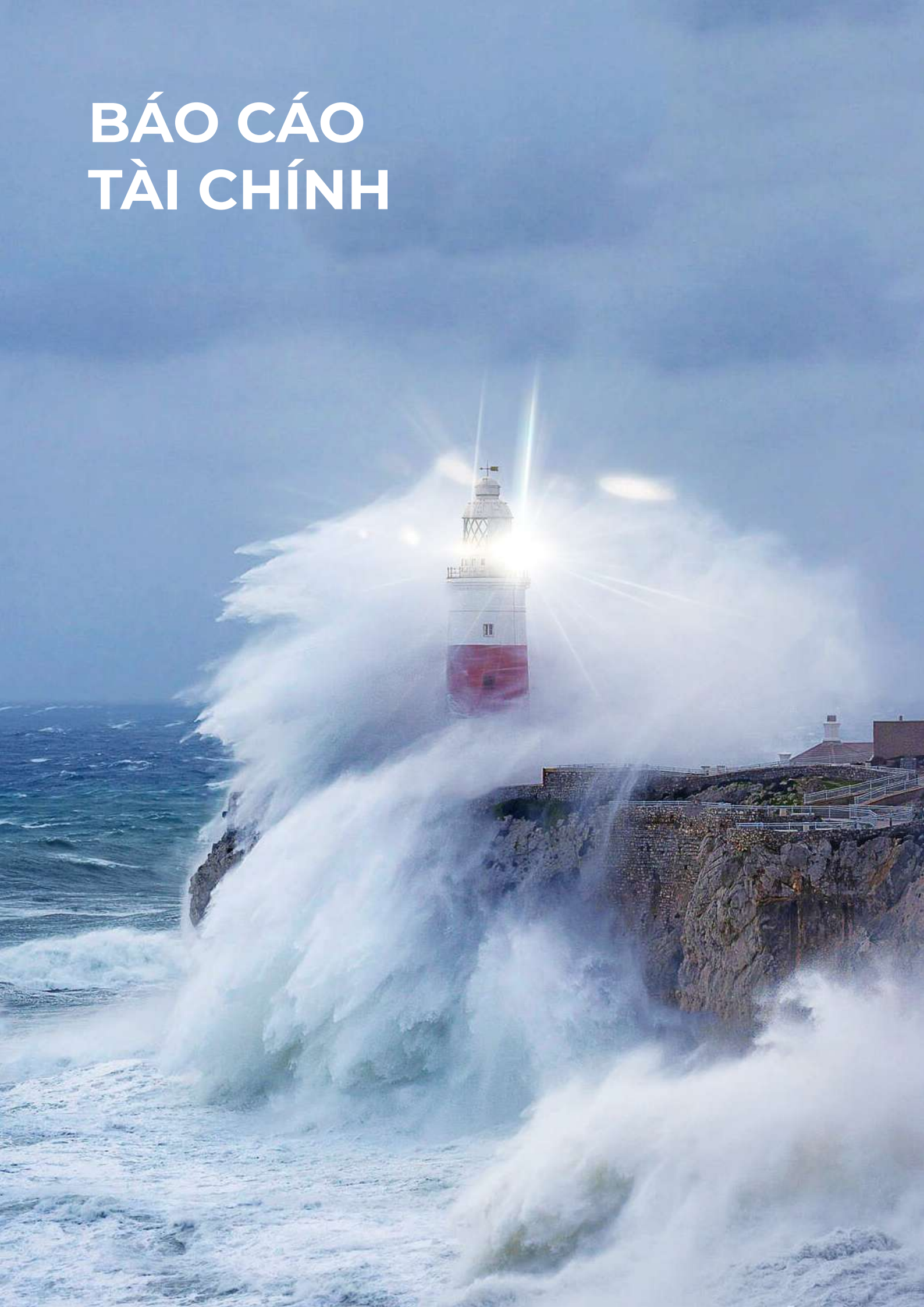
Tổng thù lao của BKS năm 2021 là 1.280.000.000 Việt Nam đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng) (đã bao gồm thuế thu nhập cá nhân). Cụ thể cho từng thành viên như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Mức thù lao theo tháng (sau thuế) (Việt Nam đồng)
1	Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Trưởng BKS (từ ngày 22/04/2021)	37.000.000
2	Dragon Capital Management Limited (Bà Đặng Nguyệt Minh)	Thành viên BKS	32.000.000
3	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP. HCM (Bà Nguyễn Thị Thu Thanh)	Thành viên BKS (từ ngày 22/04/2021)	17.000.000
4	Ông Võ Văn Châu	Trưởng BKS (đến ngày 21/04/2021)	35.000.000
5	Ông Đoàn Văn Hình	Thành viên BKS (đến ngày 21/04/2021)	6.000.000

Kế hoạch của Ban Kiểm Soát năm 2022

Trong năm 2022, BKS tiếp tục đồng hành và giám sát phòng KTNB trong việc hoàn thành các các dự án theo Kế hoạch Kiểm toán năm 2021 như sau:

STT	Quy trình kiểm toán
1	Báo cáo hoạt động Phòng chống rửa tiền
2	Dự án cung cấp dịch vụ tư vấn cho kế hoạch hành động FTOM
a	Dự án cung cấp dịch vụ đảm bảo cho các hoạt động vận hành rủi ro cao



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		
Số 4103001573 ngày 23 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.		
Giấy phép thành lập và hoạt động		
Số 11/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 4 năm 2003 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 02/GPĐC-UBCK được cấp ngày 7 tháng 1 năm 2022.		
Hội đồng Quản trị		
Ông Johan Nyvene	Chủ tịch (từ ngày 22.04.2021) Thành viên (đến ngày 21.04.2021)	
Ông Đỗ Hùng Việt	Chủ tịch (đến ngày 21.04.2021)	
Ông Lê Anh Minh	Phó chủ tịch	
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồng Văn	Thành viên (từ ngày 22.04.2021)	
Ông Trần Quốc Tú	Thành viên (từ ngày 22.04.2021)	
Ông Andrew Colin Vallis	Thành viên (từ ngày 22.04.2021)	
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan	Thành viên (từ ngày 22.04.2021)	
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên (đến ngày 21.04.2021)	
Ông Lê Thắng Căn	Thành viên (đến ngày 21.04.2021)	
Ông Lâm Hoài Anh	Thành viên (đến ngày 21.04.2021)	
Ban kiểm soát		
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Trưởng ban (từ ngày 22.04.2021)	
Ông Võ Văn Châu	Trưởng ban (đến ngày 21.04.2021)	
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thu Thanh	Thành viên (từ ngày 22.04.2021)	
Ông Đoàn Văn Hình	Thành viên (đến ngày 21.04.2021)	
Ban Điều hành		
Ông Trịnh Hoài Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Anh Quân	Giám đốc điều hành	
Ông Phạm Ngọc Bích	Giám đốc điều hành	
Ông Christopher Lawrence Hunt	Giám đốc điều hành	
Ông Stephen James McKeever	Giám đốc điều hành	
Ông Trần Tấn Đạt	Giám đốc điều hành	
Ông Nguyễn Cảnh Thịnh	Giám đốc điều hành	
Bà Nguyễn Linh Lan	Giám đốc điều hành	
Ông Lê Nguyên Bình	Giám đốc điều hành	
Ông Lâm Hữu Hồ	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	
Ông Tống Công Cường	Giám đốc điều hành (từ ngày 2.8.2021)	
Ông Bạch Quốc Vinh	Giám đốc điều hành (đến ngày 11.05.2021)	
Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật		
Ông Trịnh Hoài Giang		
Trụ sở chính		
Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB Tower Số 76 Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam		
Công ty kiểm toán		

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 98. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Điều hành



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Điều hành phê chuẩn ngày 22 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 98.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2019-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11641
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2022

Đoàn Trần Phương Thảo
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4701-2019-006-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
TÀI SẢN				
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		24.186.710.802.908	12.307.866.988.088
110	Tài sản tài chính		24.114.470.306.909	12.118.339.034.626
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	7.198.511.987.873	206.860.864.747
111.1	Tiền		7.198.511.987.873	206.860.864.747
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	3.2	2.371.663.569.220	3.061.224.600.123
114	Các khoản cho vay	3.3	13.690.097.115.046	8.623.841.531.603
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.4	-	(37.783.317.946)
118	Trả trước cho người bán		14.378.716.021	7.913.519.184
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.5	639.323.864.073	193.223.521.787
122	Các khoản phải thu khác	3.5	200.495.054.676	64.858.789.330
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	-	(1.800.474.202)
130	Tài sản ngắn hạn khác		72.240.495.999	189.527.953.462
131	Tạm ứng		727.974.286	131.200.582
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.8(a)	9.816.990.763	8.702.822.930
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		395.450.000	1.005.314.000
137	Tài sản ngắn hạn khác		61.300.080.950	179.688.615.950
137.1	Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh	3.6	61.300.080.950	179.688.615.950
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		182.392.337.809	180.960.564.999
220	Tài sản cố định		40.005.113.583	46.878.656.183
221	Tài sản cố định hữu hình	3.7(a)	28.190.853.273	26.872.243.833
222	Nguyên giá		119.732.244.928	104.576.989.289
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(91.541.391.655)	(77.704.745.456)
227	Tài sản cố định vô hình	3.7(b)	11.814.260.310	20.006.412.350
228	Nguyên giá		85.006.277.084	83.670.927.010
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(73.192.016.774)	(63.664.514.660)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.7(c)	8.483.996.599	342.334.073
250	Tài sản dài hạn khác		133.903.227.627	133.739.574.743
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		8.850.543.262	8.365.511.870
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.8(b)	93.072.701.865	94.014.062.873
253	Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.16	1.979.982.500	1.360.000.000
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.9	20.000.000.000	20.000.000.000
255	Tài sản dài hạn khác		10.000.000.000	10.000.000.000
255.1	Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh	3.10	10.000.000.000	10.000.000.000
270	TỔNG TÀI SẢN		24.369.103.140.717	12.488.827.553.087

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 98 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		17.043.850.217.927	8.048.473.021.702
310	Nợ phải trả ngắn hạn		17.043.850.217.927	8.048.473.021.702
311	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		15.039.870.130.242	6.716.571.061.080
312	Vay ngắn hạn	3.11	15.039.870.130.242	6.716.571.061.080
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.12	1.461.564.263.853	935.296.094.913
320	Phải trả người bán ngắn hạn		1.551.194.104	5.104.995.817
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.13	118.960.709.302	67.013.629.923
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		6.137.000.317	4.769.951.100
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.14	194.292.714.722	114.864.843.601
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.15	195.643.770.048	178.832.707.535
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		25.830.435.339	26.019.737.733
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		7.325.252.922.790	4.440.354.531.385
410	Vốn chủ sở hữu		7.325.252.922.790	4.440.354.531.385
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.535.583.100.992	3.405.291.244.992
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu	7.1	4.580.523.670.000	3.058.822.630.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.580.523.670.000	3.058.822.630.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		967.536.880.000	358.946.064.000
411.5	Cổ phiếu quỹ		(12.477.449.008)	(12.477.449.008)
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		277.696.843.214	177.907.588.627
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		277.696.843.214	177.907.588.627
416	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		3.961.374.994	3.961.374.994
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.18	1.230.314.760.376	675.286.734.145
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		1.133.223.368.908	647.641.022.448
417.2	Lợi nhuận chưa thực hiện		97.091.391.468	27.645.711.697
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		24.369.103.140.717	12.488.827.553.087

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
			Theo giá trị (VND)	
004	Nợ khó đòi đã xử lý		39.928.851.148	345.059.000
			Theo nguyên tệ	
005	Ngoại tệ các loại			
	Đô la Mỹ		1.933,03	1.880,68
	Yên Nhật		241.915	241.915
	Đô la Singapore		844	844
	Bảng Anh		6.654,01	7.146,28
	Đô la Đài Loan		3.200	3.200
	Đô la Canada		100	100
	Ringgit Malaysia		750	750
			Theo số lượng	
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4.1(a)	457.211.949	305.041.845
007	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	4.1(b)	840.418	840.418
			Theo mệnh giá (VND)	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của công ty chứng khoán		1.534.001.710.000	993.631.923.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>334.001.710.000</i>	<i>937.631.923.000</i>
	<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>		<i>1.200.000.000.000</i>	<i>56.000.000.000</i>
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		3.150.750.000	23.150.020.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>3.150.750.000</i>	<i>23.150.020.000</i>
010	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán		38.050.920.000	51.825.101.000
	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>		<i>38.050.920.000</i>	<i>51.825.101.000</i>
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán		-	3.340.840.000
	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>-</i>	<i>3.340.840.000</i>
			Theo số lượng	
014	Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành	4.2	125.119.700	41.100.990

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
	Theo mệnh giá (VND)			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư		29.233.137.338.247	29.055.917.558.453
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		26.729.328.284.000	26.490.060.452.700
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		77.797.610.000	222.878.360.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		1.367.875.900.000	1.072.686.420.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		102.406.820.000	175.105.240.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		665.069.237.000	768.765.870.100
021.7	Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư		290.659.487.247	326.421.215.653
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư		90.528.440.000	226.132.240.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		43.018.500.000	212.693.340.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		47.509.940.000	13.438.900.000
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		752.891.009.000	685.071.278.200
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của nhà đầu tư		5.500.000.000	5.500.000.000
026	Tiền gửi của khách hàng		2.567.360.017.939	2.426.782.571.627
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.276.700.530.692	2.100.361.355.974
027.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		290.659.487.247	326.421.215.653
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.276.700.530.692	2.100.361.355.974
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.250.847.001.197	2.089.526.776.741
031.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		25.853.529.495	10.834.579.233



Lê Thị Thùy Dương
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
Kiểm Kế toán trưởng



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
	DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		1.816.405.892.159	1.027.171.623.991
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	1.512.892.400.808	719.339.277.788
01.2	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	(94.368.025.555)	104.750.184.619
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.3	302.261.585.535	208.294.399.010
01.4	Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	95.619.931.371	(5.212.237.426)
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		1.178.676.110.277	549.942.893.189
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.390.496.531.451	621.464.464.968
07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		5.500.000.000	-
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		8.575.387.729	7.575.701.973
10	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính		41.050.757.392	37.741.467.445
11	Thu nhập hoạt động khác		19.408.158.804	4.009.821.108
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		4.460.112.837.812	2.247.905.972.674
	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(1.094.396.956.075)	(657.783.171.656)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1	(1.162.590.730.033)	(614.662.557.597)
21.2	Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.2	2.361.682.301	27.738.629.141
21.4	Chênh lệch tăng đánh do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	5.2	65.832.091.657	(70.859.243.200)
24	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	5.4	(747.190.551.120)	(207.049.930.074)
26	Chi phí hoạt động tự doanh	5.5	(91.924.223.288)	(56.313.185.768)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.5	(766.756.414.595)	(420.110.183.582)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.5	(8.909.326.503)	(7.961.207.512)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	5.5	(21.786.770.977)	(20.203.733.179)
32	Chi phí các dịch vụ khác	5.5	(4.456.527.541)	(3.594.143.138)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(2.735.420.770.099)	(1.373.015.554.909)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2.367.957.861	1.610.698.997
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		2.367.957.861	1.610.698.997
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.6	(296.812.554.290)	(216.286.598.477)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.430.247.471.284	660.214.518.285
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		87.846.363	90.917.424
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		87.846.363	90.917.424
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.430.335.317.647	660.305.435.709
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.360.889.637.873	603.888.102.575
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		69.445.679.774	56.417.333.134
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.7	(283.272.936.560)	(129.853.741.544)
100.1	Chi phí thuế TNDN - hiện hành		(283.892.919.060)	(130.933.357.560)
100.2	Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại		619.982.500	1.079.616.016
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.147.062.381.087	530.451.694.165
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		-	-
500	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	3.685	1.677
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	5.8	3.685	1.677



Lê Thị Thùy Dương
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
Kiêm Kế toán trưởng



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03b – CTCK

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		1.430.335.317.647	660.305.435.709
02	Điều chỉnh cho các khoản:		573.274.232.416	171.530.263.399
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		24.220.188.553	27.937.372.890
06	Chi phí lãi vay	5.4	747.190.551.120	207.049.930.074
07	Lãi từ hoạt động đầu tư		-	(54.708.333)
08	Dự thu tiền lãi	3.5	(198.136.507.257)	(63.402.331.232)
10	(Giảm)/tăng các chi phí phi tiền tệ		(68.193.773.958)	43.120.614.059
11	Chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch tăng về đánh giá lại phải trả chứng quyền		(68.193.773.958)	43.120.614.059
18	Tăng các doanh thu phi tiền tệ		(1.251.905.816)	(99.537.947.193)
19	Chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và chênh lệch giảm về đánh giá lại phải trả chứng quyền		(1.251.905.816)	(99.537.947.193)
30	Tổng thay đổi vốn lưu động		(5.004.635.685.459)	(5.405.968.951.106)
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính FVTPL		597.554.687.649	(1.622.581.402.055)
33	Tăng các khoản cho vay		(5.104.038.901.389)	(3.889.344.881.663)
37	(Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(446.100.342.286)	124.903.001.764
39	Giảm các khoản phải thu khác		60.102.994.005	42.168.804.287
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		69.161.618.019	38.830.135.033
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(172.806.825)	9.778.408.813
43	Thuế TNDN đã nộp	3.13	(263.260.811.150)	(119.377.759.690)
44	Lãi vay đã trả		(737.074.898.018)	(197.965.708.789)
45	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(10.018.998.550)	2.590.226.864
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.367.049.217	918.210.229
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		31.314.971.469	17.490.620.008
50	Tăng phải trả, phải nộp khác (bao gồm phải trả chứng quyền)		678.016.384.792	358.127.931.136
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		118.513.367.608	-
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(171.506.537.043)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.070.471.815.170)	(4.630.550.585.132)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(25.488.308.479)	(23.145.130.826)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	498.300.000
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(25.488.308.479)	(22.646.830.826)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03b – CTCK

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	7.1(iii)	2.130.291.856.000	-
72	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(4.150.370.000)
73.2	<i>Tiền vay khác</i>	3.11	127.794.031.447.296	37.610.473.840.008
74.3	<i>Tiền chi trả nợ gốc vay khác</i>	3.11	(119.470.732.378.134)	(33.287.630.014.183)
76	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	3.15	(365.979.678.387)	(365.178.401.492)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		10.087.611.246.775	3.953.515.054.333
90	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		6.991.651.123.126	(699.682.361.625)
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		206.860.864.747	906.543.226.372
101.1	Tiền	3.1	206.860.864.747	906.543.226.372
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		7.198.511.987.873	206.860.864.747
103.1	<i>Tiền</i>	3.1	7.198.511.987.873	206.860.864.747

Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền được trình bày tại Thuyết minh 6.1.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03b – CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		296.767.448.913.962	109.044.199.307.146
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(295.884.250.997.606)	(113.641.108.393.057)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		-	5.963.407.425.623
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(698.283.353.909)	-
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(8.575.387.729)	(7.575.701.973)
20	Tăng tiền thuần trong năm		176.339.174.718	1.358.922.637.739
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		2.100.361.355.974	741.438.718.235
31	Tiền gửi ngân hàng		2.100.361.355.974	741.438.718.235
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.100.361.355.974	741.438.718.235
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		2.276.700.530.692	2.100.361.355.974
41	Tiền gửi ngân hàng		2.276.700.530.692	2.100.361.355.974
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		2.276.700.530.692	2.100.361.355.974


Lê Thị Thùy Dương
Người lập


Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
Kiêm Kế toán trưởng

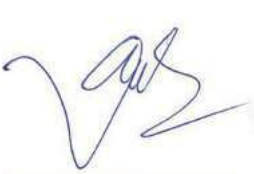

Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG
VỐN CHỦ SỞ HỮU

Mẫu số B04 – CTCK

CHỈ TIÊU	TẠI NGÀY		TRONG NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020		TRONG NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021		TẠI NGÀY	
	1.1.2020 VND	1.1.2021 VND	TĂNG VND	GIẢM VND	TĂNG VND	GIẢM VND	31.12.2020 VND	31.12.2021 VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.411.931.836.992	3.405.291.244.992	(6.640.592.000)	-	2.130.291.856.000	-	3.405.291.244.992	5.535.583.100.992
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	3.058.822.630.000	3.058.822.630.000	-	-	1.521.701.040.000	-	3.058.822.630.000	4.580.523.670.000
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	358.946.064.000	358.946.064.000	-	-	608.590.816.000	-	358.946.064.000	967.536.880.000
1.3 Cổ phiếu quỹ	(5.836.857.008)	(12.477.449.008)	(6.640.592.000)	-	-	-	(12.477.449.008)	(12.477.449.008)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	151.385.003.919	177.907.588.627	26.522.584.708	-	99.789.254.587	-	177.907.588.627	277.696.843.214
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	151.385.003.919	177.907.588.627	26.522.584.708	-	99.789.254.587	-	177.907.588.627	277.696.843.214
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	3.961.374.994	3.961.374.994	-	-	-	-	3.961.374.994	3.961.374.994
5. Lợi nhuận chưa phân phối	585.479.819.315	675.286.734.145	530.451.694.165	(440.644.779.335)	1.147.062.381.087	(592.034.354.856)	675.286.734.145	1.230.314.760.376
5.1 Lợi nhuận đã thực hiện	614.251.440.752	647.641.022.448	474.034.361.031	(440.644.779.335)	1.077.616.701.316	(592.034.354.856)	647.641.022.448	1.133.223.368.908
5.2 (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(28.771.621.437)	27.645.711.697	56.417.333.134	-	69.445.679.771	-	27.645.711.697	97.091.391.468
Tổng cộng	4.304.143.039.139	4.440.354.531.385	576.856.271.581	(440.644.779.335)	3.476.932.746.261	(592.034.354.856)	4.440.354.531.385	7.325.252.922.790


Lê Thị Thùy Dương
Người lập


Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
Kiểm Kế toán trưởng


Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

1 THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Thành lập và niêm yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 4 năm 2003 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 11/UB-CK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) cấp ngày 29 tháng 4 năm 2003. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 02/GPĐC-UBCK được cấp ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 27/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 4 năm 2009 với mã chứng khoán là HCM.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12, Tòa nhà AB Tower, Số 76A Đường Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:
Email: info@hsc.com.vn
Điện thoại: (+84 28) 3823 3299

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất ngày 22 tháng 4 năm 2021.

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 635 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 666 nhân viên).

Quy mô vốn

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021 (“NGÀY BÁO CÁO”)	
Vốn điều lệ của Công ty	4.580.523.670.000
Tổng vốn chủ sở hữu	7.325.252.922.790
Tổng tài sản	24.369.103.140.717

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Là một công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty hoạt động với mục tiêu đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

Cấu trúc của Công ty và lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 chi nhánh và 1 phòng giao dịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, cho vay ký quỹ, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm 2021, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 116% so với năm 2020. Trong đó:

- Doanh thu môi giới chứng khoán tăng 124% chủ yếu do giá trị giao dịch cổ phiếu toàn thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2021 tăng hơn 227% trong khi thị phần môi giới của Công ty trong năm 2021 có sự suy giảm;
- Doanh thu cho vay ký quỹ tăng 114% so với năm 2020 do thanh khoản của thị trường tích cực nên nhu cầu vay ký quỹ của nhà đầu tư cũng ở mức cao;
- Thu nhập tự doanh (bao gồm lãi bán chứng khoán, tiền lãi và cổ tức nhận được, và kết quả thuần từ đánh giá lại tài sản tài chính cuối năm) tăng 95% chủ yếu do tình hình thị trường tích cực cho việc đầu tư;
- Chi phí hoạt động, loại trừ lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL và chi phí lãi vay, tăng 76% theo xu hướng tăng của doanh thu;
- Chi phí lãi vay ngân hàng tăng 261% so với năm 2020 do Công ty huy động thêm vốn vay ngắn hạn trong năm 2021 để bổ sung nguồn vốn lưu động trong năm;
- Chi phí quản lý tăng 37% so với năm 2020 do có sự điều chỉnh trong cơ cấu các bộ phận hỗ trợ, phù hợp với sự vận hành của Công ty.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 (“Công văn 6190/BTC-CĐKT”) và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23/2018/TT-BTC”) do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu và việc trình bày các nợ phải trả và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.2);
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay (Thuyết minh 2.7 và Thuyết minh 3.3);

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch chứng khoán, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá giao dịch, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân viên và các chi phí kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu) và/hoặc thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo, ngoại trừ các khoản vay và nợ phải trả mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng của Công ty; tiền của Công ty đang được giữ trên tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư theo phương thức công ty chứng khoán quản lý, liên quan tới một số giao dịch đã phát sinh thời điểm cuối năm tài chính nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển khoản, chủ yếu bao gồm các giao dịch giải ngân, thu nợ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán; tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền; và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.7 Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Điều hành xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, một tài sản tài chính được xác định là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự “không thống nhất kế toán”) mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

2.7 Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (“AFS”); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

- (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
- (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

2.7 Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về ghi nhận doanh thu.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có), khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

(b) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVT-PL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

2.7 Tài sản tài chính

(d) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0).

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán ("Thông tư 91/2020/TT-BTC") (2020: Thông tư 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2017) và Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về quy chế tài chính của công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ ("Thông tư 146/2014/TT-BTC") để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

- (i)

Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM")

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo.

(ii)

Cổ phiếu khác

Các cổ phiếu khác được đánh giá lại dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày báo cáo.

(iii)

Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày báo cáo cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày báo cáo sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(iv)

Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(v)

Chứng chỉ quỹ mở/quỹ hoán đổi danh mục ("ETF")

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày báo cáo.

(vi)

Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày báo cáo.

(f) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên báo cáo tình hình tài chính. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Đối với các cam kết quá hạn, Công ty xem xét trích lập dự phòng suy giảm giá trị.

100

101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

2.10 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CKT, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu “Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL”.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu “Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định”.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu “Tài sản dài hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu “Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán”.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính ở chỉ tiêu “Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư” và “Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD”.

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Phương tiện vận chuyển 6 năm
- Thiết bị văn phòng 3 – 5 năm
- Phần mềm máy tính 3 – 4 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình hình thành nhằm phục vụ công việc kinh doanh hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là TSCĐ theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ hai (2) đến bốn mươi (40) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

2.14 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

2.15 Nợ phải trả

(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào loại nghiệp vụ phát sinh bao gồm:

- Nợ vay;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

2.17 Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên thứ ba. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

2.18 Chứng quyền có bảo đảm

Chứng quyền có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do công ty chứng khoán phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua (chứng quyền mua) hoặc được quyền bán (chứng quyền bán) chứng khoán cơ sở cho tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện. Công ty chứng khoán phát hành chứng quyền phải ký quỹ tiền, tài sản tài chính hoặc có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng lưu ký để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán với người sở hữu chứng quyền.

2.18 Chứng quyền có bảo đảm

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến chứng quyền có bảo đảm theo hướng dẫn trong Thông tư 23/2018/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành

Khi phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư, số tiền thu được hạch toán tăng phải trả chứng quyền.

Khi Công ty mua lại chứng quyền đã phát hành trong vai trò tạo lập thị trường, hoặc khi chứng quyền bị hủy niêm yết và Công ty phải thu hồi, chênh lệch dương (hoặc âm) giữa giá mua lại và giá trị ghi sổ của chứng quyền được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí trong năm phát sinh. Tiền bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư và tiền phạt trả chậm tiền cho nhà đầu tư được ghi nhận vào chi phí khác.

Cuối năm, chứng quyền có bảo đảm được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch tăng (hoặc giảm) đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm được ghi nhận vào lỗ (hoặc lãi) trong báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi (hoặc lỗ) tại ngày đáo hạn chứng quyền được hạch toán vào lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL trong báo cáo kết quả hoạt động.

Số lượng chứng quyền được phép phát hành, số lượng đã phát hành và mua lại được hạch toán và theo dõi trong tài khoản ngoại bảng. Số lượng chứng quyền tại ngày báo cáo được trình bày trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền

Chứng khoán dùng cho hoạt động phòng ngừa rủi ro đối với chứng quyền được theo dõi trong tài khoản riêng và được đánh giá lại cuối năm. Kết quả đánh giá lại được hạch toán tương tự như tài sản tài chính FVTPL.

Giao dịch tự doanh chứng quyền

Khi Công ty mua các chứng quyền của tổ chức khác phát hành để đầu tư thì Công ty hạch toán tương tự với tài sản tài chính FVTPL.

2.19 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch bán mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

2.20 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

2.21 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

2.22 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm tài chính theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày báo cáo.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.23 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ tại ngày báo cáo. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc huỷ các công cụ vốn chủ sở hữu của chính Công ty.

- Cổ phiếu quỹ mua lại trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán 2019 (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 sẽ được huỷ bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không có giao dịch mua lại cổ phiếu quỹ sau ngày 1 tháng 1 năm 2021 tính đến ngày phát hành báo cáo này.

2.23 Vốn chủ sở hữu

(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cho mỗi quỹ vào mỗi năm Công ty có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

(d) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

(e) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

2.24 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông hoặc khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

2.25 Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

2.26 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn tài chính, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đầu giá.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán

Thu nhập từ các nghiệp vụ mua lại và bán lại chứng khoán được ghi nhận theo thời hạn của hợp đồng mua lại và bán lại chứng khoán.

(e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.27 Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

2.28 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu từ hoạt động đầu tư phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng.

2.29 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

2.30 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty.

2.31 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

2.32 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.33 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc giao dịch chứng khoán và cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

2.34 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CKDT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	TẠI NGÀY	
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Tiền		
Tiền mặt tại quỹ	389.670.976	320.240.493
Tiền gửi ngân hàng	6.928.122.316.897	61.440.624.254
Trong đó:		
<i>Tiền vốn góp chưa được sử dụng (Thuyết minh 7.1(iii))</i>	459.162.760.000	-
<i>Tiền chờ chuyển (*)</i>	1.235.843.248.000	-
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (**)	270.000.000.000	145.100.000.000
Tổng cộng	7.198.511.987.873	206.860.864.747

(*) Số dư thể hiện tiền của Công ty đang được giữ trên tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư theo phương thức công ty chứng khoán quản lý, liên quan tới một số giao dịch đã phát sinh thời điểm cuối năm tài chính nhưng chưa hoàn tất thủ tục chuyển khoản, chủ yếu bao gồm các giao dịch giải ngân, thu nợ cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán.

(**) Đây là tiền gửi ký quỹ tại ngân hàng lưu ký nhằm đảm bảo thanh toán cho chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành. Tiền gửi này được phong tỏa trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết theo quy định tại Thông tư 107/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2016.

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Tại ngày 31.12.2021		Tại ngày 31.12.2020	
	Giá gốc	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý
Mã chứng khoán	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	229.331.627.871	220.305.806.086	1.094.278.046.749	1.109.899.032.848
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	17.058.487.918	102.194.797.438	111.300.903.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	16.230.143.402	119.310.637.205	125.368.053.450
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup	VIC	15.553.419.280	78.786.826.736	80.225.972.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	15.342.824.645	74.221.141.403	76.570.065.000
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	12.935.770.237	44.628.705.740	45.927.014.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	12.065.569.706	45.468.463.360	46.400.487.200
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	11.854.837.898	42.913.733.142	45.632.370.000
Công ty Cổ phần FPT	FPT	11.753.202.625	48.497.394.248	49.802.742.600
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB	11.738.240.141	-	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	10.531.194.908	87.541.184.324	86.846.368.400
Cổ phiếu khác		94.267.937.111	450.715.163.152	441.825.056.698
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	-	-	9.849.000.000	334.084.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

	Tại ngày 31.12.2021		Tại ngày 31.12.2020	
	Mã chứng khoán	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền		703.873.926.275	697.942.016.400	932.259.927.594
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB	101.687.353.317	109.259.325.000	40.248.561.855
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	MWG	71.212.966.222	71.249.652.000	87.701.560.282
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB	68.427.642.795	67.584.242.400	79.986.737.804
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB	66.926.070.527	64.529.000.000	76.509.154.400
Công ty Cổ phần FPT	FPT	67.199.823.211	64.460.625.000	91.678.991.563
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB	63.849.013.137	63.804.379.600	54.065.256.727
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup	VIC	57.341.287.278	55.066.133.400	40.060.898.932
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM	50.365.413.365	49.643.128.000	71.317.148.712
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	VNM	49.644.491.426	48.703.680.000	71.300.636.822
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	HPG	47.615.783.491	44.421.504.000	194.995.190.750
Công ty Cổ phần Vincom Retail	VRE	44.398.029.760	43.686.237.000	55.512.523.269
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	MSN	11.506.446.390	11.841.750.000	14.498.331.792
Cổ phiếu khác		3.699.605.356	3.692.360.000	54.384.934.686
Trái phiếu niêm yết		1.328.339.800.000	1.346.221.713.216	913.742.600.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID121027	1.200.000.000.000	1.213.566.491.574	-
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	VJC11912	127.339.800.000	131.620.701.094	412.994.700.000
Ngân hàng Chính sách Xã hội	BVBS18164	1.000.000.000	1.034.520.548	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	BID11908	-	-	499.747.900.000
Chứng chỉ quỹ ETF		104.817.693.592	107.194.033.518	13.788.161.044
Quỹ VFMDIAMOND ETF	FUEFVND	66.471.464.418	67.620.761.208	2.229.905.678
Quỹ ETF VFMVN30	E1VFMVN30	37.314.916.590	37.769.657.310	10.527.910.282
Quỹ MAFMVN30 ETF	FUEMAV30	1.030.345.084	1.802.500.000	1.030.345.084
Quỹ ETF SSIAMVNX50	FUESSV50	967.500	1.115.000	-
Tổng cộng		2.366.363.047.738	2.371.663.569.220	2.963.917.735.387
				3.061.224.600.123

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Thông tin chi tiết trái phiếu như sau:

	Tài sản đảm bảo	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất/năm	Mệnh giá/trái phiếu
Trái phiếu niêm yết					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BID121027	Không	28.10.2021	28.10.2029	(*)	100.000
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet - VJC11912	Không	26.07.2019	26.07.2022	(**)	100.000
Ngân hàng Chính sách Xã hội - BVBS18164	Không	14.08.2018	14.08.2023	5%	100.000

(*) Lãi suất được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 0,9%/năm. Lãi suất được xác định lại định kỳ 6 tháng/lần. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam (trả lãi sau) áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng sau đây: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ("Agribank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank"), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") – Sở Giao dịch và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Khu vực Hà Nội.

Nếu tổ chức phát hành không thực hiện mua lại trái phiếu vào ngày thực hiện quyền mua lại, lãi suất trái phiếu áp dụng cho các kỳ tính lãi trong năm thứ 6 kể từ ngày phát hành cho đến khi đáo hạn sẽ bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 2,57%/năm.

(**) Lãi suất đối với hai (02) kỳ tính lãi đầu tiên là 9,0%/năm. Lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi tiếp theo là tổng của 3,0%/năm và lãi suất tham chiếu. Lãi suất tham chiếu là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm doanh nghiệp (trả lãi sau) kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) bằng Đồng Việt Nam được công bố vào ngày xác định lãi suất bởi bốn (04) ngân hàng sau đây: BIDV, Vietinbank, Vietcombank và Argibank.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	229.331.627.871	2.967.667.498	(11.993.489.283)	220.305.806.086
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	703.873.926.275	7.986.881.696	(13.918.791.571)	697.942.016.400
Trái phiếu niêm yết	1.328.339.800.000	17.881.913.216	-	1.346.221.713.216
Chứng chỉ quỹ ETF	104.817.693.592	2.376.339.926	-	107.194.033.518
Tổng cộng	2.366.363.047.738	31.212.802.336	(25.912.280.854)	2.371.663.569.220

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.094.278.046.749	33.832.036.432	(18.211.050.333)	1.109.899.032.848
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	9.849.000.000	-	(9.514.916.000)	334.084.000
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	932.259.927.594	72.360.643.228	(547.996.822)	1.004.072.574.000
Trái phiếu niêm yết	913.742.600.000	19.061.913.518	-	932.804.513.518
Chứng chỉ quỹ ETF	13.788.161.044	326.234.713	-	14.114.395.757
Tổng cộng	2.963.917.735.387	125.580.827.891	(28.273.963.155)	3.061.224.600.123

3.3 Các khoản cho vay

	Tại ngày 31.12.2021		Tại ngày 31.12.2020	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Cho vay giao dịch chứng khoán (*)	13.690.097.115.046	-	8.623.841.531.603	37.783.317.946

(*) Số dư thể hiện các khoản của hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Trong đó, chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 55.356.391.622.480 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 33.527.912.173.430 Đồng).

3.4 Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay và các khoản phải thu

	Giá trị phải thu khó đòi			Dự phòng		
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Tại ngày đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số xử lý trong năm (**) VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu cho vay ký quỹ quá hạn (*)	37.783.317.946	-	37.783.317.946	-	(37.783.317.946)	-
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	1.145.650.000	-	1.145.650.000	-	(1.145.650.000)	-
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán khác	654.824.202	-	654.824.202	-	(654.824.202)	-
Tổng cộng	39.583.792.148	-	39.583.792.148	-	(39.583.792.148)	-

(*) Đây là phần nợ không thu hồi được từ các khoản cho vay theo hợp đồng giao dịch ký quỹ từ năm 2008 đến năm 2017 sau khi Công ty đã xử lý hết tài sản đảm bảo.

(**) Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện xóa sổ nợ khó đòi theo Biên bản xử lý ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Xử lý nợ. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ các khoản nợ này trước khi xóa sổ.

3.5 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2021		Tại ngày 31.12.2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp				
Phải thu tiền mua chứng khoán (*)	638.215.800.000	-	17.000.000.000	-
Phải thu phí dịch vụ tư vấn tài chính	247.500.000	-	1.222.650.000	1.145.650.000
Phải thu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	-	-	169.299.572.920	-
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán khác	860.564.073	-	5.701.298.867	-
	639.323.864.073	-	193.223.521.787	1.145.650.000
Các khoản phải thu khác				
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	198.136.507.257	-	63.402.331.232	-
Phải thu khác	2.358.547.419	-	1.456.458.098	654.824.202
	200.495.054.676	-	64.858.789.330	654.824.202
Tổng cộng	839.818.918.749	-	258.082.311.117	1.800.474.202

(*) Đây là các khoản phải thu tiền mua chứng khoán (cổ phiếu và trái phiếu) từ các khách hàng tổ chức. Tổng giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 638.215.800.000 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 17.000.000.000 Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

3.6 Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

3.7 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

(a) TSCĐ hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1.1.2021	4.410.223.640	100.166.765.649	104.576.989.289
Mua trong năm	-	590.906.390	590.906.390
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.7(c))	-	15.420.389.489	15.420.389.489
Thanh lý	(856.040.240)	-	(856.040.240)
Tại ngày 31.12.2021	3.554.183.400	116.178.061.528	119.732.244.928
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1.1.2021	(2.793.750.676)	(74.910.994.780)	(77.704.745.456)
Khấu hao trong năm	(401.553.334)	(14.291.133.105)	(14.692.686.439)
Thanh lý	856.040.240	-	856.040.240
Tại ngày 31.12.2021	(2.339.263.770)	(89.202.127.885)	(91.541.391.655)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1.1.2021	1.616.472.964	25.255.770.869	26.872.243.833
Tại ngày 31.12.2021	1.214.919.630	26.975.933.643	28.190.853.273

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 70.068.947.479 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 53.927.983.726 Đồng).

Công ty không có TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

3.7 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

(b) TSCĐ vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2021	83.670.927.010
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 3.7(c))	1.335.350.074
Tại ngày 31.12.2021	85.006.277.084
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2021	(63.664.514.660)
Khấu hao trong năm	(9.527.502.114)
Tại ngày 31.12.2021	(73.192.016.774)
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2021	20.006.412.350
Tại ngày 31.12.2021	11.814.260.310

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 62.186.147.563 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 38.728.471.028 Đồng).

Công ty không có TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

	Tại ngày	
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Mua phần mềm giao dịch	8.483.996.599	342.334.073

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Số dư đầu năm	342.334.073	13.597.128.282
Tăng trong năm	24.897.402.089	12.004.445.925
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 3.7(a))	(15.420.389.489)	(10.708.446.620)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 3.7(b))	(1.335.350.074)	(11.475.759.391)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(3.075.034.123)
Số dư cuối năm	8.483.996.599	342.334.073

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

3.8 Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí công nghệ thông tin	8.746.652.848	6.347.644.735
Chi phí thuê văn phòng	-	1.635.095.768
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.070.337.915	720.082.427
Tổng cộng	9.816.990.763	8.702.822.930

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Chi phí thuê trụ sở văn phòng	81.205.244.065	84.037.985.137
Chi phí cải tạo văn phòng	10.713.626.279	9.390.231.427
Chi phí tư vấn	737.916.666	474.504.000
Chi phí công nghệ thông tin	415.914.855	111.342.309
Tổng cộng	93.072.701.865	94.014.062.873

3.9 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã nộp đủ mức đóng góp tối đa.

3.10 Tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh

Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

3.11 Các khoản vay

Biến động các khoản vay trong năm như sau:

	Lãi suất %/năm	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngắn hạn					
Vay ngân hàng trong nước	3,0 – 8,1	5.396.800.000.000	83.215.200.000.000	(79.383.000.000.000)	9.229.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài (*),(**)	Li-BOR+2-2,3	1.158.830.000.000	4.174.687.250.000	(1.158.830.000.000)	4.174.687.250.000
Vay bên thứ ba	6,1 – 7,0	-	2.955.000.000.000	(2.060.000.000.000)	895.000.000.000
Vay thấu chi ngân hàng	5,1 – 9,2	160.941.061.080	37.449.144.197.296	(36.868.902.378.134)	741.182.880.242
Tổng cộng		6.716.571.061.080	127.794.031.447.296	(119.470.732.378.134)	15.039.870.130.242

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn từ 1 tháng đến 364 ngày nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

(*) Lãi suất vay được thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên từ 2 – 2,3%/năm. Lãi suất tham chiếu là lãi suất vay liên ngân hàng London (“LIBOR”) áp dụng cho đồng Đô la Mỹ (“USD”) cùng kỳ hạn được niêm yết vào 10:00 sáng (giờ London) ngày tính lãi. Trường hợp không có lãi suất LIBOR áp dụng cho USD cùng kỳ hạn khoản vay, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất LIBOR áp dụng cho USD quy đổi về cùng kỳ hạn khoản vay cùng thời điểm nêu trên (“lãi suất quy đổi”). Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

(**) Các khoản vay nước ngoài có nguyên tệ là đồng Đô la Mỹ. Công ty đã thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá 50% dư nợ đi vay thông qua hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền với các ngân hàng thương mại trong nước. Kỳ hạn hoán đổi tương đương kỳ hạn của khoản vay.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản vay nào từ các bên liên quan hay bị quá hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

3.12 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày	
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với các sở giao dịch chứng khoán	1.235.843.248.000	-
Phải trả chứng quyền có bảo đảm (Thuyết minh 5.2)	142.179.229.746	311.922.070.959
Phải trả hoạt động giao dịch trái phiếu	37.760.957.287	422.227.641.347
Phải trả nhà đầu tư tiền mua cổ phiếu	22.697.129.093	174.815.723.707
Phải trả cho các sở giao dịch chứng khoán và VSD	21.754.174.480	16.794.928.434
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1.329.525.247	9.535.730.466
Tổng cộng	1.461.564.263.853	935.296.094.913

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản phải trả nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

3.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 1.1.2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2021 VND
Thuế TNDN	35.382.154.300	283.892.919.060	(263.260.811.150)	56.014.262.210
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	21.270.427.173	419.293.571.708	(400.432.794.268)	40.131.204.613
Thuế TNDN nộp hộ DN nước ngoài	4.830.303.088	108.033.705.666	(104.248.815.101)	8.615.193.653
Thuế TNCN nộp hộ nhân viên	4.248.290.370	108.529.709.049	(104.723.720.067)	8.054.279.352
Thuế nhà thầu	1.233.704.212	14.427.516.011	(9.639.671.342)	6.021.548.881
Thuế giá trị gia tăng	48.750.780	4.702.918.489	(4.627.448.676)	124.220.593
Thuế môn bài	-	7.000.000	(7.000.000)	-
Tổng cộng	67.013.629.923	938.887.339.983	(886.940.260.604)	118.960.709.302

3.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Phụ cấp hoàn thành công việc	75.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phát triển kinh doanh phải trả	70.000.000.000	31.088.313.897
Chi phí lãi vay	32.147.819.729	22.032.166.627
Chi phí phải trả khác	17.144.894.993	11.744.363.077
Tổng cộng	194.292.714.722	114.864.843.601

3.15 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Cổ tức phải trả cho các cổ đông của Công ty (*)	155.952.838.630	155.942.531.017
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	15.759.161.000	6.364.500.000
Cổ tức trả hộ	5.812.620.544	3.413.307.130
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị	1.684.788.762	1.870.087.893
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.434.361.112	11.242.281.495
Tổng cộng	195.643.770.048	178.832.707.535

(*) Chi tiết biến động cổ tức phải trả trong năm như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Số dư đầu năm	155.942.531.017	155.070.718.509
Cổ tức bằng tiền công bố trong năm	365.989.986.000	366.050.214.000
Trong đó:		
Cổ tức đợt 2 năm 2019 (Thuyết minh 7.1(iv))	-	213.529.291.500
Cổ tức đợt 1 năm 2020 (Thuyết minh 7.1(v))	-	152.520.922.500
Cổ tức đợt 2 năm 2020 (Thuyết minh 7.1(i))	213.469.063.500	-
Cổ tức đợt 1 năm 2021 (Thuyết minh 7.1(ii))	152.520.922.500	-
Cổ tức đã trả	(365.979.678.387)	(365.178.401.492)
Số dư cuối năm	155.952.838.630	155.942.531.017
Trong đó:		
Cổ tức các năm trước (**)	3.431.916.130	3.421.608.517
Cổ tức đợt 1 năm 2021 – đến hạn ngày 13/01/2022	152.520.922.500	-
Cổ tức đợt 1 năm 2020 – đến hạn ngày 20/01/2021	-	152.520.922.500
	155.952.838.630	155.942.531.017

(**) Số dư cổ tức các năm trước chưa chi trả tại ngày báo cáo là do một số cổ đông chưa đến nhận.

Ngoài các khoản (**) ra, Công ty không có khoản phải trả nào khác đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có nguy cơ không thanh toán được các khoản phải trả này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.16 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

	Tại ngày	
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	1.979.982.500	1.360.000.000

Biến động của tài sản thuế TNDN hoãn lại trong năm như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Số dư đầu năm	1.360.000.000	280.383.984
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động	619.982.500	1.079.616.016
Số dư cuối năm	1.979.982.500	1.360.000.000

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	9.899.912.500	6.800.000.000
Tính ở thuế suất 20%:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.979.982.500	1.360.000.000

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cần trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

3.17 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày	
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	458.052.367	305.882.263
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	458.052.367	305.882.263
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(840.418)	(840.418)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	457.211.949	305.041.845

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng và tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 31.12.2021			Tại ngày 31.12.2020	
Cổ phiếu phổ thông		%	Cổ phiếu phổ thông	%
Phần vốn của Nhà nước				
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh ("HFIC") (*)	105.772.520	23,09	72.975.180	23,86
Phần vốn của các đối tượng khác				
Công ty TNHH Dragon Capital Mar-kets	137.475.834	30,01	91.650.556	29,96
Các cổ đông khác (**)	213.963.595	46,72	140.416.109	45,91
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu quỹ	840.418	0,18	840.418	0,27
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	458.052.367	100,00	305.882.263	100,00

mà UBCKNN yêu cầu hạn chế giao dịch cho đến khi có thông báo tiếp theo (Thuyết minh 7.1((iii))). Ngoài ra, số cổ phiếu này cũng bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (ngày 16 tháng 12 năm 2021) theo phương án phát hành nêu trong bản cáo bạch (Thuyết minh 7.1(iii))).

(**) Bao gồm trong số lượng cổ phiếu nắm giữ bởi các cổ đông khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.034.367 cổ phiếu phân phối lại cho nhân viên. Số cổ phiếu này cũng bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (ngày 16 tháng 12 năm 2021) theo phương án phát hành nêu trong bản cáo bạch (Thuyết minh 7.1(iii))).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

3.17 Vốn góp của chủ sở hữu

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

Số cổ phiếu phổ thông	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	305.516.173
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(474.328)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	305.041.845
Cổ phiếu phát hành thêm trong năm (Thuyết minh 7.1(iii))	152.170.104
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	457.211.949

3.18 Lợi nhuận chưa phân phối

Tại ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	1.133.223.368.908	647.641.022.448
Lợi nhuận chưa thực hiện	97.091.391.468	27.645.711.697
Tổng cộng	1.230.314.760.376	675.286.734.145

Biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31.12.2020 VND	Thu nhập trong năm VND	Cổ tức đã công bố trong năm VND	Trích lập các quỹ VND	Khác (*) VND	Số dư tại ngày 31.12.2021 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	647.641.022.448	1.077.616.701.316	(365.989.986.000)	(226.062.548.856)	18.180.000	1.133.223.368.908
Lợi nhuận chưa thực hiện	27.645.711.697	69.445.679.771	-	-	-	97.091.391.468
Lợi nhuận chưa phân phối	675.286.734.145	1.147.062.381.087	(365.989.986.000)	(226.062.548.856)	18.180.000	1.230.314.760.376

(*) Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại.

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Số lượng cổ phiếu

(a) Cổ phiếu đang lưu hành

Tại ngày		
	31.12.2021	31.12.2020
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm (cổ phiếu)	152.170.104	-
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	305.041.845	305.041.845
	457.211.949	305.041.845

(b) Cổ phiếu quỹ

Tại ngày		
	31.12.2021	31.12.2020
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng mua lại dưới 1 năm (cổ phiếu)	-	474.328
Số lượng mua lại từ 1 năm trở lên (cổ phiếu)	840.418	366.090
	840.418	840.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.2 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

Tại ngày 31.12.2020							
Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
CFPT2103	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	07.07.2021	07.01.2022	5.000.000	-	2.152.700	2.847.300
CMBB2103	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	07.07.2021	07.01.2022	5.000.000	-	4.982.200	17.800
CMWG2106	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	07.07.2021	07.01.2022	5.000.000	-	463.800	4.536.200
CVNM2107	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	07.07.2021	07.01.2022	5.000.000	-	3.284.600	1.715.400
CPNJ2104	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	07.07.2021	07.01.2022	5.000.000	-	4.992.600	7.400
CVIC2104	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (VIC)	07.07.2021	07.01.2022	5.000.000	-	4.748.400	251.600
CHPG2113	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	06.09.2021	07.03.2022	10.000.000	-	9.429.200	570.800
CSTB2109	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	06.09.2021	07.03.2022	10.000.000	-	6.911.100	3.088.900
CTCB2109	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	06.09.2021	07.03.2022	10.000.000	-	9.313.100	686.900
CVHM2110	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	06.09.2021	07.03.2022	10.000.000	-	9.715.500	284.500
CVPB2108	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	06.09.2021	07.03.2022	10.000.000	-	9.310.900	689.100
CVRE2109	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	06.09.2021	07.03.2022	10.000.000	-	9.512.900	487.100
CFPT2109	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	08.10.2021	08.04.2022	10.000.000	-	9.826.600	173.400
CMBB2107	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	08.10.2021	08.04.2022	10.000.000	-	8.114.000	1.886.000
CMSN2110	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	08.10.2021	08.04.2022	10.000.000	-	932.200	9.067.800
CMWG2111	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	08.10.2021	08.04.2022	10.000.000	-	7.900.300	2.099.700
CVIC2107	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (VIC)	08.10.2021	08.04.2022	10.000.000	-	9.504.200	495.800
CVNM2112	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	08.10.2021	08.04.2022	10.000.000	-	9.162.000	838.000
ACB-HSC-MET01	Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	20.12.2021	20.09.2022	10.000.000	-	220.000	9.780.000
FPT-HSC-MET09	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	20.12.2021	20.09.2022	7.000.000	-	-	7.000.000
HPG-HSC-MET08	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	20.12.2021	20.09.2022	20.000.000	-	38.000	19.962.000
MBB-HSC-MET09	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	20.12.2021	20.09.2022	7.000.000	-	-	7.000.000
MWG-HSC-MET10	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	20.12.2021	20.09.2022	5.000.000	-	-	5.000.000
PNJ-HSC-MET05	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận(PNJ)	20.12.2021	20.09.2022	5.000.000	-	55.000	4.945.000
STB-HSC-MET04	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	20.12.2021	20.09.2022	7.000.000	-	3.070.000	3.930.000
TCB-HSC-MET07	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	20.12.2021	20.09.2022	7.000.000	-	-	7.000.000
VHM-HSC-MET07	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	20.12.2021	20.09.2022	7.000.000	-	-	7.000.000
VPB-HSC-MET08	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	20.12.2021	20.09.2022	7.000.000	-	221.000	6.779.000
VRE-HSC-MET08	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	20.12.2021	20.09.2022	7.000.000	-	10.000	6.990.000
TPB-HSC-MET01	Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPB)	21.12.2021	21.09.2022	10.000.000	-	10.000	9.990.000
				249.000.000	-	123.880.300	125.119.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.2 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

Tại ngày 31.12.2020							
Mã chứng quyền	Chứng khoán cơ sở	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số lượng chứng quyền được phép phát hành	Số lượng chứng quyền hủy đăng ký	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Số lượng chứng quyền chưa lưu hành
CFPT2008	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(2.000.000)	1.474.530	1.525.470
CHPG2016	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(4.000.000)	564.950	435.050
CMBB2007	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(2.000.000)	972.740	2.027.260
CMSN2006	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(4.000.000)	300.140	699.860
CMWG2010	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	-	818.300	4.181.700
CPNJ2006	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(2.000.000)	253.220	2.746.780
CREE2005	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(3.500.000)	45.850	1.454.150
CTCB2007	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	-	1.414.060	3.585.940
CVHM2005	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	-	2.262.840	2.737.160
CVNM2008	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(2.000.000)	2.772.170	227.830
CVPB2008	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	(3.500.000)	277.080	1.222.920
CVRE2008	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	14.07.2020	14.01.2021	5.000.000	-	3.988.140	1.011.860
CFPT2011	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.245.210	754.790
CHPG2021	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.989.040	10.960
CMBB2009	Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	3.504.090	1.495.910
CMSN2011	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	(4.000.000)	558.890	441.110
CPNJ2009	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.756.420	243.580
CSTB2012	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	2.663.850	2.336.150
CTCB2010	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.732.010	267.990
CVHM2009	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.168.860	831.140
CVIC2006	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup (VIC)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.407.750	592.250
CVNM2013	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (VNM)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.999.600	400
CVPB2012	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	2.744.110	2.255.890
CVRE2012	Công ty Cổ phần Vincom Retail (VRE)	01.10.2020	01.04.2021	5.000.000	-	4.998.420	1.580
CFPT2012	Công ty Cổ phần FPT (FPT)	01.10.2020	04.05.2021	5.000.000	-	3.651.260	1.348.740
CHPG2022	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (HPG)	01.10.2020	04.05.2021	5.000.000	-	4.999.300	700
CVHM2010	Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM)	01.10.2020	04.05.2021	5.000.000	-	3.636.680	1.363.320
CVPB2011	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)	01.10.2020	04.05.2021	5.000.000	-	2.728.400	2.271.600
CMWG2015	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	10.11.2020	10.05.2021	5.000.000	-	4.447.290	552.710
CREE2006	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE)	10.11.2020	10.05.2021	5.000.000	-	954.920	4.045.080
CMWG2016	Công ty CP Đầu tư Thế Giới Di Động (MWG)	10.11.2020	10.06.2021	5.000.000	-	4.568.890	431.110
				155.000.000	(27.000.000)	86.899.010	41.100.990

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.2 Chứng quyền có bảo đảm được phép phát hành nhưng chưa lưu hành

Vị thế bán đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

Tại ngày 31.12.2020								
Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	Vị thế bán
VN30F2201	19.11.2021	20.01.2022	2.195	1.537.000	337.371.500.000	-	-	-
VN30F2101	20.11.2020	21.01.2021	-	-	-	8.496	1.083.900	920.881.440.000
					337.371.500.000	920.881.440.000		

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và mua lại/đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	1.512.892.400.808	719.339.277.788
Trong đó:		
Lãi bán chứng khoán cơ sở	883.067.350.137	320.839.984.672
Lãi bán chứng khoán phái sinh	577.346.285.000	360.635.618.000
Lãi khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành	33.858.032.756	18.919.632.186
Lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành	18.620.732.915	18.944.042.930
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(1.162.590.730.033)	(614.662.557.597)
Trong đó:		
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(328.791.730.972)	(205.989.412.953)
Lỗ bán chứng khoán phái sinh	(526.248.710.000)	(328.131.683.000)
Lỗ khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành	(238.231.290.864)	(79.327.729.458)
Lỗ khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành	(69.318.998.197)	(1.213.732.186)
Lãi ròng	350.301.670.77	104.676.720.191

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL và mua lại/đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành

Chi tiết theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn (*)	Lãi/(lỗ) bán năm này	(Lỗ)/lãi bán năm trước
Cổ phiếu	563.105.580	29.222.956.487.114	(28.758.050.004.732)	464.906.482.382	84.939.453.528
Trái phiếu	38.927.934	3.918.315.626.695	(3.892.793.400.000)	25.522.226.695	16.075.634.927
Chứng chỉ quỹ ETF	387.490.600	8.291.833.899.300	(8.229.412.606.037)	62.421.293.263	14.143.807.357
Chứng quyền có bảo đảm do tổ chức khác phát hành	782.720	17.986.078.400	(16.560.461.575)	1.425.616.825	(308.324.093)
Lãi bán chứng khoán cơ sở	990.306.834	41.451.092.091.509	(40.896.816.472.344)	554.275.619.165	114.850.571.719
Lãi ròng vị thế từ nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				51.097.575.000	32.503.935.000
Lỗ ròng khi mua lại chứng quyền do Công ty phát hành				(204.373.258.108)	(60.408.097.272)
(Lỗ)/lãi khi đáo hạn chứng quyền do Công ty phát hành				(50.698.265.282)	17.730.310.744
Tổng cộng				350.301.670.775	104.676.720.191

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và chứng quyền có bảo đảm

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(94.368.025.555)	104.750.184.619
Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	2.361.682.301	27.738.629.141
Tổng cộng	(92.006.343.254)	132.488.813.760

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2021	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2020	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	229.331.627.871	220.305.806.086	(9.025.821.785)	15.620.986.099	(24.646.807.884)
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	-	-	-	(9.514.916.000)	9.514.916.000
Tài sản cơ sở cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	703.873.926.275	697.942.016.400	(5.931.909.875)	71.812.646.406	(77.744.556.281)
Trái phiếu niêm yết	1.328.339.800.000	1.346.221.713.216	17.881.913.216	19.061.913.518	(1.180.000.302)
Chứng chỉ quỹ ETF	104.817.693.592	107.194.033.518	2.376.339.926	326.234.713	2.050.105.213
Tổng cộng	2.366.363.047.738	2.371.663.569.220	5.300.521.482	97.306.864.736	(92.006.343.254)

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Chênh lệch giảm đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	95.619.931.371	(5.212.237.426)
Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	65.832.091.657	(70.859.243.200)
Tổng cộng	161.452.023.028	(76.071.480.626)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2021 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2020 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Chứng quyền có bảo đảm	233.970.099.735	142.179.229.746	91.790.869.989	(69.661.153.039)	161.452.023.028

5.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Cổ tức	6.736.424.330	4.833.857.588
Tiền lãi	295.525.161.205	203.460.541.422
Tổng cộng	302.261.585.535	208.294.399.010

5.4 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản vay

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Chi phí đi vay	747.190.551.120	207.049.930.074

5.5 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính

Chi phí hoạt động trong năm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ, cụ thể như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Chi phí hoạt động tự doanh	91.924.223.288	56.313.185.768
Chi phí nhân viên	6.722.683.282	5.366.337.260
Chi phí giao dịch trả cho các sở giao dịch chứng khoán	22.874.207.607	16.121.782.626
Chi phí khấu hao	665.963.340	1.530.061.966
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	10.695.395.727	7.100.203.422
Chi phí phân bổ (*)	50.965.973.332	26.194.800.494
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	766.756.414.595	420.110.183.582
Chi phí nhân viên	340.902.944.762	159.644.766.034
Chi phí giao dịch	288.026.957.745	133.567.817.357
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	45.043.788.963	51.297.651.575
Chi phí thuê văn phòng	22.955.762.404	28.212.408.977
Chi phí khấu hao	12.510.343.749	12.083.692.467
Chi phí phân bổ (*)	57.316.616.972	35.303.847.172
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	8.909.326.503	7.961.207.512
Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính	21.786.770.977	20.203.733.179
Chi phí nhân viên	15.875.720.388	12.558.611.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.911.050.589	7.645.121.501
Chi phí các dịch vụ khác	4.456.527.541	3.594.143.138
	893.833.262.904	508.182.453.179

(*) Chi phí phân bổ chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài của các bộ phận hỗ trợ liên quan và được phân bổ theo doanh thu của từng hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.6 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Chi phí nhân viên	191.507.028.604	140.843.142.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.996.863.238	35.680.891.089
Chi phí thuê văn phòng	17.476.234.694	15.663.078.668
Khấu hao tài sản cố định	9.279.658.896	12.483.791.976
Chi phí sửa chữa văn phòng	8.059.667.493	5.108.204.711
Chi phí quản lý khác	28.493.101.365	6.507.489.117
Tổng cộng	296.812.554.290	216.286.598.477

5.7 Chi phí thuế TNDN

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.430.335.317.647	660.305.435.709
Thuế tính ở thuế suất 20%:	286.067.063.529	132.061.087.142
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1.347.284.869)	(966.771.518)
Chi phí không được khấu trừ	333.140.400	239.053.018
Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC đã lập trong các năm trước	(1.160.000.000)	(1.479.627.098)
Điều chỉnh khác	(619.982.500)	-
Chi phí thuế TNDN (*)	283.272.936.560	129.853.741.544
Thuế TNDN ghi nhận trong năm:		
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	283.892.919.060	130.933.357.560
Chi phí thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 3.16)	(619.982.500)	(1.079.616.016)
Tổng cộng	283.272.936.560	129.853.741.544

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5.8 Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ.

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	1.147.062.381.087	530.451.694.165
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(18.527.264.270)
	1.147.062.381.087	511.924.429.895
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	311.295.411	305.197.408
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.685	1.677

(*) Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính, do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm này, lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay chưa được điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm.

(**) Chỉ tiêu lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được tính lại sau khi điều chỉnh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2021, cụ thể như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Chỉ tiêu	Số liệu theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu tính lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	530.451.694.165	(18.527.264.270)	511.924.429.895
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	305.197.408	-	305.197.408
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.738		1.677

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

6 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Các giao dịch trọng yếu không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Năm tài chính kết thúc ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả (Thuyết minh 7.1(ii)) (*)	152.520.922.500	152.520.922.500

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 11 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã quyết định chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 cho cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 16 tháng 12 năm 2021. Ngày thanh toán là ngày 13 tháng 1 năm 2022.

7 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 1.1.2021	3.058.822.630.000	358.946.064.000	(12.477.449.008)	177.907.588.627	177.907.588.627	3.961.374.994	675.286.734.145	4.440.354.531.385
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	1.147.062.381.087	1.147.062.381.087
Cổ tức đợt 2 năm 2020 (i)	-	-	-	-	-	-	(213.469.063.500)	(213.469.063.500)
Cổ tức đợt 1 năm 2021 (ii)	-	-	-	-	-	-	(152.520.922.500)	(152.520.922.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(18.527.264.270)	(18.527.264.270)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (i)	-	-	-	-	-	-	(7.956.775.412)	(7.956.775.412)
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	99.789.254.587	99.789.254.587	-	(199.578.509.174)	-
Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại	-	-	-	-	-	-	18.180.000	18.180.000
Phát hành cổ phiếu (iii)	1.521.701.040.000	608.680.416.000	-	-	-	-	-	2.130.381.456.000
Chi phí phát hành	-	(89.600.000)	-	-	-	-	-	(89.600.000)
Tại ngày 31.12.2021	4.580.523.670.000	967.536.880.000	(12.477.449.008)	277.696.843.214	277.696.843.214	3.961.374.994	1.230.314.760.376	7.325.252.922.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

7.1 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 1.1.2020	3.058.822.630.000	358.946.064.000	(5.836.857.008)	151.385.003.919	151.385.003.919	3.961.374.994	585.479.819.315	4.304.143.039.139
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	-	530.451.694.165	530.451.694.165
Cổ tức đợt 2 năm 2019 (iv)	-	-	-	-	-	-	(213.529.291.500)	(213.529.291.500)
Cổ tức đợt 1 năm 2020 (v)	-	-	-	-	-	-	(152.520.922.500)	(152.520.922.500)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (iv)	-	-	-	-	-	-	(15.139.772.143)	(15.139.772.143)
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (iv)	-	-	-	-	-	-	(6.488.473.776)	(6.488.473.776)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 2.23)	-	-	-	26.522.584.708	26.522.584.708	-	(53.045.169.416)	-
Thu hồi cổ tức của cổ phiếu phát hành trong chương trình ESOP được mua lại	-	-	-	-	-	-	78.850.000	78.850.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(6.640.592.000)	-	-	-	-	(6.640.592.000)
Tại ngày 31.12.2020	3.058.822.630.000	358.946.064.000	(12.477.449.008)	177.907.588.627	177.907.588.627	3.961.374.994	675.286.734.145	4.440.354.531.385

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2021:

- Mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2020 là 7% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 700 Đồng/cổ phiếu;
- Mức trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3,49% lợi nhuận sau thuế của năm 2020;
- Mức trích Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2020;
- Mức trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ là 13% lợi nhuận sau thuế của năm 2020 cho mỗi quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã trích lập mỗi quỹ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2020. Theo đó, trong năm 2021, Công ty đã trích lập bổ sung cho mỗi quỹ ở mức 8% lợi nhuận sau thuế của năm 2020.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 11 năm 2021, mức chia cổ tức đợt 1 của năm 2021 là 5% vốn điều lệ 3.058.822.630.000 Đồng, tương đương 500 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 1 năm 2021 được chi trả bằng tiền dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 16 tháng 12 năm 2021 vào ngày thanh toán là ngày 13 tháng 1 năm 2022 (Thuyết minh 6.1).

(iii) Nghị quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua với giá thực hiện là 14.000 Đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ thực hiện quyền mua là 2 : 1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới). Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm chỉ được phép chuyển nhượng một lần. Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân bị hủy bỏ. Hội đồng Quản trị được ủy quyền phân phối cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Cổ phiếu phân phối cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng, trong khi cổ phiếu phân phối lại bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, UBCKNN đã cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 186/GCN-UBCK với tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 152.520.923 cổ phiếu phổ thông được phân phối theo phương án nêu trong bản cáo bạch.

Tính đến ngày 16 tháng 12 năm 2021 (ngày kết thúc đợt chào bán), Công ty đã phát hành thêm 152.170.104 cổ phiếu, bao gồm 32.797.340 cổ phiếu phân phối lại cho HFIC và 1.034.367 cổ phiếu phân phối lại cho nhân viên theo danh sách đính kèm Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Ngày 19 tháng 1 năm 2022, UBCKNN có Công văn số 376/UBCK-QLKD xác nhận Công ty đã phân phối 152.170.104 cổ phiếu, và yêu cầu Công ty chưa được sử dụng phần vốn góp của HFIC liên quan đến đợt phát hành này (459.162.760.000 Đồng) cho đến khi có thông báo tiếp theo. Cùng ngày, UBCKNN đã có Công văn số 377/UBCK-QLKD yêu cầu Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hạn chế giao dịch đối với 32.797.340 cổ phiếu phân phối cho HFIC trong đợt phát hành này cho đến khi có thông báo tiếp theo.

Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần và giá phát hành 14.000 Đồng/cổ phần.

Tiền thuần thu được từ đợt phát hành như sau:

	VND
Tiền thu từ đợt chào bán	2.130.381.456.000
Chi phí phát hành	(89.600.000)
	2.130.291.856.000

(iv) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 23 tháng 6 năm 2020:

- Mức chia cổ tức đợt 2 của năm 2019 là 7% mệnh giá của cổ phiếu, tương đương 700 Đồng/cổ phiếu;
- Mức trích quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2019;
- Mức trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát là 1,5% lợi nhuận sau thuế của năm 2019.

(v) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 8 tháng 12 năm 2020, mức chia cổ tức đợt 1 của năm 2020 là 5% vốn điều lệ 3.058.822.630.000 Đồng, tương đương 500 Đồng/cổ phiếu. Cổ tức đợt 1 năm 2020 được chi trả bằng tiền dựa trên danh sách cổ đông chốt ngày 20 tháng 12 năm 2020 vào ngày thanh toán là ngày 20 tháng 1 năm 2021 (Thuyết minh 6.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

7

THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.2

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu năm	647.641.022.448	614.251.440.752
Lỗ chưa thực hiện cuối năm	-	-
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	1.077.616.701.316	474.034.361.031
Số trích lập trong năm:	(226.062.548.856)	(74.673.415.335)
<i>Quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	<i>(18.527.264.270)</i>	<i>(15.139.772.143)</i>
<i>Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị</i>	<i>(7.956.775.412)</i>	<i>(6.488.473.776)</i>
<i>Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ</i>	<i>(99.789.254.587)</i>	<i>(26.522.584.708)</i>
<i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ</i>	<i>(99.789.254.587)</i>	<i>(26.522.584.708)</i>
Lợi nhuận đã phân phối cho cổ đông trong năm	(365.989.986.000)	(366.050.214.000)
Lợi nhuận còn lại có thể phân phối cho cổ đông	1.133.205.188.908	647.562.172.448
Lợi nhuận đã phân phối cho cổ đông trong năm	365.989.986.000	366.050.214.000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối	(5.419.910.200)	(4.132.675.615)
Thu nhập thuần phân phối cho cổ đông	360.570.075.800	361.917.538.385

8

THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Dragon Capital Markets ("DC")	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 30,01% vốn điều lệ.
	Chủ tịch HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).
	Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam (DCVFM).
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh ("HFIC")	Thành viên HĐQT của Công ty là Trưởng Văn phòng đại diện của VPDD Dragon Capital Management (HK).
	Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT Công ty là đại diện phần vốn của DC.
	Cổ đông chiến lược, nắm giữ 23,09% vốn điều lệ.
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	Thành viên HĐQT của Công ty là Phó Tổng Giám đốc của HFIC.
	Thành viên HĐQT của Công ty là Trưởng phòng Pháp chế của HFIC.
	Nhân sự quản lý chủ chốt

(a)

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan bao gồm:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
DC		
Cổ tức đã trả	109.980.667.200	109.980.667.200
HFIC		
Cổ tức đã trả	87.570.216.000	105.000.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác (*)	47.843.114.101	42.470.324.025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

8

THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a)

Giao dịch với các bên liên quan

(*) Chi tiết lương và thù lao của các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

		Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Thù lao của Hội đồng quản trị			
Ông Johan Nyvene (từ ngày 22.04.2021) (đến ngày 21.04.2021)	Chủ tịch Thành viên	1.960.230.768 -	- 360.000.000
Ông Đỗ Hùng Việt (đến ngày 21.04.2021)	Chủ tịch	320.000.000	1.043.916.000
Ông Lê Anh Minh	Phó chủ tịch	746.666.667	866.666.667
Ông Lê Hoàng Anh	Thành viên	496.666.667	400.000.000
Ông Nguyễn Hồng Văn (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	230.000.000	-
Ông Trần Quốc Tú (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	263.333.333	-
Ông Andrew Colin Vallis (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	546.666.667	-
Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	480.000.000	-
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc (đến ngày 21.04.2021)	Thành viên	66.666.667	266.666.667
Ông Lê Thắng Cần (đến ngày 21.04.2021)	Thành viên	100.000.000	400.000.000
Ông Lâm Hoài Anh (đến ngày 21.04.2021)	Thành viên	66.666.667	266.666.667
		5.276.897.436	3.603.916.001
Thù lao của Ban kiểm soát			
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc (từ ngày 22.04.2021)	Trưởng ban	370.000.000	-
Ông Võ Văn Châu(đến ngày 21.04.2021)	Trưởng ban	116.666.667	466.666.667
Bà Đặng Nguyệt Minh	Thành viên	420.000.000	400.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Thanh (từ ngày 22.04.2021)	Thành viên	170.000.000	-
Ông Đoàn Văn Hinh (đến ngày 21.04.2021)	Thành viên	20.000.000	80.000.000
		1.096.666.667	946.666.667
Lương của Tổng Giám đốc			
Ông Trịnh Hoài Giang (từ ngày 16.03.2020)	Tổng Giám đốc	6.300.000.000	5.132.500.000
Ông Johan Nyvene (đến ngày 15.03.2020)	Tổng Giám đốc		421.200.000
		6.300.000.000	5.553.700.000

8

THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(b)

Số dư cuối năm với các bên liên quan

(*) Chi tiết lương và thù lao của các nhân sự quản lý chủ chốt cụ thể như sau:

Tại ngày		
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
DC		
Cổ tức phải trả	45.825.278.000	45.825.278.000
HFIC		
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	25.145.733	25.133.244
Cổ tức phải trả	36.487.590.000	36.487.590.000

9

BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Điều hành của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

(a)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Điều hành nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(b)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận tự doanh tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL, các công cụ phái sinh phòng ngừa rủi ro và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận kinh doanh vốn tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và đầu tư tài sản tài chính HTM.

Bộ phận tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

9 **BÁO CÁO BỘ PHẬN**

(b) **Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
	Môi giới và dịch vụ	Tự doanh	Kinh doanh vốn	Tư vấn	Tổng cộng
Doanh thu và thu nhập (*)	1.418.480.077.984	1.816.405.892.159	1.178.676.110.277	46.550.757.392	4.460.112.837.812
Chi phí	(780.122.268.639)	(1.186.321.179.363)	(747.190.551.120)	(21.786.770.977)	(2.735.420.770.099)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(740.513.855.737)	(1.239.778.442.061)	(747.190.551.120)	(21.722.485.978)	(2.749.205.334.896)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	68.193.773.958	-	-	68.193.773.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(12.510.343.749)	(665.963.340)	-	(64.284.999)	(13.240.592.088)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(27.098.069.153)	(14.070.547.920)	-	-	(41.168.617.073)
Kết quả bộ phận	638.357.809.345	630.084.712.796	431.485.559.157	24.763.986.415	1.724.692.067.713
Thu nhập tài chính thuần					2.367.957.861
Thu nhập khác					87.846.363
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(296.812.554.290)
Kết quả hoạt động trước thuế					1.430.335.317.647

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
	Môi giới và dịch vụ	Tự doanh	Kinh doanh vốn	Tư vấn	Tổng cộng
Doanh thu và thu nhập (*)	633.049.988.049	1.027.171.623.991	549.942.893.189	37.741.467.445	2.247.905.972.674
Chi phí	(431.665.534.232)	(714.096.357.424)	(207.049.930.074)	(20.203.733.179)	(1.373.015.554.909)
Trong đó:					
Chi phí trực tiếp bằng tiền	(379.919.796.410)	(645.871.201.480)	(207.049.930.074)	(20.121.379.845)	(1.252.962.307.809)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền ngoại trừ chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	-	(43.120.614.059)	-	-	(43.120.614.059)
Chi phí khấu hao tài sản cố định	(12.083.692.467)	(1.530.061.966)	-	(82.353.334)	(13.696.107.767)
Chi phí được phân bổ từ chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn	(39.662.045.355)	(23.574.479.919)	-	-	(63.236.525.274)
Kết quả bộ phận	201.384.453.817	313.075.266.567	342.892.963.115	17.537.734.266	874.890.417.765
Thu nhập tài chính thuần					1.610.698.997
Thu nhập khác					90.917.424
Chi phí quản lý doanh nghiệp					(216.286.598.477)
Kết quả hoạt động trước thuế					660.305.435.709

(*) Toàn bộ doanh thu tạo ra từ việc cung cấp dịch vụ ra bên ngoài, và toàn bộ thu nhập tạo ra từ giao dịch với các đối tác bên ngoài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

9BÁO CÁO BỘ PHẬN

(b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021						
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	772.780.659.250	2.434.351.727.635	21.089.851.057.661	3.221.888.501	-	24.300.205.333.047
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	68.897.807.670	68.897.807.670
Tổng tài sản	772.780.659.250	2.434.351.727.635	21.089.851.057.661	3.221.888.501	68.897.807.670	24.369.103.140.717
Nợ phải trả bộ phận	(1.463.220.129.541)	-	(15.072.017.949.971)	-	-	(16.535.238.079.512)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(508.612.138.415)	(508.612.138.415)
Tổng nợ phải trả	(1.463.220.129.541)	-	(15.072.017.949.971)	-	(508.612.138.415)	(17.043.850.217.927)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					321.417.800	321.417.800
Cho tài sản bộ phận					-	-
Cho tài sản không phân bổ					321.417.800	321.417.800
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020						
Tài sản bộ phận	330.925.036.669	3.241.659.928.389	8.860.312.830.607	2.945.599.248	-	12.435.843.394.913
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	52.984.158.174	52.984.158.174
Tổng tài sản	330.925.036.669	3.241.659.928.389	8.860.312.830.607	2.945.599.248	52.984.158.174	12.488.827.553.087
Nợ phải trả bộ phận	(941.731.165.549)	-	(6.738.603.227.707)	-	-	(7.680.334.393.256)
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	(368.138.628.446)	(368.138.628.446)
Tổng nợ phải trả	(941.731.165.549)	-	(6.738.603.227.707)	-	(368.138.628.446)	(8.048.473.021.702)
Tổng chi phí phát sinh hình thành tài sản cố định trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	20.742.310.345	-	1.384.059.391	-	11.198.521.176	33.324.890.912
Cho tài sản bộ phận	20.742.310.345	-	1.384.059.391	-	-	22.126.369.736
Cho tài sản không phân bổ	-	-	-	-	11.198.521.176	11.198.521.176

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ban Điều hành của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Điều hành xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Điều hành.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 3.1)	6.928.122.316.897	61.440.624.254
Tiền gửi ký quỹ cho chứng quyền (Thuyết minh 3.1)	270.000.000.000	145.100.000.000
Trái phiếu niêm yết (Thuyết minh 3.2)	1.346.221.713.216	932.804.513.518
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)	13.690.097.115.046	8.623.841.531.603
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.5)	839.818.918.749	258.082.311.117
Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh (Thuyết minh 3.6)	61.300.080.950	179.688.615.950
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	9.245.993.262	9.370.825.870
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	23.144.806.138.120	10.210.328.422.312

(i) Số dư với ngân hàng

Số dư với ngân hàng bao gồm tiền gửi và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Ban Điều hành tín nhiệm hoặc nằm trong danh sách được Nhà nước cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với ngân hàng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với ngân hàng là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có số dư nào với ngân hàng bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(a) Rủi ro tín dụng

(ii) Tài sản tài chính FVTPL

Các chứng khoán nợ do Công ty nắm giữ là trái phiếu không có tài sản đảm bảo được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp và phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có chứng khoán nợ nào chiếm trên 20% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có số dư nào với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi Bộ phận Quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(a) Rủi ro tín dụng

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 55.356.391.622.480 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 33.527.912.173.430 Đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2021 (VND)	31.12.2020 (VND)
Quá hạn và bị suy giảm giá trị	-	37.783.317.946
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	13.690.097.115.046	8.586.058.213.657
Dự phòng đã lập	-	(37.783.317.946)
Giá trị thuần	13.690.097.115.046	8.586.058.213.657

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại ngày báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm	Quá hạn nhưng không suy giảm	Chưa quá hạn và không bị suy giảm	Tổng cộng
Tại ngày 31.12.2021				
Trong hạn	-	-	839.818.918.749	839.818.918.749
Quá hạn trên 3 năm	-	-	-	-
	-	-	839.818.918.749	839.818.918.749
Dự phòng đã lập	-	-	-	-
Giá trị thuần	-	-	839.818.918.749	839.818.918.749
Tại ngày 31.12.2020				
Trong hạn	-	-	256.281.836.915	256.281.836.915
Quá hạn trên 3 năm	1.800.474.202	-	-	1.800.474.202
	1.800.474.202	-	256.281.836.915	258.082.311.117
Dự phòng đã lập	(1.800.474.202)	-	-	(1.800.474.202)
Giá trị thuần	-	-	256.281.836.915	256.281.836.915

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

● Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng và cho vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

Chi tiết lãi suất của các trái phiếu doanh nghiệp và các khoản đi vay của Công ty được trình bày ở Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.11.

● Rủi ro về giá chứng khoán

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ trong danh mục tài sản tài chính, vị thế mở hợp đồng tương lai và chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản mục này. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán và phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nếu giá các chứng khoán tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 189.211.283.947 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: cao hơn/thấp hơn 182.842.108.916 Đồng tương ứng).

● Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty quản lý rủi ro tiền tệ bằng cách thường xuyên theo dõi tình hình tỷ giá, cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ và tham gia hợp đồng hoán đổi lãi suất hai đồng tiền (Thuyết minh 3.11(**)) nhằm phòng ngừa rủi ro tiền tệ.

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
31.12.2021	31.12.2020	31.12.2021	31.12.2020
Tài sản tài chính			
Tiền	1.933,03	1.880,68	43.948.25042.770.475
Nợ tài chính			
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	(91.500.000,00)	(25.000.000,00)	(2.086.050.250.000)(579.425.000.000)
Nợ tài chính thuần	(91.498.066,97)	(24.998.119,32)	(2.086.006.301.750)(579.382.229.525)
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	(91.498.066,97)	(24.998.119,32)	(2.086.006.301.750)(579.382.229.525)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ thấp hơn/cao hơn 208.600.630.175 Đồng tương ứng chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: thấp hơn/cao hơn 57.938.222.953 Đồng tương ứng).

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

Tại ngày		
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.11)	15.039.870.130.242	6.716.571.061.080
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (Thuyết minh 3.12)	1.461.564.263.853	935.296.094.913
Phải trả người bán ngắn hạn	1.551.194.104	5.104.995.817
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.14)	194.292.714.722	114.864.843.601
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.15)	195.643.770.048	178.832.707.535
Tổng nợ tài chính	16.892.922.072.969	7.950.669.702.946

10 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: Thông tư 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2017), theo đó Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 520% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 658%).

11 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

Tại ngày		
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Dưới 1 năm	24.277.806.243	15.537.882.954
Từ 1 đến 5 năm	44.154.814.857	44.709.911.637
Tổng cộng	68.432.621.100	60.247.794.591

12 CAM KẾT VỐN

Cam kết mua tài sản cố định vô hình đã ký hợp đồng tại ngày báo cáo nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

Tại ngày		
	31.12.2021 VND	31.12.2020 VND
Mua phần mềm	1.687.470.000	397.206.400

13 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
a) Của Công ty		
Chứng quyền có bảo đảm	456.390.100	1.512.395.161.000
Cổ phiếu	1.984.130.860	86.661.884.752.858
Trái phiếu	335.926.254	35.574.105.347.268
Hợp đồng tương lai	715.383	99.747.136.465.000
b) Của nhà đầu tư		
Chứng quyền có bảo đảm	222.559.300	693.704.631.000
Cổ phiếu	20.045.078.114	590.980.943.111.060
Trái phiếu	158.146.254	16.756.079.914.256
Hợp đồng tương lai	13.823.413	1.900.261.032.570.000
	23.216.769.678	2.732.187.281.952.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

14 THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay, cụ thể như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu theo báo cáo trước đây (VND)	Phân loại lại (*) (VND)	Số liệu phân loại lại (VND)
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	83.776.529.704	31.088.313.897	114.864.843.601
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	209.921.021.432	(31.088.313.897)	178.832.707.535

(*) Phân loại lại một số chỉ tiêu về đúng dòng trên báo cáo theo cách trình bày của năm nay.

(b) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu theo báo cáo trước đây (VND)	Phân loại lại (*) (VND)	Số liệu phân loại lại (VND)
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	7.741.821.136	31.088.313.897	38.830.135.033
50	Tăng phải trả, phải nộp khác (bao gồm phải trả chứng quyền)	389.253.463.753	(31.125.532.617)	358.127.931.136
76	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(365.215.620.212)	37.218.720	(365.178.401.492)

(*) Phân loại lại một số chỉ tiêu về đúng dòng trên báo cáo theo cách trình bày của năm nay.

15 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày báo cáo cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính này.

Báo cáo tài chính đã được Ban Điều hành phê chuẩn để phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2022.



Lê Thị Thùy Dương
Người lập



Lâm Hữu Hồ
Giám đốc Tài chính
Kiểm Kế toán trưởng



Trịnh Hoài Giang
Tổng Giám đốc

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trụ sở chính:
Tầng 2, 5, 6, 7, 11 và 12 Tòa nhà AB,
76A Lê Lai, Quận 1, TP. HCM

Trung tâm Dịch vụ khách hàng:
Tầng 2, Tòa nhà AB, 76A Lê Lai, Quận 1, TP. HCM

HÀ NỘI

Chi nhánh Hà Nội:
Tầng 1 & 2, Tòa Nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Trung tâm Dịch vụ khách hàng:
Tầng 1, Tòa Nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phòng Giao dịch Hoàn Kiếm:
Tầng 3A và 7, Tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng,
23 Phan Chu Trinh, Phường Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội



